



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Thánh Thanh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hào
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: NguyenHuynhMai

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:
(714) 638-0989

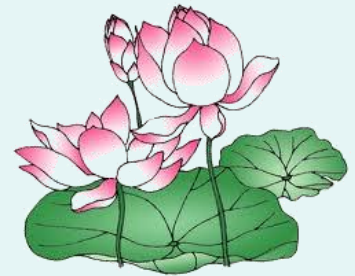
Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, rồi sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu truyền qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ◆ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ HAI HÌNH ẢNH MỘT CHUYÊN ĐI (thơ ĐNT Tín Nghĩa) trang 8
- ◆ TINH THẦN CẦU NGUYỆN TRONG KINH VU LAN (Quảng Tánh), trang 9
- ◆ GIỤC CHÀO (thơ Phù Du), trang 10
- ◆ XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH (Thích Thắng Hoan), trang 11
- ◆ ĐIỆN THƯ PHẢN ƯU: HT. THÍCH NHƯ HUỆ VIÊN TỊCH (GHPGVNTNHNK), trang 15
- ◆ LÀM CON CHÍ HIẾU (thơ Thích Viên Thành), trang 16
- ◆ CÔI SẠCH, CÔI DƠ VÀ MÔI TRƯỜNG SỐNG (Huỳnh Kim Quang), trang 17
- ◆ BIÊN VỌNG (thơ Huệ Trân) trang 20
- ◆ ĐỨC PHẬT NÓI VỀ SỰ CÚNG THÍ TỖ TIỀN VÀ NGÀ QUỲ (Thích Đức Thắng dịch), trang 21
- ◆ VU LAN NHỚ MẸ... (thơ Quảng Tánh Trần Cẩm), trang 23
- ◆ AN CỤ: MÙA NẠP NĂNG LƯỢNG NHIỀU PHƯỚC ĐỨC (Thích Viên Thành), trang 24
- ◆ THÔNG BẠCH: ĐẠI HỘI HOẰNG PHÁP VÀ GIÁO DỤC (HT. Thích Thái Siêu, HT. Thích Bốn Đạt), trang 26
- ◆ ĐƯỜNG ĐẾN AN BÌNH THỰC SỰ (Tuệ Uyên dịch), trang 27
- ◆ TRỜI THÁNG BẢY... (thơ Đồng Thiện), trang 31
- ◆ PHẢI CHI (thơ Hàn Long Ẩn), trang 32
- ◆ LÒNG HIẾU CỦA CHIM OANH VŨ – Câu chuyện dưới cờ (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ◆ ĐẠI CƯƠNG PHẬT PHÁP - Phật Pháp Thứ 5 (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ◆ BÒ ĐỀ TÂM – Lá Thư Đầu Tuần (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ◆ STORY OF PRINCESS ROHINI (Daw Mya Tin), trang 35
- ◆ THIÊN SƯ PHÁP LOA (Nguyễn Lang), trang 36
- ◆ BƯỚC CHÂN HIỀN TRIẾT (thơ Tuệ Thiên Lê Bá Bôn), trang 39
- ◆ MẸ (Hạnh Chi), trang 40
- ◆ NGÀY XƯA CÓ MẸ (thơ Thanh Nguyên), trang 42
- ◆ TÌNH CHA MẸ QUA THI CA BÌNH DÂN VIỆT NAM (TN. Giới Định), trang 47
- ◆ CHA, BÀ MẸ VIỆT (thơ Lê Bảo Kỳ), trang 50
- ◆ CÙNG THAY CHO NGƯỜI CHẾT CHƯA SIÊU THOÁT (Nguyễn Giác), trang 51
- ◆ TRẦM TƯ (thơ Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 53
- ◆ NHÌN DA ĐOÁN BỆNH (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 54
- ◆ NẮNG MƯA LÀ BỆNH CỦA TRỜI (thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao), trang 56
- ◆ NẤU CHAY: BÍ ĐỒ KHO PHỒ TAI ĐẬU ĐỎ (Gia Phụng), trang 57
- ◆ ĐÁU HOA VUN CÂY (Nguyễn Văn Sâm), trang 58
- ◆ TẬP THỜ, HỒM NAY (thơ NT Khánh Minh – Phan Tấn Hải dịch sang Anh ngữ), trang 62
- ◆ TRUYỆN NGẮN TRĂM CHỮ (Steven N.), trang 63
- ◆ PHỤC VỤ NGƯỜI BỆNH - HUẤN CHỈ CỦA NHƯ LAI (Pháp Hỷ), trang 64
- ◆ KHÔNG ĐỀ (thơ Lý Lão Nhân), trang 65
- ◆ LÀM MẸ VỚI TÂM LÒNG CỦA PHẬT (Hoang Phong dịch), trang 66
- ◆ NHẬN LÀM CON - truyện cổ Phật giáo (Minh Chiếu), trang 71
- ◆ GIỌT SƯƠNG ĐẦU CỎ (Huệ Trân), trang 72
- ◆ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG – chương 10 (Vĩnh Hào), trang 74



Chi phiếu ủng hộ hoặc đặt báo, xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 57, tháng 08 năm 2016, do Tổng Hội Cư Sĩ PGVN (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý hội và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

QUÊ CHA, ĐẤT MẸ

Từ nơi ấy chúng ta sinh ra. Từ nơi ấy, cha mẹ, ông bà chúng ta sinh ra.

Nơi ấy, được gọi là quê cha (fatherland), là đất mẹ (motherland), là đất tổ, là tổ quốc, là quê hương (native land).

Quê hương gắn liền với sinh mệnh, với dòng cảm thức và cảm xúc của chúng ta từ trong máu huyết.

Quê hương được biểu hiện trong một nền văn hóa chung, gọi là nếp sống, nếp ăn-ở, bao gồm tiếng nói, chữ viết, lời ca, điệu nhạc; từ miếng ăn, thức uống, trang phục (truyền thống), cho đến kiến trúc nhà ở, điện đài, những nơi thờ tự, và cách thức thờ tự... Có những gì rất giống trong những người sinh ra và lớn lên từ một quê hương. Có những gì rất khác giữa những người sinh ra và lớn lên từ các nơi chốn khác nhau. Nhưng điểm chung cùng là sinh ra nơi đâu, lớn lên từ đâu, người ta thường yêu tha thiết nơi ấy. Cùng yêu một quê hương là cùng yêu một cha/mẹ; cùng yêu cha/mẹ thì đó là anh em một nhà. Anh em một nhà thường thương yêu, đùm bọc, bảo vệ lẫn nhau; cùng dành cho cha/mẹ niềm yêu kính và lòng tri ân.

Đem hình ảnh cha/mẹ ghép vào mảnh đất này để gọi tên quê hương, người ta muốn kéo quê hương lại thật gần với tâm thức và đời sống thực của những đứa con; và đồng thời là nâng cao phẩm chất và tình cảm thiêng liêng của cha/mẹ lên tầng bậc cao nhất. Không ai gần gũi con cái bằng cha/mẹ. Không ai xứng đáng được gắn liền với đất này bằng cha/mẹ.

Mảnh đất này, quê hương này, nuôi nấng và trưởng dưỡng tất cả những đứa con được sinh ra. Một khi được sinh ra từ đất này, đứa con không thể nào quên được quê hương—dù phải ly hương hoặc sống đời lưu vong vì lý do nào đó. Đối với cha mẹ cũng vậy, con không thể nào quên—dù phải chia xa hoặc cha mẹ đã khuất bóng.

Quê hương, rất tha thiết, gần bó với tình cảm con người khi nghĩ đến, nhưng cũng thật mơ hồ vì quê hương chỉ là hai chữ để gọi tên, là một khoảnh nhỏ trên bản đồ, không thường xuyên có mặt trong đời sống hàng ngày. Nhưng gọi cha, gọi mẹ thì

gần gũi hơn, cụ thể hơn. Cha/mẹ chính là biểu tượng của quê hương. Yêu cha/mẹ sinh ra. Ngày nào cha/mẹ có mất đi thì quê hương vẫn còn đó, vì cha/mẹ chỉ ở bên ta trăm năm, trong khi quê hương thì ngàn đời.

Quê hương không thể mất.

Mất quê hương là mất cả cội nguồn yêu thương truyền nối từ bao đời tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Mất quê hương là mất cả lịch sử dài lâu của một dân tộc với bao nhiêu xương máu, bao nhiêu mồ hôi nước mắt trải dài theo dòng thời gian và trên từng tấc đất để khẳng định nền độc lập tự chủ của mình.

Cha mẹ mất đi, chỉ gia đình thân thuộc đau buồn. Quê cha, đất mẹ mà mất, cả dân tộc đau buồn, cả lịch sử nghìn năm kiên gan quật cường cũng sẽ bị xóa nhòa, dẫn vào quên lãng.

Hãy yêu cha mẹ khi cha mẹ còn hiện hữu, đừng để mất đi rồi hối tiếc.

Hãy yêu quê hương với niềm trân trọng, kính cẩn, đối với nơi chốn khắc ghi và lưu giữ tất cả hình ảnh và kỷ niệm của cha mẹ, ông bà, tổ tiên... nhiều đời; đừng làm tổn hại, đừng để rơi mất, dù chỉ một mảnh rêu, một phần bụi đất nhỏ.

Hãy gọi tên quê hương bằng tiếng gọi cha mẹ tha thiết, và hãy dành cho quê hương tình cảm sâu sắc nhất, như đã yêu thương chính cha mẹ của mình.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma thuyết pháp 3 ngày tại tu viện Tsuglagkhang ở Dharamsala

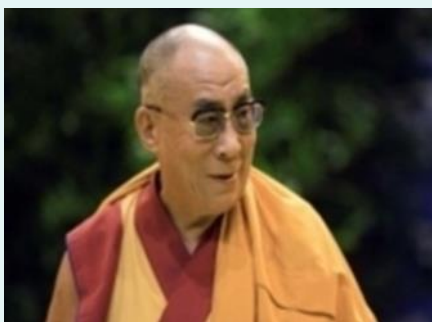
Vào ngày 7-6-2016, vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng, Đức Đạt lai Lạt ma thứ 14, đã bắt đầu 3 ngày thuyết pháp tại Dharamsala của bang Himachal Pradesh.

Khoảng 2,000 người bao gồm người Tây Tạng, chư tăng ni và tín đồ từ khắp nơi trên thế giới đã tập trung tại tu viện Tsuglagkhang để tham dự sự kiện này.

Nghị sĩ Tây Tạng lưu vong Dawa Tsering, người có mặt vào dịp này, nói rằng người Tây Tạng biết ơn Ấn Độ vì đã đem đến cho họ tôn giáo của Phật giáo.

“Có một ý nghĩa lớn đối với tất cả mọi người, đặc biệt là với nhân dân Ấn Độ vì đạo Phật đến từ Ấn Độ, được sinh ra ở Ấn Độ. Đạo đã được gìn giữ bằng tiếng Tây Tạng tại Tây Tạng bởi người Tây Tạng. Vì vậy bây giờ là một cơ hội lớn đối với ngài (Đức Đạt lai Lạt ma) hoặc với người Tây Tạng để chúng tôi có thể đền đáp đối với tôn giáo, nền văn hóa mà chúng tôi đã nhận được từ Ấn Độ này”, Tsering nói.

(ANI – June 8, 2016)



*Đức Đạt lai Lạt ma thứ 14—
Photo: ANI*

THÁI LAN: Wat Po (Chùa Po), cái nôi của massage truyền thống Thái

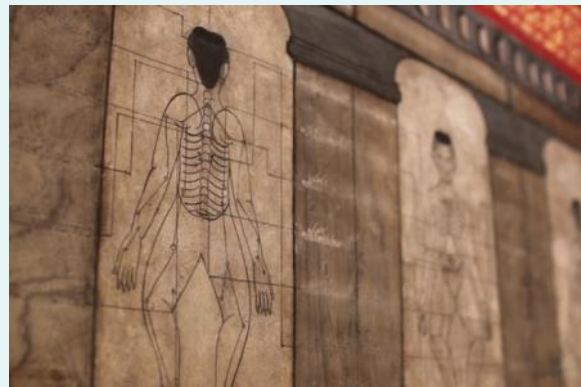
Việc thực hành massage truyền thống Thái đã sẵn sàng để trở thành một thành phần quan trọng của ngành công nghiệp chăm sóc sức khỏe của Thái Lan: Việc đưa massage Thái truyền thống vào hệ thống y tế hiện đại đang được hướng dẫn bởi Trường Y tế và Massage Truyền thống Thái Wat Po. Trường này có trụ sở tại Bangkok, ở khu chùa lịch sử Wat Po, được biết đến như cái nôi của massage Thái truyền thống.

Wat Po là một trong những chùa cổ nhất của Bangkok, hiện hữu trước khi thành phố này trở thành thủ đô của Thái Lan hiện đại, và chùa cũng là một trong những điểm thu hút du lịch nổi tiếng nhất của đất nước.

Trên tường của các tòa nhà trong khu chùa này có hơn 1,400 câu khắc và hình ảnh minh họa trên đá, một số của những bản khắc phục vụ như các hướng dẫn và tài liệu tham khảo dành cho các nhà trị liệu massage Thái. Vào tháng 12- 2011, UNESCO đã công nhận giá trị của di sản cổ xưa này, bằng việc bao gồm những bản khắc như một phần của dự án “Ký ức của Thế giới”, vốn liệt kê các bộ sưu tập thư viện và ác công trình lưu trữ có ý nghĩa lịch sử.

(Buddhistdoor Global – June 13, 2016)

Wat Po ở Bangkok, Thái Lan
-->



*Một số bản khắc chữ và minh họa về massage Thái truyền thống trên tường ở Wat Po—
Photos: watpomassage.com*

TÍCH LAN: Xá lợi Linh thiêng nhất của Phật giáo từ Taxila của vùng Gandhara cổ đại (Pakistan) được triển lãm tại Ampara

Các Xá lợi Linh thiêng nhất của Đức Phật từ Pakistan được triển lãm tại Tịnh xá Mangalagiri Rajamaha ở Ampara trong 2 ngày, từ 14 đến 15-6-2016, Cao ủy Pakistan tại Colombo cho biết trong một công bố.

Các xá lợi linh thiêng bao gồm 2 xá lợi xương của Đức Phật, một tráp bằng vàng đựng xá lợi và một bình đựng di vật có hình tháp bằng đá. Những di tích thiêng liêng này là một phần của bộ sưu tập từ Bảo tàng Taxila của Pakistan, vốn tọa lạc tại một trong những di tích khảo cổ học tại Á châu.

Vùng đất Gandhara, nơi đạo Phật nổi tiếng đã phát triển, là



một tam giác chạy dài 100 km từ đông sang tây và 70 km từ bắc xuống nam, trên bờ tây của Sông Indus ở Pakistan.

Con đường Gandhara, có thủ đô và trung tâm văn hóa tại Taxila ngày nay, là một phần của con đường tơ lụa và nhiều khách hành hương Phật giáo từ các nước khác nhau từng đến viếng những di tích trên tuyến đường lịch sử này.

(Colombo Page - June 13, 2016)



Tráp vàng đựng xá lợi của Đức Phật được triển lãm tại Ampara, Tích Lan
Photo: Colombo Page

NEPAL: Thủ tướng Oli nhấn mạnh về việc truyền bá lời dạy của Đức Phật

Kathmandu, Nepal - Ngày 16-6-2016, Thủ tướng Nepal KP Sharma Oli đã kêu gọi trường Đại học Phật giáo Lâm Tì Ni (LBU) truyền bá những lời dạy của Đức Phật để cung cấp những bài học này ở bậc cửa của mỗi và mọi thành viên của công chúng.

Phát biểu tại cuộc họp Ban Giám hiệu LBU lần thứ 7, Thủ tướng Oli nói về sự cần thiết đối với IBU để giới thiệu

các chương trình học thuật vốn quảng bá việc thực hiện những lời dạy hữu ích của Đức Phật.

Thủ tướng Oli, người cũng là Viện trưởng danh dự của IBU, nhấn mạnh việc đào tạo các nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng từ trường này.

Đồng thời, trong một cuộc họp cùng ngày (16-6) tại nơi cư trú chính thức của Thủ tướng tại Baluwatar, Bộ trưởng Bộ giáo dục GM Pokharel cam kết với LBU rằng chính phủ sẽ cung cấp sự hỗ trợ cho LBU để phát triển cơ sở hạ tầng vật chất của trường.

(The Himalayan Times - June 16, 2016)



Thủ tướng Nepal (ngồi giữa) dự cuộc họp Ban giám hiệu trường Đại học Lâm Tì Ni lần thứ 7—Photo: RSS

BHUTAN: Lạt ma Dzongsar Khyentse Rinpoche kết thúc điểm đạo Rinchen Terdzo

Dzongsar Khyantse Rinpoche - Lạt ma, tác giả và là nhà làm phim nổi tiếng người Bhutan - gần đây đã hoàn thành lễ truyền giảng và điểm đạo Rinchen Terdzo (Kho báu bí điển) tại vùng núi Takila ở miền bắc Bhutan. Tại đó ông đã trải qua 5 tháng thực hiện các buổi lễ 7 ngày một tuần, đại diện cho hàng chục nghìn người tham gia.

Sự kiện này bắt đầu vào giữa tháng 2, do Hội Druk Odiyana tổ chức với hàng trăm nhà sư tận tụy đã chuẩn bị và phân phát vật phẩm cúng dường giữa đám đông những người tham dự, cũng như thực hiện những nghi lễ và tập hợp lễ vật.

Buổi lễ điểm đạo nói trên diễn ra tại địa điểm của pho

tượng đại sư Phật giáo thế kỷ thứ 8 Padmasambhava (còn gọi là Guru Rinpoche) lớn nhất thế giới, với sự tham dự của quốc vương và Thủ tướng Bhutan cùng các thành viên cao cấp của cộng đồng tu viện Bhutan.

(Buddhistdoor Global - June 16, 2016)



Lạt ma Dzongsar Khyentse Rinpoche trong buổi lễ kết thúc điểm đạo Rinchen Terdzo



Pho tượng đại sư Phật giáo thế kỷ thứ 8 Padmasambhava (còn gọi là Guru Rinpoche) lớn nhất thế giới



Quang cảnh lễ điểm đạo Rinchen Terdzo
Photos: Buddhistdoor Global

TRUNG QUỐC: Chư tăng Thiểu Lâm thu hoạch lúa mì như một hình thức thực hành Thiền

Chư tăng tại Thiểu Lâm Tự ở tỉnh Hà Nam đã thu hoạch lúa mì như một phương pháp để thực hành Phật giáo.

Nổi tiếng là nơi sinh của Thiền Phật và các truyền thống võ thuật, ngôi chùa 1,400 năm tuổi này điều hành một trang trại rộng khoảng 70 hecta trồng lúa mì, bắp, rau và dứa thảo.

Trong mùa gặt lúa mì vào tháng 6, các nhóm tăng sĩ gặt lúa, đập hạt, đóng bao và mang vào kho.

"Trồng trọt cũng là một cách tự tu dưỡng", Sư Yanzi, người phụ trách trang trại, nói. "Chúng tôi canh tác với tinh thần của Thiền, và việc cày xới, gieo hạt cũng nằm trong tâm trí của chúng tôi".

Truyền thống trồng trọt có từ nghìn năm của Thiểu Lâm bị gián đoạn trong nhiều thập kỷ qua, nhưng đã được tái thực hiện bởi sư trụ trì Yongxin trong những năm gần đây. Sư Yongxin tin rằng việc sản xuất lương thực trong các cánh đồng của chùa cũng bảo đảm thực phẩm an toàn.

Trang trại chùa Thiểu Lâm cũng mở cửa cho du khách đến trải nghiệm công việc thu hoạch rau hoặc trái cây tươi.

(NewsNow - June 16, 2016)



*Chư tăng chùa Thiểu Lâm thu hoạch lúa mì
Photos: NewsNow*



ẤN ĐỘ: Thủ tướng Thái Lan cầu nguyện tại Bồ đề Đạo tràng

Ngày 18-6-2016, Thủ tướng Thái Lan Prayut Chan-o-Cha đã viếng Bồ đề Đạo tràng và cầu nguyện tại Chùa Đại Bồ đề, đền thờ thiêng liêng nhất của Phật tử, các quan chức cho biết.

Kumar Ravi, Quan tòa Quận Gaya, nói rằng Thủ tướng Prayut Chan-o-Cha đã đến phi trường quốc tế Bồ đề Đạo tràng vào sáng ngày 18-6, sau đó ông đến cầu nguyện và đi vòng quanh cây Đại Bồ đề, nơi tương truyền Đức Phật đã đạt giác ngộ.

Một sĩ quan cảnh sát quận cho biết Thủ tướng Thái Lan cũng đã đến viếng tu viện Thái tại Bồ đề Đạo tràng, cách Patna khoảng 110 km. Sau khi cầu nguyện và dành thời gian đứng dưới cây Bồ đề, Thủ tướng Prayut bày tỏ niềm vui và sự hài lòng, viên sĩ quan cảnh sát nói.

Thủ tướng Thái Lan Prayut đến Ấn Độ trong chuyến thăm 3 ngày kể từ ngày 16-6 theo lời mời của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi. Ông trở về Bangkok vào chiều ngày 18-6.

(IANS - June 18, 2016)



Thủ tướng Thái Lan tại phi trường quốc tế Bồ đề Đạo tràng vào sáng ngày 18-6-2016—Photo: IANS

ANH QUỐC: Trưng bày ảnh 3D của Đức Đạt lai Lạt ma tại Luân Đôn

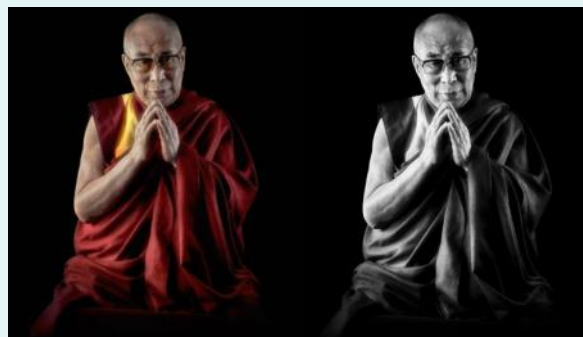
Chân dung dạng hạt đậu 3D của Đức Đạt lai Lạt ma có tựa đề "Từ bi" do nghệ sĩ ánh sáng người Anh Chris Levine thực hiện được trưng bày lần đầu tiên tại Hội Mỹ thuật ở Mayfair cho đến ngày 7-7-

2016. Sáng tác vào năm 2015 để kỷ niệm sinh nhật thứ 80 của Đức Đạt lai Lạt ma, tác phẩm "Từ bi" của Levine là chân dung chính thức thứ hai của vị lãnh đạo tinh thần này, sau chân dung 1990 của ngài do Annie Laibovitz thực hiện.

Chân dung dạ quang "Từ bi" sử dụng công nghệ 3D sẽ được bán theo 6 phiên bản hạn chế khác nhau, từ bản in nhỏ cho đến chân dung hình hạt đậu 3D cỡ lớn, với tất cả tiền thu được sẽ dành cho các tổ chức từ thiện liên quan đến nỗ lực cứu trợ động đất Nepal 2015.

Bức chân dung "Từ bi" của Levine hiện đang trưng bày trong một thiền phòng được sáng tạo đặc biệt, như một phần của triển lãm kỷ niệm năm thứ 140 của Hội Mỹ thuật (từ ngày 6-6 đến 7-7).

(BLOUIN ARTIFO - June 20, 2016)



*Chân dung 3D của Đức Đạt lai Lạt ma mang tên "Từ Bi" - tác giả: Chris Levine
Photo: blouinartifor.com*

ẤN ĐỘ: Triển lãm về Cuộc đời và Di sản của nhà sư Kumarajiva

Trung tâm Quốc tế Ấn Độ (IIC) tổ chức cuộc triển lãm mang tên 'Cuộc đời và Di sản của Kumarajiva', kỷ niệm cuộc đời và những thành tựu của nhà sư và học giả nổi tiếng Kumarajiva, một nhân vật quan trọng trong việc truyền bá Phật giáo khắp thế giới cổ đại.

Kumarajiva (344-413) sinh tại vương quốc Phật giáo cổ Kucha (ở Tân Cương, Trung Quốc ngày nay). Ông được công nhận là một trong những

người dịch kinh Phật sang tiếng Hán lỗi lạc nhất, và phần lớn nhờ có những nỗ lực của ông mà giáo lý và triết học Phật giáo đã được phổ biến tại Trung Hoa. Công trình của ông đã sang đến tận nước viễn đông Nhật Bản, nơi Phật tử trong các tự viện khắp đất nước này hiện vẫn đang tụng những bản kinh do ông dịch.

Diễn ra từ ngày 24 đến 26 -6, cuộc triển lãm mô tả chi tiết cuộc đời và những hành trình và sự kiện của Kumarajiva vốn giúp ông truyền bá giáo lý Phật giáo, qua ảnh chụp những nơi liên quan đến cuộc đời ông, các bích họa, linh vật và bản kinh Phật cổ xưa.

(Buddhistdoor Global - June 24, 2016)



Triển lãm 'Cuộc đời và Di sản của Kumarajiva'
Photo: thehindu.com



Tượng của nhà sư Kumarajiva tại Tân Cương, Trung Quốc
Photos: wikipedia.org

TÍCH LAN: Lễ khánh thành Phòng trưng bày xá lợi linh thiêng

Lễ khánh thành phòng trưng bày xá lợi linh thiêng của Trung tâm Đào tạo Tỷ kheo Sri Bodhiraja tại thành phố Embilipitiya (tỉnh Sabaragamuwa) đã diễn ra vào



ngày thứ Bảy 18-6-2016, với sự tham dự của Tổng thống Tích Lan Maithripala Sirisena.

Ngoài các tín đồ địa phương, còn có đông đảo Phật tử từ Tân Gia Ba, Mã Lai, Đài Loan, Nhật Bản, Cam Bốt, Hoa Kỳ và Hung Gia Lợi cùng tham gia sự kiện này.

Hòa thượng Tiến sĩ Omalpe Sobhitha, Trưởng Tăng đoàn Tỉnh Phía Bắc và là người sáng lập Hội Sri Bodhiraja, cùng với ông L.Y. Ling, chủ tịch Hội Bodhiraja tại Tân Gia Ba, đã trao quà lưu niệm cho Tổng thống Sirisena để bày tỏ sự cảm kích về việc tham dự của ông trong buổi lễ này.

(dailynews.lk - June 22, 2016)

ẤN ĐỘ: Khai quật di tích tu viện Phật giáo tại Vadnagar, Gujarat

Ban Khảo cổ Ấn Độ (ASI) đã khai quật các cấu trúc giống như một tu viện Phật giáo tại thành phố Vadnagar của bang Gujarat, một phát hiện có thể chứng minh thêm tầm quan trọng của khu vực này như là một trung tâm Phật giáo phát triển mạnh.

Trong ghi chép thuộc thế kỷ thứ 7 sau công nguyên của mình, nhà sư Huyền Trang đã nói về 10 tu viện Phật giáo hưng thịnh tại Onantopulo, còn gọi là Anandpura - tên cổ của thành phố Vadnagar.

"Cuộc khai quật mới nhất tiết lộ các cấu trúc giống như các phòng tu viện. Tuy nhiên, phải khai quật thêm tại địa điểm này mới giúp chứng minh được bản chất các cấu trúc này là một phần của một tu viện hay là thuộc thế tục",

Hình trên: Tổng thống Tích Lan nhận quà lưu niệm tại lễ khánh thành phòng xá lợi linh thiêng ở Embilipitiya
Photo: dailynews.lk

Madhulika Samanta, nhà khảo cổ học giám sát của ASI vùng Tây, nói.

"Chúng tôi đã khai quật 6 đến 7 phòng tu viện nhưng toàn bộ kế hoạch chỉ có thể xác định sau khi việc khai quật được mở rộng, là điều hiện nay không khả thi vì những nhà bê tông đang được dân địa phương tại đó xây dựng. Chúng tôi không thể chứng minh sự kết hợp tôn giáo của nó, nhưng chúng tôi cho rằng nó có thể là một tu viện", cô nói.

(tipitaka.net - June 24, 2016)

HOA KỲ: Ca sĩ Lady Gaga phỏng vấn Đức Đạt lai Lạt ma

Ngày 26-6-2016, tại Indianapolis (ở tiểu bang Indiana) Đức Đạt lai Lạt ma đã thức chuyến đi Hoa Kỳ 19 ngày với phần phát biểu của ngài tại Cuộc họp Thường niên lần thứ 84 của Hội nghị các Thị trưởng Hoa Kỳ.

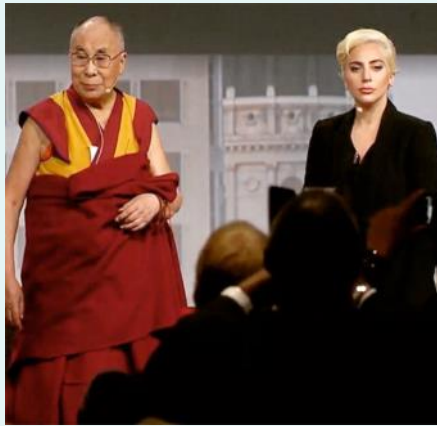
Hội nghị có chủ đề "Lòng từ bi như một Cột trụ của Hòa bình Thế giới" do Trung tâm Phật giáo Indiana tổ chức, với sự hợp tác của Trung tâm hợp tác và Từ bi Liên tôn giáo Indy tại Khách sạn Nông dân Indiana.

Lịch trình ngày cuối cùng của Đức Đạt lai Lạt ma tại Hoa Kỳ lần này đã bắt đầu bằng một cuộc phỏng vấn ngài qua face book trực tiếp do ngôi sao

nhạc pop Lady Gaga thực hiện. Cô là người đặt những câu hỏi được thu thập từ các phương tiện truyền thông xã hội: về cách đối phó với những bất công trên thế giới, về lòng nhân ái và hy vọng. Vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng và nữ ca nhạc sĩ đã xiết chặt tay nhau vào đầu và cuối cuộc phỏng vấn diễn ra trong 20 phút.

Sau đó, Đức Đạt lai Lạt ma đã phát biểu trước hội nghị gồm hơn 200 thị trưởng từ các thành phố khác nhau của nước Mỹ về tầm quan trọng của việc xây dựng những thành phố tử bi.

(Phayul & IANS - June 27, 2016)



Đức Đạt lai Lạt ma và Lady Gaga—Photo: rediff.com

BANGLADESH: Tu viện Phật giáo cung cấp bữa ăn iftar cho hàng trăm gia đình Hồi giáo

Mặc dù những căng thẳng xã hội và những mối lo ngại về bạo lực sắc tộc gia tăng, người ta vẫn có thể thấy được bằng chứng rõ ràng về sự hòa hợp xã hội tại Bangladesh: Một tu viện Phật giáo ở thủ đô Dhaka đã thực hiện sứ mạng của mình là cung cấp cho hàng trăm gia đình Hồi giáo nghèo bữa ăn tối iftar trong suốt tháng lễ Ramadan.

Hàng trăm nam nữ và trẻ em Hồi giáo xếp hàng tại tu viện Phật giáo Dharmarajika ở khu phố Basabo của Dhaka để nhận những hộp thực phẩm miễn phí. Các nhà sư đã thực hiện việc cấp phát thức ăn vào mỗi tháng Ramadan trong 6 năm qua.

Hàng ngày có ít nhất là 300 người nghèo được phục vụ bữa ăn, một nhà sư của tu viện cho biết. "Người dân bắt đầu xếp hàng bên trong tu viện từ 3 giờ sáng trở đi".

Được thành lập vào năm 1949, tu viện này cũng là nhà của hơn 700 trẻ mồ côi đang học tập tại ngôi trường miễn phí do tu viện tổ chức.

(Buddhistdoor Global - June 27, 2016)



Chư tăng tại tu viện Dharmarajika cung cấp bữa ăn iftar cho người nghèo Hồi giáo trong tháng lễ Ramadan Photos: aljazeera.com



BHUTAN: Hội nghị Quốc tế về Phật giáo Kim Cương Thừa

Hội nghị Quốc tế về Phật giáo Kim Cương Thừa đã diễn ra tại Học viện Hoàng gia về Du lịch và Lòng mến khách ở thủ đô Thimphu của Bhutan từ ngày 1 đến 3-7-2016. Hội nghị mang tên "Truyền thống và đổi mới trong Phật giáo Kim Cương Thừa: Một mạn đà la của các triển vọng trong thế kỷ 21", là diễn đàn đã quy tụ hơn 65 diễn giả từ 17 nước, bao gồm các trưởng dòng truyền thừa, lãnh đạo tinh thần, học giả Phật giáo và khoa học gia.

Các bài thuyết trình trong suốt quá trình của diễn đàn 3 ngày này đi từ các triển vọng

về sự tiến hóa lịch sử của Phật giáo Kim Cương Thừa đến nghệ thuật, lễ lạc và thực hành Mật tông, cho đến những tầm nhìn và sáng kiến nhằm bảo tồn truyền thống và giáo lý Kim Cương Thừa về lòng tử bi dẫn thân và việc thích ứng chúng với các thách thức của thế kỷ 21.

Sự kiện này được tổ chức bởi Ban Tu viện Trung ương của Bhutan và trung tâm Nghiên cứu Bhutan & Nghiên cứu Tổng Hạnh phúc Quốc gia.

(Bhuddistdoor Global - July 4, 2016)



Học viện Hoàng gia về Du lịch và Lòng mến khách (Thimphu, Bhutan), nơi tổ chức Hội nghị Quốc tế về Phật giáo Kim Cương Thừa—Photos: Craig Lewis



HAI HÌNH ẢNH MỘT CHUYẾN ĐI

thơ

Điều Ngự Tử TÍN NGHĨA

Lân này đến xứ Úc Châu,
Buồn vui lẫn lộn, biết đâu mà ngờ?
Nỗi buồn cuốn tròn tâm tư,
Tuôn trào dòng lệ tiễn đưa Một Người. (1)
Về đây lòng dạ bùi ngùi,
Mấy chục năm trời quen biết mà chi?
Ngài là một vị Cổ tri, (2)
Nay Ngài quấy gót viễn ly Ta bà.
Quảng Đức Tu viện ca sa, (3)
Hoàng y rực rỡ hoan ca đạo màu.
Tăng ni Phật tử tâm đầu,
Mùa đông Kết giới đạo màu xiển dương.
Cùng nhau chí hướng nhất phương,
Điêm tô Phật đạo con đường về vàng.
Đồng tâm, đồng chí chung cùng,
Xóa tan dị biệt, hợp quần sánh vai.
Hai đường: vui vẻ, bùi ngùi, (4)
Tiễn đưa một người quấy gót thông dong,
Rời về Quảng Đức chung lòng,
Đánh lễ chung cùng Tôn đức Kết đông.
Tăng ni Phật tử nức lòng,
Giới thân huệ mạng vương tròn bền lâu,
Trong, Ngoài chung một nhịp cầu, (5)
Thống nhất Phật giáo bền lâu muôn đời.

(Tu viện Quảng Đức ngày chư Tăng Kết đông
An cư, Bình thân Trọng đông - July 04, 2016)

Ghi chú :

- (1) Túc Trưởng lão Hòa thượng Như Huệ vừa viên tịch,
- (2) Đã từng quen thân từ quê nhà trên 40 năm,
- (3) Chư Tăng Ni Giáo hội Úc Châu An cư,
- (4) Hai đường : vui vẻ là được đánh lễ chư Tôn đức An cư, buồn là Hòa thượng Như Huệ viên tịch,
- (5) Trong ngoài là Quốc nội, Quốc ngoại.



TINH THẦN CẦU NGUYỆN TRONG KINH VU LAN

Quảng Tánh



Kinh *Vu Lan* (Ullambana Sutra), một bản kinh ngắn nhưng hàm súc, tràn đầy ý nghĩa nhân văn, chan chứa đạo lý, thấm đậm tình người và đặc biệt là giá trị giáo dục nhân cách với đặc trưng hiểu đạo. Vì thế, kinh *Vu Lan* đã chinh phục lòng người, in đậm trong tâm trí, thấm sâu vào máu thịt của tất cả những người con Phật.

Xuất phát từ Phạm ngữ, kinh *Vu Lan* được ngài Trúc Pháp Hộ (Dharmaraksa) dịch sang Hán ngữ vào thời Tây Tấn (thế kỷ III Tây lịch). Sau đó, kinh được truyền tụng rộng rãi và thu phục nhân tâm nhanh chóng, làm tiền đề để mở ra truyền thống Báo hiếu - Thưởng hội *Vu Lan*, phổ biến ở các nước Phật giáo Bắc tông.

Kinh *Vu Lan* thuật chuyện Tôn giả Mục Kiền Liên với thần lực đệ nhất mà vẫn không cứu được mẹ nơi cảnh khổ nạ quỷ. Sau đó, vâng lời Phật dạy, Tôn giả đã thiết lễ trai nghi dâng cúng chư Tăng sau lễ Tự tứ, kết thúc mùa an cư kiết hạ, nhờ hợp lực chú nguyện của chư Tăng mà mẹ ngài thoát khỏi cảnh khổ nạ quỷ, sanh về cõi trời. Phát xuất từ nhân duyên này, cúng dường *Vu Lan* để báo hiếu cho cha mẹ quá vãng trở thành một trong những phương pháp báo hiếu phổ biến hiện nay.

Vấn đề đặt ra là phương pháp báo hiếu được Phật giới thiệu trong kinh *Vu Lan* phải chăng chỉ dựa vào tha lực, tức nhờ chư Tăng chú nguyện mà được thoát khổ? Như thế thì điều ấy có mâu thuẫn với nhân quả-nghiệp báo không? Trong khi "Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi" hay tự lực vẫn là tinh thần chủ đạo, xuyên suốt và nhất quán trong toàn bộ Thánh điển Phật giáo.

Nói về cầu nguyện, quan điểm của Thế Tôn được trình bày rất rõ ràng trong kinh **Tương Ưng Bộ IV** (Tương ưng thôn trưởng) và kinh **Tăng Nhất A Hàm I** (kinh Ca Di Ni). Nội dung của hai bản kinh này khá giống nhau, đều xác quyết rằng cầu nguyện suông, dựa vào tha lực không thể làm thay đổi nghiệp báo của một cá nhân. Bằng hình ảnh cụ thể với những đặc tính đối lập, một tảng đá và một thùng dầu, cả hai được ném xuống dòng sông, đá nặng chìm xuống và dầu nhẹ nổi lên. Không có một sự tập trung cầu nguyện nào có thể can thiệp vào sự chìm của đá và sự nổi của dầu, vì đặc tính của đá và dầu vốn dĩ như thế.

Qua đó, Thế Tôn khẳng định nếu tạo nghiệp đen thì chịu quả báo đen và tạo nghiệp trắng thì được hưởng quả báo trắng, cầu nguyện không thể làm thay đổi nghiệp lực, nhất là khi nghiệp đã chín muồi. Rõ ràng, cầu nguyện để mong giải tội, xóa sạch ác nghiệp đã tạo, phó thác hoàn toàn vào tha lực như các Bà la môn hằng tin tưởng là một việc làm vô ích.

Tuy nhiên, cầu nguyện vẫn là một trong những nội dung tu tập trong đạo Phật. Sự cầu nguyện ấy phải được nhận thức như là sự mong ước chuyển hóa nghiệp lực đối với tự thân đồng thời soi sáng, hỗ trợ cho tha nhân chuyển hóa nghiệp lực của chính họ, kể cả người chết. Và như thế, nội dung cầu nguyện trong Phật giáo không đơn thuần và hời hợt thuần túy dựa vào tha lực hoàn toàn mà chủ yếu là tinh thần tự lực cùng với trợ duyên của tha lực.

Ai đã từng cầu nguyện thì kinh nghiệm rõ ràng là không phải bất cứ điều gì mình cầu nguyện cũng được như ý. Theo Phật giáo, đó

không phải vì chư Phật, Bồ tát không gia hộ mà người cầu nguyện phải xem xét sự tự lực của mình đã đạt đến ngưỡng để “cảm ứng đạo giao” hay chưa? **Cảm ứng đạo giao** là kết quả của quá trình nỗ lực, thành tâm, tinh tín và chuyển hóa trọn vẹn. Cầu nguyện trong Phật giáo, có thể nói là một phương pháp đánh thức, thức tỉnh để chuyển hóa mang đậm sắc thái tự lực.

Đối với sự cầu nguyện của chư Tăng được đề cập trong kinh *Vu Lan*, trước hết phải quán triệt vấn đề “nhất thiết duy tâm tạo.” Từ nơi tâm, những ác nghiệp của bà Thanh Đề (mẹ tôn giả Mục Kiền Liên) được tạo ra rồi tự chiêu cảm lấy quả báo.

Gió nghiệp làm quay cuồng và mù mịt tâm thức của bà nên chỉ luẩn quẩn trong vòng tròn khép kín đói khát, khổ bức cùng tham sân, bòn sẻn, tật đố. Sự thống khổ bức bách cùng cực đến độ không một sát-na ngừng nghĩ. Vì thế, cần phải làm lắng dịu nỗi khổ và đánh thức sự mê mờ triền miên ấy. Do đó, cần có sức mạnh tâm linh cao độ, phát huy tổng thể năng lượng Giới Định Tuệ của chư Tăng, tập trung hướng về để tưới tắm, soi sáng, thức tỉnh tâm hồn bà.

Để thực hiện được điều ấy, thỉnh cầu chư Tăng chú nguyện sau lễ Tự tứ là tối cần thiết. Sau ba tháng cấm túc an cư, nhất là sau Tự tứ, đa phần chúng Tăng đều có tiến bộ tâm linh rõ rệt, Giới Định Tuệ sung mãn, tâm hoàn toàn thanh tịnh. Thời Thế Tôn tại thế, số lượng chư Tỷ-kheo dự phần vào các quả Thánh tăng lên đáng kể sau mỗi mùa an cư.

Khi chư Tăng hợp lực chú nguyện, nguồn năng lượng tuệ giác và tử bi hướng về cảnh giới ngạ quỷ, tưới tắm cam lộ làm cho nóng bức trong địa ngục dịu xuống, niêm đói khát như lửa cháy thiêu đốt tâm can tạm thời an tịnh, tâm thức mê mờ triền miên chợt bừng tỉnh. Đây là cơ hội quý giá thật hy hữu cho các chúng sanh trong cảnh khổ thức tỉnh, chuyển hóa để tự vượt thoát. Trong thời điểm ấy, khi sự đau khổ tạm thời gián đoạn nếu các chúng sanh biết tận dụng cơ hội hiếm hoi này phát khởi thiện tâm, tưởng nhớ đến Tam bảo, tuệ giác được sanh khởi thì tự khắc sự chuyển hóa sẽ xảy ra.

Do ác tâm keo kiệt, bòn sẻn, tham lam và bất kính Tam bảo tạo ra chiêu cảm đói khát, khổ bức của ngạ quỷ thì cũng ngay nơi tâm ấy thức tỉnh, bừng sáng để chuyển hóa và giải thoát. “Nhất thiết duy tâm tạo” là vậy. Chư Tăng chỉ có vai trò soi sáng, trợ duyên, tiếp sức cho quá trình chuyển hóa đó, mang tính thụ động. Chính các chúng sanh phải chủ động thức tỉnh để chuyển hóa nghiệp lực của mình. Trong trường hợp, những chúng sanh nghiệp chướng nặng nề, chấp nhận lấy khổ làm vui, không phát khởi tuệ giác thì chắc chắn sự giải thoát khó có thể thành tựu.

Ác tâm đầy một chúng sanh sa vào địa ngục, ngạ quỷ thì thiện tâm của chúng sanh ấy đưa họ ra khỏi cảnh khổ. Không ai có thể làm

GIỤC CHÀO

*người còn giữa bóng tối cam
nghe ra vắng tiếng vĩ cầm trong mưa
nghe ra phố thị mấy mùa
vân xoay hình tích cọt đũa giả danh
nghe ra ngoài cõi tràng thành
mưa Trường sơn gọi sóng lành biển nam
bão xưa đã chết trên đằm
bóng mây mộng mị bao năm vẫn còn
nghe ra kiếm lệch so đàn
giây chưa đứt
tuổi vàng son đứt rồi
đường về chưa vội ra roi
ngựa lông trong bóng chiều thoi thóp mờ
ngoài đời còn có ai chờ?
tóc tro xõa xuống mấy bờ chiêm bao
nghe ra ngục tối
nghe vào
vĩ cầm nén tiếng giục chào tri âm.*

thơ PHÙ DU

thay họ chuyện này mà mỗi cá nhân phải nương vào nguyện lực, sức từ bi của Tam bảo để tự cứu lấy mình. Dù hoàn toàn chủ động, tự lực nhưng các chúng sanh trong cõi khổ rất cần sự hồi hướng phước báo, nhất là sự trợ duyên và soi sáng từ Tam bảo, vì thế không thể thiếu sự hợp lực chú nguyện, gia hộ của chư Tăng. Đây chính là tinh thần cầu nguyện trong kinh *Vu Lan*.

Do vậy, muốn pháp sự cúng dường *Vu Lan* để báo hiếu cho thân bằng quyến thuộc quá vãng có lợi ích thiết thực phải hội đủ các yếu tố cần thiết. Trước hết là sự thành tâm tịnh thí của gia chủ. Sự tịnh thí không phải ở nơi vật phẩm dâng cúng nhiều hay ít mà là tâm thành, nguyện thiết, mong muốn thân nhân thoát khổ với lòng hiểu thảo thực sự.

Tiếp đến là sự nhất tâm cầu nguyện của chư Tăng. Bởi nếu không nhất tâm thì nguyện lực bi trí không đủ mạnh để xoa dịu thống khổ và khai mở tuệ giác cho chúng sanh thức tỉnh. Quan trọng nhất vẫn là sự tiếp nhận nguồn năng lượng an lạc, giải thoát từ Tam bảo để chúng sanh tự thức tỉnh, chuyển hóa và tự thăng hoa.

Như thế, dù có hình thức cầu nguyện nhưng nội dung vẫn mang sắc thái tinh thần tự lực. Đây là tuệ giác cần phải thẩm sát để nhận thức đúng đắn về tinh thần cầu nguyện trong Phật giáo.

XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

Sa môn Thích Thắng Hoan

LỜI MỞ ĐẦU

Thật là bất hạnh, giới trẻ mới lớn lên khi bước chân vào đời qua cánh cửa gia đình đa số đều thất vọng chua cay, bao nhiêu lý tưởng cuộc đời đều sụp đổ trôi sông vì họ tự chuốc lấy nhiều khổ đau ngang trái hơn là gặt hái được những hạnh phúc chân thật mà họ hằng ước mơ.

Phần đông giới trẻ nhìn cuộc đời thấy toàn là hoa mộng, đầy trăng sao kết thành bức tranh đời linh hoạt, một bản nhạc sống tuyệt trần. Nhưng chúng không thấy rằng phía sau cuộc đời hoa mộng kia giăng mắc khắp nẻo đường trần đầy chông gai cay đắng.

Thật ra giới trẻ không phải ích kỷ chỉ biết sống theo bản năng dục vọng riêng tư và họ hết sức chăm sóc người họ thương yêu, nhưng vì khi lập gia đình bắt đầu sống tự lập không được giáo dục chín chắn về hôn nhân của những người lớn nhiều kinh nghiệm, không có phương thức xây dựng hạnh phúc gia đình của các thế hệ trước trao truyền, chỉ đi trong sự mù mẫn học lóm bên ngoài với tánh cách vấp vúi hời hợt. Họ ăn ở bất chước theo đường lối truyền thông đại chúng miêu tả, nào sách vở, báo chí, v.v... diễn dịch có tánh cách lý luận triết học sinh lý mập mờ thiếu kiểm chứng, cho nên không thể áp dụng được. Cũng vì những lý do trên, tôi cho ra tác phẩm với nhan đề là "Xây Dựng Hạnh Phúc Gia Đình" ngõ hầu giúp cho thế hệ trẻ một cẩm nang sống đúng ý nghĩa của một con người trên lãnh vực hạnh phúc gia đình. Nhan đề "Xây Dựng Hạnh Phúc Gia Đình" đúng ra gọi cho đủ là "Những Điều Kiện Căn Bản Xây Dựng Hạnh Phúc Gia Đình Theo Tinh Thần Phật Giáo" mới đúng ý nghĩa của nội dung trong tác phẩm này muốn trình bày.

Thật là trở trêu và buồn cười, tôi là một ông thầy tu, xuất gia vào chùa lúc lên 8 tuổi và hiện nay, năm 2007 đã đến 80 tuổi rồi, đã hoàn toàn không biết chút nào về chuyện đời mà lại bàn luận đến "Những Điều Kiện Căn Bản Xây Dựng Hạnh Phúc Gia Đình Theo Tinh Thần Phật Giáo." Những điều tôi trình bày trong tác phẩm



này chưa chắc được mọi người tin tưởng mà tin tưởng sao được khi một người không biết đời là gì lại bàn đến những chuyện không có chút kinh nghiệm. Đúng ra tôi viết nên tác phẩm này là nhờ căn cứ theo tinh thần của các Kinh Luận, như các bộ Kinh Nikàya, phối hợp bốn bộ A Hàm, Kinh Đại Niết Bàn, các bộ Duy Thức Luận, v.v... trong đó có Kinh Thi Ca La Việt (Sīgāḷaka); ngoài ra tôi còn căn cứ theo tinh thần Tâm Lý Học, Sinh Lý Học, Xã Hội Học mà

tôi đã học qua trong khi còn là một sinh viên, chẳng những thế tôi còn góp nhặt những sự kiện của một số gia đình Việt Nam đã xảy ra ở hải ngoại mà tôi làm cố vấn tinh thần. Căn cứ theo tinh thần trong các Kinh Luận, nghĩa là tôi đã căn cứ theo những điều mà đức Phật đã chỉ dạy trong các Kinh Luận về hạnh phúc gia đình viết nên tác phẩm này mà không phải căn cứ theo những lời chỉ dạy trong bối cảnh của lịch sử thời đại ngày xưa. Bối cảnh lịch sử của thời đại ngày xưa không phải là bối cảnh lịch sử của thời đại ngày nay, nhưng tinh thần của đức Phật chỉ dạy trong các Kinh Luận về hạnh phúc gia đình thì có giá trị tuyệt đối ở bất cứ thời đại nào, chẳng những có giá trị từ ngàn xưa mà còn có giá trị mãi cho đến ngàn sau. Mặc dù tôi không có chút kinh nghiệm nào về hạnh phúc gia đình, nhưng những điều kiện căn bản mà tôi viết trong tác phẩm này chính là những nguyên tắc sống để có hạnh phúc mà không cần đòi hỏi phải có kinh nghiệm mới viết được, vì những điều kiện đó đều đặt trên nền tảng đời sống tâm thức để xây dựng. Người đời thường bình luận về hạnh phúc gia đình luôn luôn đặt trên nền tảng vật chất để xây dựng, nào phải có tiền của nhiều, tài năng giỏi, học vấn cao, sắc đẹp tốt, v.v... mới có hạnh phúc. Nhưng thực ra những thứ đó càng lôi cuốn dục vọng càng phát triển, ham muốn càng nhiều, lòng tham càng đòi hỏi, nếu không đáp ứng thỏa mãn nhu cầu của dục vọng thì phiền não càng chồng chất và như thế đời sống làm sao có được hạnh phúc chân thật. Đời sống tâm thức có được xây dựng thì chồng vợ mới có hiểu biết nhau, có thông cảm nhau, mới có chia sẻ cay

đăng ngọt bùi với nhau trên mọi nẻo đường đời chồng gai quanh co khúc khuỷu và được như thể đôi chồng vợ mới gặt hái được hạnh phúc thực sự.

“Những Điều Kiện Căn Bản Xây Dựng Hạnh Phúc Gia Đình Theo Tinh Thần Phật Giáo” mà tôi sáng tác đều được thiết lập trên quy chế Sáu Pháp Hòa Kính của đức Phật chỉ dạy để làm phương châm cho nếp sống tập thể của một gia đình. Sáu Pháp Hòa Kính, gọi tắt là Lục Hòa là quy chế của đức Phật sáng lập dành cho tập thể người xuất gia sống trong tinh thần hòa hợp, tương kính, tương thuận để cùng nhau tu tập đạo giác ngộ và giải thoát. Theo tôi, một gia đình cũng là một tập thể nhỏ, đã sống chung thì nhất định phải có tinh thần hòa hợp, tương kính, tương thuận mới đồng lòng để tất tận biến Đông. Tác phẩm này tuy không phải khuôn vàng thước ngọc nhưng dù sao đi nữa cũng là cẩm nang cần thiết cho những thế hệ trẻ lúc ban đầu khi bước chân vào đời khỏi bị vấp ngã đón đau. Cha mẹ nào muốn dựng vợ gả chồng cho con cái của mình nên bắt chúng học thuộc lòng cẩm nang này trước khi tiến tới hôn nhân.

Vấn đề hạnh phúc gia đình, tôi khi còn ở Học Đường Ấn Quang, trong lớp Trung Đẳng có học qua, nhưng không chú tâm, chỉ chuyên tu học những tư tưởng triết học của Phật Giáo cho được thông suốt. Lúc đó tôi quan niệm rằng, vấn đề hạnh phúc gia đình là chuyện của thế gian thường tình, không phải là pháp môn vô lậu giải thoát, cho nên không thích hợp với những người xuất gia như tôi để tâm đi sâu vào nó. Đến khi ra nước ngoài, tôi đi hoằng pháp khắp nơi, nhất là ở nước Mỹ và nước Canada, gặp rất nhiều đạo hữu hỏi tôi trong Phật Giáo có Kinh nào dạy cách xây dựng hạnh phúc gia đình, cũng như một số thanh niên Phật Tử cũng hỏi tôi về vấn đề trên. Đó cũng là những lý do thúc đẩy tôi phải nghiên cứu lại các kinh điển của Phật Giáo và viết thành tác phẩm này. Nội dung trong tác phẩm này chưa hẳn không có khuyết điểm, nguyên nhân là vì tác giả hoàn toàn chưa có kinh nghiệm trên lãnh vực tình yêu, nhưng dù sao cũng là khởi điểm lúc ban đầu cho những tư tưởng mới đáng giá và thiết thực xuất hiện qua những ngòi bút đầy kinh nghiệm hơn. Tôi hy vọng sẽ đón nhận rất nhiều sáng kiến đầy kinh nghiệm và thiết thực của quý độc giả bốn phương để bổ xung tác phẩm này cho được hoàn hảo, mong làm sao cho các thế hệ trẻ bước chân vào đời có một cẩm nang gối đầu quan yếu cho việc xây dựng hạnh phúc gia đình.

Cần bút
Phật Lịch 2551, năm Mậu Tý,
ngày 04 tháng 3 năm 2008
TINH THẤT VIÊN HẠNH
Sa Môn THÍCH THẮNG HOÀN



XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

I.- VÀO ĐỀ:

Vấn đề hạnh phúc gia đình là vấn đề trọng đại trong cuộc sống của con người. Từ xưa đến nay không có người nào không bồn ba khắp mọi nẻo đường đời để đi tìm hạnh phúc chân thật cho lẽ sống, nhưng họ hoàn toàn thất bại vì không biết bản chất của hạnh phúc là như thế nào và phải đi tìm ở đâu. Phần đông họ tưởng rằng hạnh phúc phát xuất từ bên ngoài và trên lạc thú vật chất. Cho nên họ thi đua đổ rất nhiều công sức xây dựng hạnh phúc gia đình trên ngũ dục lạc của thế gian, như xây dựng trên tiền tài, trên sắc đẹp, trên danh vọng, trên ăn uống, trên ngủ nghỉ, rồi đi vào thực tế những người đó không có chút nào hạnh phúc cả. Người giàu có cái khổ của người giàu, người nghèo có cái khổ của người nghèo, người quan quyền có cái khổ của người quan quyền, người thứ dân có cái khổ của người thứ dân, v.v..., nghĩa là gia đình nào cũng có thảm cảnh riêng của họ.

Họ không biết rằng hạnh phúc chân thật đều phát sanh từ nơi tâm linh của mỗi con người và phải được xây dựng trên tinh thần hòa hợp thân thương. Trong sự sống chung hằng ngày, bất hòa là một tai họa không gì bằng.

- Trong gia đình, vợ chồng không hòa thì gia nghiệp không thành, con cái khổ sở vì xa cha hoặc xa mẹ.

- Trong xã hội, xóm làng không hòa thì sanh ra rầy rà, kiện cáo, chém giết lẫn nhau,

- Quốc gia không hòa thì sanh ra giặc giã loạn lạc, dân chúng khổ sở,

- Nhân loại không hòa thì chiến tranh tiếp diễn, nhân sanh điêu đứng, suy tàn.

Vì sự bất hòa vô cùng nguy hiểm cho nếp sống tập thể, thế nên đức Phật mới chế ra Pháp Hòa Kính, Pháp Hòa Kính gồm có sáu loại, gọi chung là Lục Hòa.

II.- ĐỊNH NGHĨA:

Lục là sáu, Hòa là hòa kính, nghĩa là hòa thuận và kính nể lẫn nhau. Lục Hòa là sáu pháp hòa kính, nghĩa là sáu phương pháp cư xử hòa thuận, tôn trọng và kính nể lẫn nhau trong sự sống chung. Hòa ở đây không phải nhu nhược mà nhằm mục đích làm lợi lạc cho tất cả, gây

hạnh phúc cho tất cả, trong đó có ta và người.

Muốn xây dựng hạnh phúc gia đình trên tinh thần Lục Hòa cho được hữu hiệu, trước hết chúng ta cần phải ý niệm rõ tinh thần duyên sanh của Phật Giáo.

III.- TINH THẦN DUYÊN SANH:

Duyên sanh gọi cho đủ là nhân duyên sanh. Tinh thần duyên sanh, nghĩa là tất cả pháp trong thế gian đều quan hệ lẫn nhau để sanh tồn, để phát triển, cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không, cái này sanh thì cái kia sanh, cái này diệt thì cái kia diệt, bác sĩ sống được là nhờ bệnh nhân hỗ trợ và bệnh nhân sống được là nhờ bác sĩ trị liệu, cho đến cỏ cây sống được là nhờ con người cung cấp thán khí và con người sống được là nhờ cỏ cây cung cấp dưỡng khí, v.v... Tất cả đều nói lên tinh thần duyên sanh cả, cho nên nhà thơ có câu:

*Cây thường cho ta dưỡng khí để ta sống
góp mặt đời,*

*Ta thường cho cây thán khí để cho cây lá
khoe tươi*

(Thăng Hoan Thi Tập)

Trên tinh thần duyên sanh, con người muốn sống có ý nghĩa để được hạnh phúc chân thật trước hết cần phải ý niệm những điều cơ bản sau đây: Giá trị gia đình, giá trị nương tựa và giá trị chức năng.

1. GIÁ TRỊ GIA ĐÌNH:

Gia đình là căn bản của gia tộc, của cộng đồng, của xã hội. Sự giá trị này có hai lãnh vực:

a-Lãnh Vực Gia Tộc:

Lãnh vực gia tộc là căn cứ trên dòng họ định mức giá trị quan hệ. Gia tộc là bao gồm nhiều đơn vị gia đình cùng chung một dòng họ. Gia tộc có giá trị là khi nào mỗi gia đình sống có ý nghĩa, có đạo đức, có hạnh phúc chân thật. Sự quan hệ giữa gia đình và gia tộc trên hai phương diện: quan hệ vật chất và quan hệ tâm linh.

1)- Sự Quan Hệ Vật Chất:

Con người gồm có hai phần: phần vật chất và phần tâm linh. Hai phần này hòa hợp chặt

chẽ tạo thành con người, trong đó phần tâm linh đứng vai chủ tể trong mọi lãnh vực sinh hoạt đời sống. Riêng về phần vật chất, con người quan hệ như thế nào với gia đình với gia tộc.

Thân thể người con chính là máu huyết của cha mẹ trao truyền. Thân thể cha mẹ chính là máu huyết của ông nội bà nội của ông ngoại bà ngoại hai họ hòa hợp trao truyền. Thân thể ông nội bà nội cũng do máu huyết của ông cố bà cố hai họ trao truyền, cứ như thế lần lên đến cao tăng tổ khảo, v.v...

Cũng từ ý nghĩa quan hệ đó, chúng ta ý niệm được rằng, thân thể chúng ta toàn diện chính là máu huyết của cha mẹ nảy nở và phát triển, cũng giống cây đậu xanh toàn diện là do hạt đậu xanh nảy nở và phát triển. Không những sự có mặt máu huyết của cha mẹ khắp trong thân thể chúng ta cả đến sự có mặt máu huyết của dòng họ tông môn nhiều đời trong thân thể chúng ta. Trong tinh thần duyên sanh của các pháp, chúng ta là những kẻ có kiến thức đôi chút không thể phủ nhận ý nghĩa quan hệ này trên lãnh vực vật chất.

2)- Sự Quan Hệ Tâm Linh:

Con người ngoài sự quan hệ về vật chất còn có quan hệ về tâm linh. Tâm linh của con người là chúa tể của mọi sự sống, tâm linh hiền hữu thì con người tồn tại, tâm linh giả biệt thì con người biến hoại, tâm linh thánh thiện thì cuộc sống của con người thăng hoa, tâm linh sa đọa thì lôi cuốn con người đi vào vực thẳm đen tối của cuộc đời. Ý niệm được hạnh phúc an lạc cho lẽ sống cũng do tâm linh và chuốc lấy những thất vọng chán chường khổ đau của cuộc đời cũng từ nơi tâm linh.

Sự quan hệ của tâm linh con người đối với gia tộc như thế nào? Theo tinh thần duyên sanh, tâm linh của con cháu đối với tâm linh của dòng họ gia tộc quan hệ đến bảy đời, thường gọi là quan hệ thất tổ. Tâm linh của tổ tiên gia tộc chính là nguồn tâm linh cung ứng trực tiếp cho con cháu qua hệ thống tâm linh của cha mẹ. Nguồn tâm linh của tổ tiên dòng họ quan hệ với dòng tâm linh của con cháu trong mỗi gia đình cũng tương tự như nguồn điện lực của nhà máy phát điện quan hệ với dòng điện các bóng đèn trong mỗi nhà. Nguồn tâm linh của tổ tiên dòng họ cũng tương tự như nguồn điện lực của nhà máy phát điện, dòng điện lực của bình biến thế nơi mỗi khu vực cũng tương tự như dòng tâm linh của cha mẹ, dòng điện của mỗi con cháu trong gia đình cũng tương tự như dòng điện của mỗi bóng đèn trong nhà. Sự quan hệ của tâm linh con người đối với gia tộc đúng như câu Tục Ngữ nhân gian thường nói: Cây có cội, nước có nguồn, nghĩa là cây cối thì phải có gốc rễ mới nảy mầm sanh hoa trái, nước phải có cội nguồn thì mới tỏa khắp rạch sông, làm con người thì ai cũng phải có cha mẹ tổ tiên.

Chúng ta cắt đứt mọi sự quan hệ tâm linh với cha mẹ dòng họ tổ tiên, chỉ biết sống riêng



tư với khả năng của mình thì không khác nào bóng đèn cắt đứt mọi sự quan hệ với nguồn điện lực của nhà đèn, chỉ quan hệ với bình điện nhỏ nhỏ (battery) của riêng nó. Với hiện tượng này, dòng tâm linh cá nhân của mỗi con người tự nó không đủ sức đương đầu với cuộc đời quá nhiều cạm bẫy khổ đau đen tối dồn dập đưa đến, cũng như dòng điện của bóng đèn với bình điện nhỏ nhỏ không đủ soi sáng một ngôi nhà quá cao rộng.

Sự quan hệ về mặt tâm linh vừa trình bày trên cho chúng ta một ý niệm cụ thể rằng giữa chúng ta và cha mẹ tổ tiên ông bà có mối tương quan tình cảm một cách chặt chẽ không thể phân ly. Để tránh những sự bất hạnh sau này sẽ xảy ra cho đời sống của mình, chúng ta không nên cắt đứt mọi sự quan hệ về mặt tâm linh với cha mẹ tổ tiên ông bà bằng những cung cách bất kính, những cử chỉ thiếu lễ độ mà còn phải nuôi dưỡng mối tương quan tình cảm nói trên qua sự kính trọng, thương yêu, quý mến và thường xuyên quan tâm đến đời sống, đến tình cảm của họ mà họ đã đặt hết niềm tin vào mình. Chúng ta nếu như cắt đứt mọi sự quan hệ tình cảm với cha mẹ tổ tiên ông bà thì vô tình khiến tâm linh của chúng ta bị tổn thương bị đau khổ vì đứa con bất hiếu. Chúng ta giả như có thái độ bất hiếu với đấng sanh thành là nguyên nhân, rồi sau này con cháu của chúng ta sẽ có thái độ bất hiếu với chúng ta và sẽ làm cho chúng ta đau khổ cũng như chúng ta đã từng làm cho họ đau khổ. Chúng ta có thể trốn khỏi luật pháp thế gian, nhưng không thể trốn khỏi luật pháp nhân quả nghiệp báo.

b- Lãnh Vực Cộng Đồng và Xã Hội:

Sự quan hệ giữa con người, giữa gia đình với cộng đồng với xã hội như thế nào? Trước hết chúng ta nhận xét tổng quát sự quan hệ giữa con người và cộng đồng:

1)- Sự Quan Hệ Với Cộng Đồng:

Cộng đồng nghĩa là những người sinh hoạt chung một nghề nghiệp, chung một tư tưởng, chung một quan niệm. Cộng đồng bao gồm có các tôn giáo, các đoàn thể, các nghiệp đoàn, v.v... Sự quan hệ giữa con người với các tôn giáo, các đoàn thể, các xí nghiệp được nhận định như sau:

+ Một tôn giáo được xã hội tôn kính và quy ngưỡng là do mỗi cá nhân của những tín đồ nơi tôn giáo đó thể hiện được đạo đức qua lời nói, qua hành động, qua tư tưởng và họ biết hòa hợp lẫn nhau trong cùng một nếp sống đạo đức mà chính họ đã chọn tôn giáo đó làm lý tưởng. Ngược lại tôn giáo đó mất giá trị với xã hội, mất niềm tin với mọi người là do những tín đồ của tôn giáo đó không biểu tượng được tư cách đạo đức để làm gương mẫu cho chúng sanh quy ngưỡng. Tư cách không tốt của một số tín đồ gây ảnh hưởng không nhỏ đến với tôn giáo của họ nương tựa đúng như câu tục ngữ nhân gian thường nói: "Con sâu làm sâu nồi canh."

+ Một đoàn thể được mọi người kính yêu và nương tựa là do mỗi thành viên của đoàn thể đó biết sống chân thật, biết liên kết chặt chẽ với nhau, biết thể hiện được tinh thần đạo đức tập thể.

+ Một nghiệp đoàn được phát triển lớn mạnh điều quan trọng không nhỏ là do giữa người lãnh đạo và các đoàn viên biết hòa hợp chặt chẽ, biết thiện chí trong nghĩa vụ, biết chia xẻ và thông cảm trong trách nhiệm.

2)- Sự Quan Hệ Với Xã Hội:

Một xã hội có rất nhiều cộng đồng hiện hữu, trong đó bao gồm tất cả đơn vị gia đình, gia tộc, đoàn thể, nghiệp đoàn, tôn giáo, v.v... cùng nhau góp mặt. Một xã hội muốn được hòa bình an lạc thật sự, muốn đời sống văn minh tiến bộ cả hai mặt vật chất và tinh thần, tất cả thành phần đơn vị trong những cộng đồng, bao gồm có cá nhân của mỗi người biết hòa hợp thân thương, biết đoàn kết chặt chẽ, biết dẫn thân hợp tác đóng góp hết mình trong mọi lãnh vực văn hóa, đạo đức, kinh tế, an ninh, v.v... Trái lại, trong một xã hội, có vài đơn vị mâu thuẫn, có vài cá nhân bất chánh sẽ tạo nên tình trạng bất an và viễn ảnh đưa xã hội vào con đường bi đát, tràn ngập khổ đau cho đời sống của mọi người.

Những dữ kiện đã trình bày tổng quát ở trên cũng đủ nói lên được sự quan hệ như thế nào giữa con người với gia đình, với gia tộc, với cộng đồng và với xã hội. Tất cả sự quan hệ này là tất yếu của con người sinh tồn và không ngoài nguyên lý duyên sanh của Phật Giáo. Những người sống trong một gia đình hay trong một xã hội không thể thoát ly khỏi mọi sự quan hệ nói trên, nhất là sự quan hệ về mặt tâm linh, nguyên vì con người sở dĩ ý niệm được hạnh phúc chính là nhờ ở nơi tâm linh. Giờ đây chúng ta đã khái niệm được giá trị trọng đại của lẽ sống qua sự quan hệ như thế nào giữa con người với gia đình, với gia tộc, với cộng đồng, với xã hội thì cần phải tiến thêm một bước nữa là phải ý niệm được sự nương tựa.

(còn tiếp)





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU

Kính gửi: - Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Hội Chủ Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan,
- Đại Đức Thích Viên Trí, Ban Tổ Chức Tang Lễ và Môn Đồ Pháp Quyển Cổ Trường Lão Hòa Thượng Thích Như Huệ,

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ nhận được tin Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Huệ, Pháp Tự Giải Trí, Pháp Hiệu Trí Thông, Đồi Thứ 41 Thiên Phái Lâm Tế,

- Nguyên Hội Chủ Giáo Hội PGVNTN Hải Ngoại tại UDL-TTL (1999- 2015),
- Chứng Minh Đạo Sư của Giáo Hội PGVNTN Hải Ngoại tại UDL-TTL,
- Phương Trưởng Tổ Đình Pháp Hoa Nam Úc, Australia,

Sinh ngày 02/04/1934 (Giáp Tuất) tại làng Cẩm Phô, TP Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam đã thuận thể vô thường thân thần thị tịch vào lúc 9 giờ 25 tối ngày 23/06/2016 (nhằm ngày 19/5/Bính Thân) tại Tổ Đình Pháp Hoa Nam Úc. Trụ thế: 83 tuổi, hạ lạp 60.

Cổ Trưởng Lão Hòa Thượng Tân Viên Tịch là bậc Long Tượng trong chốn Thiền Lâm, là vị Giáo Phẩm Lãnh Đạo tài đức. Ngài đã tận tụy hy hiến cả đời cho sự nghiệp hoàng pháp độ sinh. Sự viên tịch của Trưởng Lão Hòa Thượng Tân Viên Tịch không những là mất mát lớn lao đối với Môn Đồ Pháp Quyển, mà cũng là đối với Tăng, Tín Đồ Phật Giáo Việt Nam trong và ngoài nước.

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH nhất tâm hộ niệm Giác Linh Cổ Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Huệ Cao Đẳng Phật Quốc. Thành kính phân ưu cùng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi-Tân Tây Lan, Ban Tổ Chức Tang Lễ, Đại Đức Thích Viên Trí và Môn Đồ Pháp Quyển Cổ Trưởng Lão Hòa Thượng Tân Viên Tịch.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật
Santa Ana, ngày 23 tháng 6 năm 2016

Đồng kính bái,

TM. Chư Trưởng Lão Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa HĐGP/GHPGVNTN Hoa Kỳ,
Chánh Văn Phòng

Sa Môn Thích Thắng Hoan

TM. Chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và Cư Sĩ Thành Viên
HĐĐH/GHPGVNTNKH,

Chủ Tịch

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

LÀM CON CHÍ HIẾU MÙA VU LAN THẮNG HỘI

Sau ba tháng an cư (1) đầy năng lượng
Hàng Tăng già Giới Định Tuệ tinh chuyên
Độ tư thân cứu thất tổ cửu huyền
Phật hoan hỷ cho ngày Tăng tứ (2)
Mùa Vu Lan đã về cùng Phật Tử
Khắp năm châu bốn biển nguyện tuyên dương
Mùa đền ơn (3) báo đáp đền song đường
Là con cháu phải vẹn toàn hiếu nghĩa
Khi lớn khôn mỗi ngày thêm thấm thía
Ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha
Hàng Cù lao chín chữ (3) của ông bà
Rồi tiên tổ cũng nhiều đời lao nhọc
Nhớ công khó hãy vui lên chớ khóc
Lo đền ơn (4) bằng phước đức gieo trồng
Trả bốn ân (5) phải thao thức hằng mong
Ngôi Tam bảo quy y là hiếu đạo
Bồ Đề Tâm (6) phát sanh nhiều thuận thảo
Cha mẹ vui là hạnh phúc lắm rồi
Con nên người cha mẹ được lên ngôi
Con hiếu thảo còn niềm vui nào tả
Rèn đạo đức trở thành người vô giá
Mang niềm vui ích lợi đến muôn người
Cho tình thương trí tuệ mãi xanh tươi
Đem chia sẻ lạc an cùng khắp cả
Mong lục thân quyến thuộc tin nhân quả
Luôn hành trì bát chánh đạo nghiêm minh
Không vọng tưởng biệt phân chấp thủ mình
Đấy mới chính là người con chí hiếu (7)
Giúp cha mẹ giải hết điều phiền nhiễu
Mà cùng nhau theo Tam bảo tu hành
Tích tam phước (8) hiếu thuận thực hành nhanh
Khuyến tấn cả những cháu con còn lại
Mùa Vu Lan cùng nhắc nhau quyết phải
Đền công ơn dưỡng dục với sinh thành
Nhưng hằng ngày thực hiện mới xứng danh
Con cháu thảo ngoan hiền và chí hiếu.

An Lạc thất, Mùa Vu Lan Ất Mùi – 2015

thơ THÍCH VIÊN THÀNH



GHI CHÚ

(1) **An Cư:** Đến mùa mưa loài côn trùng phát triển / Những mầm non cây cỏ cũng đâm chồi Chư Tôn Đức kiết giới tại một nơi / Ở một chỗ trau dồi giới định tuệ.

(2) **Tứ Tứ:** Tự nhận lỗi và cầu xin sám hối Xin đại Tăng thương xót sửa giùm cho Phật hỷ hoan tình hòa ái học trò Đẹp ngả chấp cũng từ đây thể hiện

(3) **Báo ơn, đền ơn:** “Này các Thầy Tỳ Kheo ! Nếu người nào biết ơn và đền ơn cho dù ở cách xa Ta ngàn dặm , nhưng ta vẫn xem người đó như đứng hầu gần bên Ta . Còn nếu như người nào không biết ơn và đền ơn , cho dù người đó có đứng hầu gần bên Ta nhưng Ta vẫn xem họ cách xa ngàn dặm ” .(Kinh Tăng Nhật A Hàm)

(4) **Chín chữ cù lao:** Đó là "Sinh nở, nâng đỡ, vỗ về, dạy dỗ, cho bú, nuôi lớn, trong nom, nuông chiều, che chở". (Sinh, cúc, phủ, dục, súc, trường, cố, phục, phúc). Thế nhưng, trong kinh Đại Báo Phụ Mẫu Trọng Ân, Đức Phật kể đến mười công đức của mẹ đối với con.

1. - Chín tháng cưu mang khó nhọc 2. - Sợ hãi, đau đớn khi sinh 3. - Nuôi con cam đành cực khổ 4. - Nuốt cay, mớm ngọt cho con , 5. - Chịu ướt, nhường ráo cho con 6. - Sủ nước, nhai cơm cho con , 7. - Vui giặt đồ đồ cho con , 8. - Thương nhớ khi con xa nhà , 9. - Có thể tạo tội vì con , 10. - Nhịn đói cho con được no.

(5) **Tứ ân:** Ân Cha Mẹ - Ân Tam Bảo Sư Trưởng - Ân quốc gia Xã Hội - Ân chúng sanh vạn loại.

(6) **Bồ Đề Tâm:** là tâm giác ngộ, tâm thấy được bản mặt thật của chư pháp, tâm tin nơi nhân quả và Phật tánh có nơi mỗi chúng sanh cũng như luôn dụng công tu hành để chia sẻ cho tất cả cùng hưởng vẻ quả vị Phật (thương cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh)

(7) **Chí hiếu:** khi cha mẹ còn hiện tiền, chúng ta không những lo phụng dưỡng về thể xác mà phần tinh thần phải tìm cách cho cha mẹ kính tin và quy y Tam bảo là chúng ta đã giúp cho cha mẹ thoát khỏi ba đường ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ngoài ra, còn thường xuyên nhắc nhở cha mẹ không làm việc ác, tạo điều kiện cho cha mẹ làm việc thiện, nhất là hỗ trợ cha mẹ trong việc thường xuyên nghe pháp, cúng dường, tụng kinh, niệm Phật để hiện tại được an lành và tương lai sanh về cõi cực lạc, đó mới chính là người con CHÍ HIẾU

(8) **Tam Phước:** ba điều tạo nên phước đức 1 - Hiếu dưỡng phụ mẫu. Phụng sự sư trưởng. Từ tâm không sát hại sinh vật. Tu thập thiện nghiệp., 2 - Thọ trì tam quy, giữ gìn cấm giới, không phạm oai nghi. 3 - Phát Bồ Đề tâm, Tìn sâu nhân quả, Đọc tụng Đại thừa, Khuyến tấn hành giả.

CỐI SẠCH, CỐI DƠ VÀ MÔI TRƯỜNG SỐNG

Huỳnh Kim Quang

Trong lịch sử nhân loại, chưa lúc nào mà nhu cầu làm sạch môi trường sống và thế giới lại khẩn thiết và cấp bách như hiện nay. Chắc chắn là vì hành tinh này đã bị con người làm ô nhiễm đến nguy cơ phải báo động!

Bởi thế, vào ngày 12 tháng 12 năm 2015, lần đầu tiên lãnh đạo của 195 quốc gia tham dự cuộc họp Thượng Đỉnh Về Biến Đổi Khí Hậu tại thủ đô Paris của Pháp để cùng nhau thỏa thuận cắt giảm ô nhiễm khí thải nhằm mục đích giữ nhiệt độ toàn cầu chỉ gia tăng ở mức dưới 2 độ C trong thế kỷ này để tránh cho nhân loại khỏi thảm họa của biến đổi khí hậu gây ra.(1)

Theo Từ Điển Bách Khoa Mở, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu do ô nhiễm môi trường gây ra đã lên tới mức nghiêm trọng. Cụ thể là thay đổi khí hậu làm đảo lộn phẩm chất của nước đã giết chết nhiều sinh vật mà trong đó có con người. Ô nhiễm vùng ozone gây ra nhiều bệnh hô hấp, tim mạch, viêm khí quản, đau ngực, và bộ phận tiêu hóa. Ô nhiễm nước làm 14,000 người chết mỗi ngày tại các quốc gia đang phát triển. Khoảng nửa tỉ dân Ấn Độ không có cầu tiêu an toàn để dùng. Trên 10 triệu người tại Ấn Độ mắc những bệnh liên quan đến đường chuyển tải nước trong năm 2013, và 1,535 người chết, hầu hết đều là trẻ em. Gần 500 triệu người Trung Quốc không có nguồn nước uống an toàn. Một phân tích năm 2010 cho thấy rằng có tới 1,2 triệu người chết yếu tại Trung Quốc vì ô nhiễm không khí. Cơ Quan Y Tế Thế Giới (WHO) phỏng đoán trong năm 2007 ô nhiễm không khí đã giết chết nửa triệu người một năm tại Ấn Độ. Các nghiên cứu phỏng đoán rằng số người chết hàng năm tại Hoa Kỳ là trên 50,000. Ngoài ra, khoan dầu có thể gây rát và ngứa da. Ô nhiễm tiếng ồn làm mất thính giác, cao huyết áp, căng thẳng, và mất ngủ. Chất thủy ngân liên hệ tới bệnh kém phát triển trong trẻ em và hệ thống thần kinh. Chất chì và các kim loại nặng khác đã thấy gây ra các vấn đề thần kinh. Các hóa chất và tia phóng xạ có thể gây ra ung thư cũng như các dị tật bẩm sinh.(2)

Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường cũng đã xảy ra tại Việt Nam trong những năm tháng gần đây ở mức báo động.

Ô nhiễm môi trường do phát triển kinh tế và đặc biệt là sự bùng phát trong lãnh vực

công nghệ máy móc, xe cộ tạo ra ô nhiễm không khí trầm trọng dẫn đến nhiều vấn đề cho sức khỏe con người. Trong bài báo trên trang mạng Đại Kỷ Nguyên vào tháng 5 năm 2015 có tựa đề "Ô Nhiễm Không Khí Đáng Báo Động Tại Việt Nam," trích lời chuyên gia người Pháp Jacques Moussafir cho biết rằng, "Tại các đô thị lớn ở Việt Nam, ô nhiễm không khí ảnh hưởng tới hoạt động của người dân mọi lúc, mọi nơi, nhất là ở thủ đô Hà Nội. Đây là một trong những thành phố ô nhiễm không chỉ nhất Đông Nam Á mà còn cả châu Á".

"Còn ở Hà Nội, theo khảo sát của Sở Y tế Hà Nội, 72% hộ gia đình có người mắc bệnh do ô nhiễm không khí."(3)

Biến đổi khí hậu còn dẫn đến tình trạng hạn hán và ngập mặn trầm trọng tại Miền Trung, Tây Nguyên và Đồng Bằng Sông Cửu Long của Việt Nam khiến cho hàng chục nghìn mẫu ruộng trồng trọt phải bỏ hoang vì thiếu nước hay không thể sử dụng được vì nước mặn xâm thực. Điều này đã được Tổng Cục Thủy Lợi thuộc Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam báo động trong phúc trình có tựa đề "Xâm Nhập Mặn Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long (2015 - 2016), Hạn Hán Ở Miền Trung, Tây Nguyên và Giải Pháp Khắc Phục," được đăng trên trang mạng của Bộ.(4)

Ngoài ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, các nước trong vùng Sông Mekong, gồm Việt Nam, Thái Lan, Lào, Cam Bốt, còn chịu thiệt hại nặng nề về kinh tế và thủy nông nghiệp qua việc Trung Quốc xây hàng chục đập thủy điện trên thượng nguồn làm tắt nghẽn dòng nước xuống dưới hạ nguồn. Điều này đã được nhà nghiên



cứu Ngô Thế Vinh cảnh báo từ lâu qua tác phẩm "Cứu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng." Trong bài viết đăng trên Việt Báo vào cuối tháng 5 năm 2015, có tiêu đề "Trên Bàn Cờ Mekong Những Con Đập Thủy Điện và Tị Nạn Môi Sinh," nhà biên khảo họ Ngô đã báo động "Thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của tị nạn môi sinh." (5)

Phật Giáo nghĩ gì và làm gì trước vấn nạn và thảm họa biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của toàn thể loài người?

Có lẽ không một nhà lãnh đạo tôn giáo nào trên thế giới này sống gần gũi và thân thiện với môi trường thiên nhiên như đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài sinh ra đời dưới gốc cây Vô Ưu, thành đạo quả giác ngộ dưới gốc cây Bồ Đề, chuyển pháp luân lần đầu tại vườn Lộc Uyển, và nhập niết bàn dưới gốc cây Sala. Tất cả những sự kiện lớn trong đời đức Phật đều xảy ra ở dưới gốc cây.

Những năm tháng ở hoàng cung Ca Tỳ La Vệ không biết đức Phật có mang dép không, nhưng kể từ khi Ngài vượt thành vào Hy Mã Lạp Sơn tầm đạo năm 29 tuổi cho đến khi nhập niết bàn lúc 80 tuổi, trong suốt thời gian hơn nửa thế kỷ ấy, Ngài hầu như chỉ đi chân đất. Vì thế, trong Kinh còn ghi lại việc đức Phật ăn trưa xong thì rửa chân và trải tòa ra ngồi nghỉ như một trong những sinh hoạt hàng ngày của Ngài. Vì Ngài đi chân đất nên phải rửa chân cho sạch trước khi ngồi lên tòa cụ. Trong nhiều năm sau khi thành đạo và trước khi có các tịnh xá được xây dựng để làm chỗ dừng chân vào mùa hạ, đức Phật thường sống trong rừng, dưới gốc cây. Và ngay cả sau khi có các tịnh xá được dựng lên, đức Phật, trừ mùa hạ an cư, vẫn đi đây đi đó khắp các thôn làng để thuyết pháp cảm hóa người có duyên. Trên con đường hoằng pháp ấy, đức Phật có thể dừng chân để nghỉ ngơi hay ngủ qua đêm tại bất cứ đâu, dưới gốc cây, nơi nghĩa địa, trong nhà kho của người dân dọc theo đường. Những sinh hoạt thường ngày đơn giản này của đức Phật cho thấy Ngài sống rất thân thiết với môi trường sống thiên nhiên như thế nào!

Và cũng chính vì cuộc sống của đức Phật gắn liền với thế giới thiên nhiên nên Ngài và Tăng Đoàn của Ngài rất trân quý và bảo vệ môi trường sống chung quanh. Đức Phật và Tăng Đoàn tổ chức cấm túc ăn cư kiết hạ vào mùa mưa mỗi năm -- ở Ấn Độ mùa mưa là mùa hạ - cũng là để không làm tổn hại các loài côn trùng và thảo mộc sinh sản lan tràn trên mặt đất vào mùa mưa này. Và điều đó đã trở thành truyền thống được Tăng Đoàn Phật Giáo khắp nơi trên thế giới giữ gìn suốt mấy ngàn năm qua, sau khi đức Phật nhập diệt. Đức Phật là người vận động bãi bỏ các tập tục tế thần bằng cách giết hại tập thể sinh vật của Bà La Môn. Đức Phật cũng chế ra giới cấm sát sinh cho cả đệ tử xuất gia và tại gia của Ngài.

Cách dạy đệ tử của đức Phật cũng rất gần

với thực tế môi trường sống chung quanh. Xin đơn cử hai hình ảnh tiêu biểu mà đức Phật dùng để dạy cho hai vị đệ tử là tôn giả Cūlapanthaka (Châu Lợi Bàn Đà Già Em) và tôn giả La Hầu La (Rahula).

Tôn giả Châu Lợi Bàn Đà Già Em vì trí óc chậm lụt nên học mãi một bài kệ mấy câu mà suốt mấy tháng cũng không thuộc, nên người anh ruột là tôn giả Châu Lợi Bàn Đà Già Anh (Mahapanthaka) đuổi không cho tu nữa. Đức Phật biết vậy nên giữ ông lại và dạy cho ông dùng khăn để lau tịnh xá, vừa lau vừa tự nói "Tẩy sạch bụi trần, tẩy sạch bụi trần, tẩy sạch bụi trần." Nhờ vậy mà tôn giả Châu Lợi Bàn Đà Già Em đã có thể nhiếp tâm thiền quán đến sự ô trược và thanh tịnh của thân tâm và các pháp, rồi giác ngộ chứng quả A La Hán ngay sau đó.

Người thứ hai là tôn giả La Hầu La là con của Thái Tử Tất Đạt Đa trước khi thành Phật. Tôn giả La Hầu La vì còn rất trẻ thơ nên tánh tình nghịch ngợm hay khuấy rối các tôn giả khác làm cho họ phiền hà khiến cho đức Phật cũng biết chuyện này. Một hôm, đức Phật nhờ tôn giả La Hầu La lấy nước cho Ngài rửa chân. Rửa chân xong, đức Phật nhân đó dạy cho tôn giả La Hầu La rằng, giống như chậu nước dơ không dùng để rửa thứ gì khác cho sạch được, cũng vậy thân tâm khi ô nhiễm thì khiến con người không làm gì lợi ích được cho mình và người. Tôn giả La Hầu La nhờ vậy đã giác ngộ được và tinh tấn tu tập để thanh tịnh thân tâm và chứng quả A La Hán sau đó.

Hai trường hợp dạy đạo trên cho thấy đức Phật thấu rõ về mối tương quan tương duyên mật thiết giữa con người và môi trường sống chung quanh. Qua đó đức Phật cũng cho thấy mối tương quan tương duyên giữa con người và môi trường chung quanh trong sự tu tập và chứng đắc đạo quả.

Môi trường được biết đến như là tất cả những gì của thế giới chung quanh chúng ta, gồm các sinh vật - hay nhà Phật gọi là chúng sinh--, phi sinh vật, hay vật vô cơ, mà trong đó bao gồm những sinh hoạt và hoạt động có tính tương tác lẫn nhau của mọi hiện hữu. Như thế mọi hoạt động của tất cả sinh vật gồm con người đều có ảnh hưởng lẫn nhau. Sự ô nhiễm của chúng sinh này ắt có tác động đến sự ô nhiễm của chúng sinh khác, và ngược lại. Sự trong sạch của con người này tất ảnh hưởng đến sự trong sạch của những con người khác, của thế giới chung quanh họ.

Khi tôn giả Châu Lợi Bàn Đà Già Em vừa lau nhà vừa đọc câu "tẩy sạch bụi trần," ông nhìn ra từ việc sàn nhà được sạch do lau chùi đến việc thân tâm được sạch do tu tập giới định tuệ. Ông cũng nhìn ra rằng sự sạch sẽ của thế giới bên ngoài có tương quan đến sự sạch sẽ của thân tâm, và ngược lại. Khi tôn giả La Hầu La nhìn ra chậu nước dơ không còn rửa sạch được thứ gì thì ông cũng nhận ra rằng khi thân tâm mình còn ô nhiễm bởi tham lam, thù hận

và si mê thì mình sống ở đâu cũng làm cho môi trường ở đó ô nhiễm theo. Khi thân tâm sạch thì thế giới cũng sạch theo. Khi con người giảm trừ hay tiêu diệt được những ô nhiễm của tham lam, thù hận và si mê bên trong thân tâm mình thì môi trường sống của người đó, gồm gia đình và xã hội, cũng sẽ bớt ô nhiễm bởi tham lam, thù hận và si mê.

Một điều nhỏ nhặt mà ai cũng có thể thấy được ngay trong cuộc sống thường nhật của mình đó là khi một người có tâm và thân sạch thì lúc nào cũng bảo vệ môi trường sống quanh mình sạch sẽ. Người ấy nhất định không bao giờ xả rác bừa bãi. Cũng vậy, khi một người không còn bị tham lam, thù hận và si mê ô nhiễm nữa thì sẽ không tham nhũng, không tham quyền cố vị, không bị danh lợi làm mù lương tri, không kết oán gây thù, không làm điều gì mà không dùng trí tuệ để suy xét trước và cũng không làm tổn hại bất cứ ai. Đó chính là những gì đức Phật dạy cho người Phật tử thực hành trong cuộc sống hàng ngày. Đó cũng là những nguyên tắc cơ bản và nền tảng để xây dựng bảo vệ môi trường sống lành mạnh và an lạc.

Người Phật tử còn phát nguyện làm sạch cõi nước mình đang sống giống như cõi Phật thanh tịnh, mà trong các Kinh Điển Đại Thừa như Kinh Đại Bát Nhã, Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết và Luận Đại Trí Độ, v.v... gọi là "tịnh Phật quốc độ."

Trong Luận Đại Trí Độ, do Bồ Tát Long Thọ viết và được Ngài Cứu Ma La Thập dịch sang Hán Văn, rồi được Cổ Hòa Thượng Thích Thiên Siêu dịch sang tiếng Việt, trích một đoạn Kinh Đại Bát Nhã nói về đức Phật trả lời câu hỏi của tôn giả Tu Bồ Đề "làm sao tịnh Phật quốc độ?" như sau:

"Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát nghiêm tịnh cõi Phật?"

Phật dạy: Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây tự trừ nghiệp thô nơi thân, tự trừ nghiệp thô nơi miệng, tự trừ nghiệp thô nơi ý, cũng làm thanh tịnh nghiệp thô nơi thân, miệng, ý của người khác.

Bạch đức Thế Tôn, thế nào là nghiệp thô nơi thân, miệng, ý của Bồ Tát?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nghiệp bất thiện: Hoặc sát sinh cho đến tà kiến là nghiệp thô nơi thân, miệng ý của Bồ Tát."(6)



Ở đây chúng ta thấy đức Phật dạy 2 điều chính để làm sạch cõi nước giống như cõi Phật thanh tịnh: một là, muốn làm sạch cõi nước mình đang sống thì trước hết phải làm sạch thân tâm mình; thứ hai, làm sạch thân tâm mình bằng việc làm sạch ý nghĩ, lời nói và hành động, mà đức Phật gọi là nghiệp của thân, miệng, và ý.

Khi chính thân tâm mình còn ô nhiễm bởi vô minh, phiền não và các ác nghiệp thì dù mình sống ở đâu cũng làm cho nơi đó ô nhiễm theo, vì chúng là nguồn gốc gây ra mọi ô nhiễm trên thế gian này. Chẳng hạn, một người còn ý nghĩ, lời nói và hành động bất thiện như sát hại sinh vật thì khi nhân duyên đầy đủ đến người đó sẽ không ngăn ngại suy nghĩ, nói và làm việc sát hại chúng sinh. Chính khi suy

nghĩ, nói và làm điều sát hại như thế thì người đó đã làm ô nhiễm không những tự thân mà còn gây ô nhiễm cho môi trường sống chung quanh. Bởi vậy cho nên, trong Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết, đức Phật dạy rằng, "*Cho nên, Bảo Tích, nếu Bồ tát muốn làm thanh tịnh quốc độ, hãy làm thanh tịnh tự tâm. Tùy theo tâm tịnh mà Phật độ tịnh.*"(7)

Môi trường sống là sự tương quan, tương duyên và tương tác lẫn nhau giữa tất cả sinh vật, chúng sinh, và các pháp vô sinh. Cho nên, hoạt động hay sinh hoạt của một sinh vật, một chúng sinh này ắt có ảnh hưởng đến những sinh vật và chúng sinh khác. Tương tự như vậy, ý nghĩ, lời nói và việc làm của chúng sinh này ắt có tác động đến những chúng sinh khác chung quanh. Ý nghĩ, lời nói và việc làm đó chính là điều mà đức Phật dạy là nghiệp của thân, miệng và ý, hay là ba nghiệp. Để làm sạch cõi nước, làm sạch môi trường sống thì con người phải tự làm sạch ba nghiệp thân, miệng, và ý mình trước. Làm sạch 3 nghiệp bằng cách sửa đổi những ý nghĩ, lời nói và việc làm bất thiện, có hại cho tha nhân, cho xã hội, cho môi trường bằng những ý nghĩ, lời nói và việc làm thiện, có lợi ích cao đẹp và thẳng hoa. Mục đích cao cả nhất của người con Phật là làm sạch cõi nước mình đang sống, làm sạch môi trường sống để giống như cõi Phật thanh tịnh. Trong ý nghĩa này, mà Phật Giáo Đại Thừa nêu cao lý tưởng tịnh Phật quốc độ, nỗ lực xây dựng càng nhiều cõi Phật trong sạch chừng nào càng lợi lạc chừng đó.

Cho nên, chúng ta thấy trong các kinh

điển Đại Thừa có sự xuất hiện của nhiều cõi tịnh độ, như Tây Phương Tịnh Độ của đức Phật A Di Đà là một tiêu biểu. Đó không phải là những hình ảnh huyền hoặc không có thật. Đó là mô thức và kiểu mẫu làm sạch cõi nước, làm sạch môi trường sống mà Phật Giáo là tôn giáo đi tiên phong cả ngàn năm trước nhân loại.

Nếu có tôn giáo nào thân thiện, trân quý và bảo vệ môi trường sống hữu hiệu nhất thì đó là Phật Giáo. Vì thế cho nên, Phật tử là người may mắn thừa hưởng di sản vô giá của việc làm sạch môi trường sống để có thể đem ra ứng dụng ở mọi nơi, mọi thời đại.

Ứng dụng bằng cách nào? Bằng cách ý thức và nhận thức đầy đủ về mối tương quan, tương duyên và tương tác của tất cả mọi sinh vật, thực vật, khoáng vật, gồm con người trong môi trường rộng lớn của thế giới mà chúng ta đang sống. Áp dụng thực sự và hữu hiệu lời Phật dạy tự làm sạch ý nghĩ, lời nói và việc làm của mình. Phát tâm xây dựng và bảo vệ môi trường sống bằng ý nghĩ, lời nói và việc làm tốt đẹp và lợi lạc cho gia đình, cộng đồng, xã hội, đất nước và nhân loại, như là cách để kiến tạo cõi Phật thanh tịnh.

Trước hiện tình báo động về nguy cơ của môi trường sống ngày càng bị thiệt hại đến mức nguy ngập, người con Phật không thể chỉ xem việc làm sạch cõi nước, làm sạch môi trường, làm sạch cõi Phật như là lý tưởng hay lý thuyết xa vời, mà là nhu cầu khẩn thiết và cấp bách cần làm ngay ở đây và bây giờ, để không phải quá trễ, và cũng để không biến thành thảm họa cho các thế hệ sinh sau chúng ta trên hành tinh này.

Chú thích:

(1) <http://newsroom.unfccc.int/unfccc-newsroom/finale-cop21/>

(2) <https://en.wikipedia.org/wiki/Pollution>

(3) <http://www.daikynguyenvn.com/vietnam/o-nhiem-khong-khi-dang-bao-dong-tai-viet-nam.html>

(4) <http://www.tongcucthuyloi.gov.vn/Tin-tuc-Su-kien/Tin-tuc-su-kien-tong-hop/catid/12/item/2670/xam-nhap-man-vung-dong-bang-song-cuu-long--2015--#>

(5) Ngô Thế Vinh, <https://vietbao.com/a238238/tren-ban-co-mekong-nhung-con-dap-thuy-dien-va-ty-nan-moi-sinh>

(6) Luận Đại Trí Độ (Mahāprajñāpāramitāsātra), Tập V, Hòa Thượng Thích Thiện Siêu dịch, NXB TP HCM, 2001, trang 455.

(7) Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết, Thích Tuệ Sỹ dịch, có thể xem trên các trang mạng Phật Giáo như: <http://thuvienhoasen.org/p16a1639/chuong-1-quoc-do-phat>, <http://quangduc.com/a31853/kinh-duy-ma-cat-so-thuyet-tue-sy-viet-dich>, <http://www.hoavouu.com/a1208/kinh-duy-ma-cat-so-thuyet>



BIỂN VỌNG

*Người nói người,
Gọi ơi! biển ơi!
Thủy triều lên xuống, vẫn đầy vơi
Nhưng đâu hồn biển? Đâu hồn nước?
Tan tác sinh linh, tắt nghẹn lời!*

*Tai ương giáng họa, nổi cuồng phong
Trùng dương dậy sóng, xé muôn lòng
Chim trời, cá nước, bao oan khuất
Họa biển,
Đây là họa diệt vong!*

*Vì đâu? Vì đâu? Ôi mệnh mông!
Tâm người nham hiểm, khôn đo lường
Biển cả ngàn năm nuôi mầm sống
Biển chết,
Người còn tồn tại không?*

*Ơi, biển hiền hòa, biển nuôi dân
Biển bị ém độc, dân chết dần
Đêm đêm, sóng khóc bên ghềnh đá
Biển thương dân,
Và thương chính thân!*

*Trời cao nhìn xuống, trời lắc đầu!
Thú dữ còn biết thương lẫn nhau
Người mang tim óc hơn muông thú
Sao người táng tận?
Lương tâm đâu?*

*Trăm trứng xưa, nở ra trăm con
Năm mươi xuống biển,
Còn lên non.
Hồn thiêng sông núi, muôn hào khí
Sẽ cùng xây đắp lại giang sơn.*

thơ HUỆ TRÂN

(Hạ chí, Bính Thân niên, hương về Quê Hương)

ĐỨC PHẬT NÓI VỀ SỰ CÚNG THÍ TỔ TIÊN VÀ NGẠ QUỶ [1]

KINH TẠP A-HÀM

Hán dịch: Tống, Tam Tạng Cầu-Na-Bạt-Đà-La

Việt dịch: *Thích Đức Thắng* - Hiệu đính & Chú thích: *Thích Tuệ Sỹ*

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong Ca-lan-đà Trúc viên, thành Vương-xá. Bấy giờ có Phạm chí Sanh Văn [2] đi đến chỗ Phật, cùng Phật thăm hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm! Con có người thân tộc rất thương mến, bỗng nhiên qua đời. Con vì người ấy nên bố thí với tín tâm. Thế nào, bạch Thế tôn, người ấy có nhận được không?»

Phật bảo Bà-la-môn:

“Không phải nhất định phải được.[3] Nếu người thân tộc của ông sinh vào trong địa ngục, nó sẽ ăn thức ăn của chúng sanh địa ngục để nuôi sống sinh mạng của nó, chứ không nhận được đồ ăn thức uống mà ông bố thí với tín tâm. Nếu nó sinh vào súc sanh, ngạ quỷ, hoặc loài người, họ sẽ được đồ ăn thức uống của loài người, không nhận được đồ bố thí của ông.

“Này Bà-la-môn! Trong đường ngạ quỷ có một nơi tên là Nhập xứ ngạ quỷ.[4] Nếu người thân tộc của ông sinh vào trong Nhập xứ ngạ quỷ kia, thì sẽ nhận được thức ăn của ông.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Nếu người thân tộc của con không sinh vào trong đường Nhập xứ ngạ quỷ, thì thức ăn do tín tâm của con bố thí ai sẽ hưởng được?»

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nếu ông với tín tâm bố thí cho người thân tộc, nhưng họ không sinh vào chốn Nhập xứ ngạ quỷ, thì có những thân tộc quen biết khác đã sinh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ đó sẽ được hưởng.»

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm! Nếu con vì tín tâm bố thí cho người thân tộc, nhưng họ không sinh

vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ, và cũng không có các thân tộc quen biết khác sinh vào chốn Nhập xứ ngạ quỷ, thì thức ăn do lòng tin bố thí đó ai sẽ hưởng?»

Phật bảo Bà-la-môn:

“Giả sử ông vì những thân tộc quen biết mà bố thí, nhưng họ không sinh vào trong chốn Nhập xứ ngạ quỷ, và lại cũng không có những người quen biết khác sinh vào chốn Nhập xứ ngạ quỷ, thì việc bố thí do lòng tin, tự mình sẽ được phước.[5] Của bố thí do lòng tin của người thí chủ đó, sẽ không mất đạt-săn[6].»

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thế nào là thí chủ hành thí, để người bố thí được đạt-săn kia?»

Phật bảo Bà-la-môn:

“Có người sát sanh, làm những việc ác, tay thường tanh máu,[7] tâm thường suy nghĩ đến đánh đập, sát hại, không hổ, không thẹn, tham lam, keo kiệt. Đó là nghiệp ác sát sinh.

“Có người lấy của không được cho; đối với tài vật, làng xóm, đất trống của người, cũng không xa lìa trộm cắp.

“Có người tà dâm; đối với những người được bảo hộ bởi cha mẹ, anh em, chị em, phu chủ, thân tộc cho đến người trao vòng hoa, mà dùng sức cưỡng bức, làm mọi việc tà dâm, không lìa bỏ tà dâm.

“Có người nói dối không chân thật: Hoặc ở chốn vua quan, các nhà nói chơn thật, nơi có nhiều người tụ tập cần lời nói thích đáng, nhưng lại nói lời không thật; không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, không nghe nói nghe, nghe nói không nghe; biết nói không biết, không biết nói biết. Vì chính mình, vì người khác, hoặc vì tài lợi, biết mà nói dối không chịu lìa bỏ nói dối.



“Có người hoặc nói hai lưỡi, gây chia lìa; đem chuyện chỗ này đến nói chỗ kia, đem chuyện chỗ kia đến nói chỗ này, phá hoại lẫn nhau, làm cho tan rã sự hòa hợp, khiến kẻ ly gián vui mừng.

“Có người nói lời thô ác, mắng nhiếc. Có những lời nói dịu dàng, êm tai, làm vui lòng, rõ ràng dễ hiểu, lời nói được ưa nghe, được nhiều người yêu mến, hợp ý, tùy thuận tam-muội. Xả bỏ những lời như vậy mà nói lời gắt gao, cọc cằn, bị nhiều người ghét, không ưa, không hợp ý, không thuận tam-muội. Nói những lời như vậy, không lìa bỏ lời nói thô. Đó gọi là ác khẩu. «Có người nói lời thêu dệt bại hoại, nói không đúng lúc, nói không thực tế, lời nói vô nghĩa, lời nói phi pháp, lời nói thiếu suy nghĩ. Nói những lời hư hỏng như vậy.

“Có người không lìa bỏ tham lam; đối với tài vật người khác khởi tham dục, nói rằng <Nếu ta có vật này thì rất tốt.>

“Có người không xả bỏ sân nhuế tặc ác; trong tâm suy nghĩ, <chúng sanh kia đáng bị trời, đáng bị roi vọt, gậy gộc, đáng giết, muốn cho nó khó sống.>

“Có người không bỏ tà kiến; có quan điểm điên đảo như vậy: <Không có bố thí, không có quả báo, không có phước, không có điều thiện điều ác, không có nghiệp thiện ác và quả báo, không có đời này, đời khác, không có cha mẹ, không có chúng sanh hoá sanh; thế gian không có A-la-hán, không có các vị chánh hành, chánh hướng[8] mà trong đời này hay đời khác, tự biết, tự mình chứng nghiệm rằng, <Ta, sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sinh đời sau nữa.>

“Đó gọi mười nghiệp bất thiện.

“Sau lại bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, ... cho đến những kẻ ăn xin bần cùng, đều bố thí tiền tài, áo quần, chăn mền, đồ ăn thức uống, đèn đuốc, những vật dụng trang nghiêm.

“Này Bà-la-môn! Thí chủ kia nếu lại phạm giới, sinh trong loài voi; nhưng vì người ấy đã từng bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn tiền của, áo quần, chăn mền, đồ ăn thức uống cho đến những vật dụng trang nghiêm, nên tuy ở trong loài voi, cũng nhận được phước báo nhờ đã bố thí, từ quần áo, đồ ăn thức uống cho đến những vật dụng trang nghiêm.

“Nếu lại sinh vào các loài súc sanh như trâu, ngựa, lừa, la v.v... nhưng cũng nhờ vào công đức thí ân trước, nên sẽ nhận được phước báo kia tùy theo chỗ sinh tương ứng mà được thọ dụng.

“Này Bà-la-môn! Nếu thí chủ kia lại trì giới, không sát sinh, trộm cướp, ... cho đến chánh kiến, và bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn, ... cho đến những kẻ ăn xin nào là tiền của, áo quần, đồ ăn thức uống, đèn đuốc, thì nhờ công đức này mà sinh trong loài người, ngồi hưởng thụ phước báo này, từ áo quần, đồ ăn thức uống ... cho đến những vật dụng như đèn đuốc.

“Lại nữa, này Bà-la-môn! Nếu người ấy lại trì giới, thì sẽ được sinh lên cõi trời, vì nhờ vào những thí ân nên được hưởng những thứ phước báo về tài bảo, áo quần, đồ ăn thức uống, ... cho đến những vật dụng trang nghiêm cõi trời.

“Này Bà-la-môn! Đó gọi là người bố thí hành thí; khi người bố thí thọ nhận đạt-săn, quả báo không mất.”

Sau khi Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH TẬP A-HÀM

Hán dịch: Tống, Tam Tạng Cầu-Na-Bạt-Đà-La

Việt dịch: Thích Đức Thắng -

Hiệu đính & Chú thích: Thích Tuệ Sỹ

(XEM THÊM KINH VĂN PALI:

Kinh Cúng Thí Người Mất)

CHÚ THÍCH:

[1] Trích dịch, Tập A-hàm, quyển 37, kinh số 1041, *Kinh Sanh Văn* (T02n99, tr. 272b8). Tương đương Pali, A□guttara-nikāya, x, 177. *Jā□uso□i-sutta*□ (S. v. p. 269ff).

[2] Phạm chí Sanh Văn 生聞梵志. Pali: *Jā□usso□i brāhma*□o.

[3] Pali: □hāne kho, brāmah□a, upakappati, no a□□hāne' ti, «trường hợp thích đáng thì hữu ích; trường hợp không thích đáng thì không.»

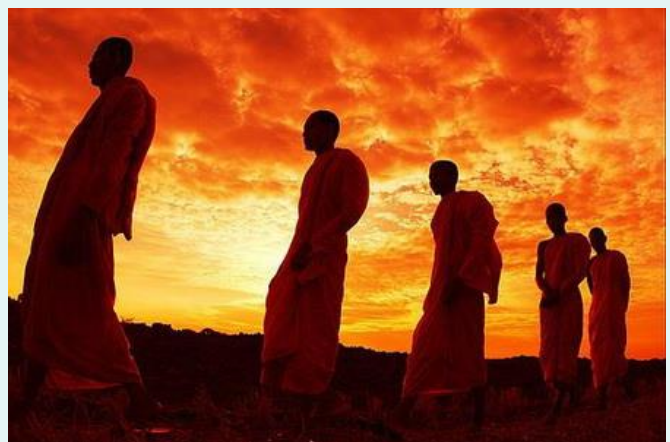
[4] Nhập xứ nọa quý 入處餓鬼. Pali: *pettivisaya*, cảnh giới nọa quỷ.

[5] Bản Pali: “Không có trường hợp trong một thời gian dài như vậy mà không có thân thích huyết thống nào sinh vào Nhập xứ nọa quỷ. Nhưng, người bố thí không phải không có kết quả.”

[6] Đạt-săn 達嚩. Từ phiên âm; Pali: *dakkhi□ā*, cũng dịch là cúng vật, thí vật. Phẩm vật cúng dường hay bố thí được cúng cho Tăng sau khi đã thọ trai. Đây chỉ sự thuyết pháp, chú nguyện hay hồi hướng của Tăng đối với vật được cúng dường.

[7] Nguyên bản Hán: “Nói chi tiết như trong kinh Thuần-đà (kinh số 1039).” Ở đây chép lại đoạn liên hệ từ kinh đó cho đủ nghĩa; với một vài chi tiết thay đổi thích hợp.

[8] Nguyên Hán: đẳng thú đẳng hướng 等趣等向. Pali: *sammaggaṭā sammāpaṭipannā*.



thơ

QUẢNG TÁNH TRẦN CẨM

VU LAN NHỚ MẸ

quê nhà ở tận bên sông
chiều nghe bìm bịp – con trông Mẹ già
Mẹ già – bán chợ bốn ba
nuôi con chục đứa
đứa xa đứa gần
Mẹ già – gông gánh nợ nần
bao năm cay đắng
đau thân mỗi hồn
Mẹ về cõi tịnh ngày hôm
con nghe bìm bịp gọi đôn
lặng thương
chấp tay tiễn Mẹ lên đường
căn răng
quặn ruột
vô-thường thế gian
Mẹ tôi nào biết thanh nhàn
Vu Lan nhớ Mẹ – ngập ngàn bóng mây

KHI NÀO

môi nào nói lời ái ngữ
mắt nào chan chứa bao dung
tay nào rưới nước cam lồ
chân nào đưa vào tịnh độ
cõi nào không còn khổ khê
kiếp nào không ai e dè
một thoáng – nghe
người hỏi khế
khi nào con về với Mẹ?

MÙI NƯỚC MẮT

Mẹ – đại dương, mùi biển mặn
con – cù lao, mùi phù sa
đời – nghiệt ngã, mùi biển động
tơi bời, tan tác, xót xa
bốn mươi năm lẻ, thoáng qua
biển – tôm cá chết, nhập nhòa
phù sa – hao mòn, hột hăng
Mẹ – mùi nước mắt, chan hòa
tủi dân ta
đau lòng Mẹ

THOÁNG NGHE

chỗ đứng – ngẩn ngơ
hồn dựa cột
chỗ ngồi – hột hăng
một người xa
lối mòn – gió bụi
chân bỏ tất
tâm kinh – tháp thoáng
giữa bao la

ĐI

vạn dặm con đi
không y không bát
nây đá nảy cát
nây lá bạt ngàn
tâm nghe rỗng lặng
hai hàng lệ rơi
chảy về bến đời
đá đọi cát trông
bạt ngàn lá đổ
trên dòng tử sinh
đâu đây trong gió
ai gọi tên mình



AN CƯ: MÙA NẠP NĂNG LƯỢNG NHIỀU PHƯỚC ĐỨC

Thích Viên Thành



*"Vui thay Đức Phật ra đời
Vui thay Giáo Pháp khắp nơi hoằng truyền
Vui thay Tăng chúng đoàn viên
Vui thay Tứ chúng phát nguyện cùng tu"*



Còn niềm vui nào hơn, khi sau những ngày toàn nhân loại hân hoan, nô nức, đón mừng ngày Phật Đản Sanh, thì tiếp theo là Mùa An Cư của Tăng Già, một "mùa nạp năng lượng" đầy An lạc, Giải thoát, vì "Nếu Hạ lạp trang nghiêm đời Tu sĩ, thì An cư là năng lượng dẫn đến Đạo Bồ Đề."

Đúng vậy! Sau chín tháng Phật sự, lo hoằng Pháp lợi sanh, lập hạnh Bồ Tát, phải "hòa quang đồng trần," "tùy duyên" tiếp xúc với cuộc đời, có nhiều lúc phải hướng ngoại tìm cầu, cũng phải nhiều lo toan, tính toán, đối diện với biết bao nhiêu chuyện "thị phi," thịnh suy hưng phế, có bao nhiêu năng lượng đều đã đem ra để sử dụng hết, nếu không có thời gian dừng lại, chắc là cũng khá nhiều mệt mỏi. Cổ Đức vân: "Đa trí đa sự, bất như túc ý, đa lự đa thất, bất như thủ nhất. Lự đa chí tán, trí đa tâm loạn, tâm loạn sanh não, chí tán phương đạo. Anh hiền tài nghệ, thị vi ngu tộ, nhứt kỳ nhất năng, nhứt hạ cô đẳng, nhứt năng nhứt kỳ, không trung văn nhuế." Nghĩa là: Người mà hiểu biết nhiều, việc nhiều không bằng người chăm dút, nghĩ ngợi lo nhiều thì mất nhiều, không bằng người chuyên nhất. Vì lo nhiều thì không tập trung tâm trí, biết nhiều thì rối loạn tâm tư. Tâm tán loạn thì sanh phiền não, ý chí

phân tán, có hại cho đạo nghiệp. Những người anh tài trong thế gian, đối với đạo là những kẻ ngu tộ, bởi cái hay cái tài ấy, như ngọn đèn dưới mặt trời, như mòng muối giữa hư không..." (Sa Di lược giải - q. Hạ, đệ bát)

Ba tháng An Cư là dịp để Chư Tôn Đức có cơ hội "dừng lại, hồi quang phản chiếu" với chính mình, dành thời gian để ngồi xét nét lại từng suy nghĩ, lời nói và việc làm của mình, hầu trau giồi Giới Định Tuệ, sám hối hoàn thiện bản thân, giúp tam nghiệp hằng thanh tịnh sẵn sàng cho việc nạp lại năng lượng.

Trong thời gian An Cư Chư Tôn Đức thực hành theo lời Phật dạy: "... này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; sống quán thọ trên các thọ... sống quán tâm trên tâm... sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Đây là chỗ hành xử của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình" (Kinh Con chim ưng, Tương Ưng Bộ). Khi An Cư là chúng ta đang đi đúng trong hành xử của mình, lúc đó ta an nhiên tự tại, không sợ ma chướng quấy nhiễu, không bị các thế lực xấu hãm hại.

An Cư trong Trường Hạ có "đức chúng như hải" có thời khóa rõ ràng và miên mật, sẽ có nhiều thời gian cho thiền định, trì tụng giới luật, trao đổi Phật Pháp và chia sẻ cho nhau những trải nghiệm trong quá trình hoằng pháp lợi sanh, cũng như chỉ lỗi, làm đẹp cho nhau qua việc "tự tứ" và lạy Phật sám hối. An Cư cũng là thời gian Chư Tôn Đức "cày ruộng" - Như Lời Phật dạy trong Kinh Nikāya NGƯỜI CÀY RUỘNG:

Một thời, Thế Tôn ở Magadha, tại làng Ekanalā. Lúc bấy giờ là thời gian gieo mạ, Bà la môn Kasi Bhàradvāja sắp đặt khoảng năm trăm lưỡi cày, đang phân phát đồ ăn cho nhân công thì Thế Tôn đi đến.

Bà la môn Kasi Bhàradvāja thấy Thế Tôn đang đứng khất thực, liền nói:

Này Sa môn, tôi cày và gieo mạ, sau khi cày và gieo mạ, tôi ăn. Còn ông, ông có cày và gieo mạ không, nếu không thì lấy gì ông ăn ?

Này Bà la môn, Ta cũng có cày và gieo mạ, sau khi cày và gieo mạ, Ta ăn.



Nhưng chúng tôi không hề thấy cái ách, cái cày, cái lưỡi cày, cây gậy hay các con bò của ông. Ông nói là nông phu nhưng không hề thấy ông cày cấy. Hãy nói cho chúng tôi biết là ông thực sự có cày cấy ?

Này Bà la môn: Lòng tin là hạt giống, khổ hạnh là mưa móc, trí tuệ đối với ta là cày và ách mang, tầm quý là cán cày, ý căn là dây cột, chánh niệm đối với ta là lưỡi cày, gậy đâm...đưa ta tiến dần đến, an ổn khỏi ách nạn, đi đến không trở lui, chỗ ta đi không sâu. Như vậy cày ruộng này, đưa đến quả bất tử, sau khi cày ruộng này, mọi đau khổ được giải thoát. (Tương Ưng Bộ I, chương 7, phẩm Cư sĩ phần Cày ruộng, VNCPHVN ấn hành 1993, tr.377)

Qua bài kinh này, Đức Thế Tôn đã khẳng định rõ lập trường rằng Ngài và những đệ tử của Ngài là những người lao động chân chính. Thành quả lao động của Thế Tôn và đệ tử của Ngài là hoàn thiện tự thân, giải thoát giác ngộ đã ảnh hưởng tích cực đến xã hội, tuy không tham gia sản xuất ra vật chất, nhưng là "siêu kỹ sư tâm hồn" sản xuất ra những Thánh nhân, những người tốt, góp phần xóa bỏ giai cấp, tạo tự do bình đẳng, phát triển nền 'nhân bản' hướng thiện giúp ổn định và phát triển xã hội. Cũng giống như các nhà bác học, bác sĩ, kỹ sư, tuy không trực tiếp sản xuất, nhưng là những người vận dụng trí óc, phát minh, xây dựng, giúp ích hoàn thiện xã hội, hay nhà văn viết và chia sẻ những điều hay tốt cho nhân loại được tốt hơn, giáo viên là những "kỹ sư tâm hồn" dạy cho người biết chữ, sản xuất ra "người trí thức" phụng sự xã hội, đây không phải là những người "cày cấy" âm thầm đầy vinh quang và cao đẹp hay sao!

Tuy không cày ruộng và gieo mạ nhưng Ngài và đệ tử của Ngài hằng ngày, đặc biệt trong mùa An Cư, vẫn là một nông phu thực thụ và đã cày xới đất tâm, gieo trồng hạt giống Thánh nhân và gặt hái được hoa trái giải thoát.

Gia tài Giáo Pháp của Ngài đã giúp cho xã hội hiện nay có được hướng đi, giải thoát khỏi những khổ đau nhân thế, góp phần ổn định xã hội và xây dựng hòa bình thế giới. Như lời của Albert Einstein: *"Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lĩnh vực*

trên trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó."

Đó không phải là kết quả của sự "cày cấy" nhiều lợi ích của Đức Phật và các đệ tử của Ngài trong quá khứ, cho hiện tại và tương lai hay sao?

Ngày nay, khi Phật Giáo được Liên Hợp Quốc tôn vinh, mọi người khắp thế giới đang quy hướng về, người tu Phật mỗi ngày một nhiều, sự dâng cúng của Phật tử mỗi ngày càng hậu hĩ, thì trách nhiệm của Tăng Già lại càng nặng nề thêm. Tuy nhiên, hàng đệ tử xuất gia phải thực hiện đúng theo tinh thần "tam đề ngũ quán," mới "không mắc nợ của đàn na tín thí" nếu không hoàn thiện sứ mạng của mình thì rõ ràng không xứng đáng và không có quyền thọ nhận bất cứ sự dâng cúng nào.

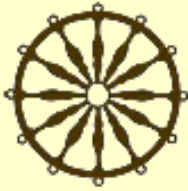
Vì thế, trong mùa An Cư, mùa "thanh bần lạc đạo," sống đơn giản "phước sanh ư kiệm," mùa của sự hòa hiệp, tôn kính, "đức sanh ư khiêm," mùa thể hiện lòng từ bi, mùa tam nghiệp hằng thanh tịnh, mùa "nạp năng lượng," mùa "cày xới, tưới nước, bón phân, chăm bón" với phước đức đầy đủ của Chư Tôn Đức, ruộng phước đầy phù sa đang sẵn sàng, hàng Phật tử tại gia hãy tranh thủ gieo cấy giống vào, bảo đảm sẽ có được một mùa bội thu, bằng cách tòng hạ tu tập, công quả, tứ sự cúng dường cho Thế Tôn và những đệ tử giới đức, đạo hạnh là nghĩa vụ đồng thời cũng là một cách vun bồi, nâng cao phước báo cho tự thân.

An Cư có nhiều lợi ích, nên rất cần thiết, phải duy trì và thực hiện nghiêm túc. Bài kinh "Người Cày Ruộng" tuy đã lâu, nhưng vẫn còn nóng hổi tinh thời sự, là bài học quý báu để Tăng tín đồ Phật tử cùng suy gẫm nhằm thường An Cư, cúng dường và hộ trì cho các Đạo Tràng An Cư, sống và tu tập ngày một tinh tấn hơn, phải đạt được cứu cánh An Lạc, Giác Ngộ, Giải Thoát, hầu khỏi cô phụ ân Phật và lòng tin của mọi người.

*Nếu hạ lạp trang nghiêm đời Tu sĩ
Mùa An Cư năng lượng đến Bồ Đề
Hằng thanh tịnh trở về đúng nơi quê
Ruộng Phước Đức Phật tử năng gieo cấy.*

Kỷ niệm mùa An Cư năm Bính Thân – 2016
Trường Hạ Quảng Đức, Melbourne, Australia

THÍCH VIÊN THÀNH (HẠNH TRUNG)



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
VĂN PHÒNG ĐIỀU HỢP LIÊN CHÂU**

BAN TỔ CHỨC

Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp Liên Châu 2016, Phật Lịch 2560

TU VIỆN PHỐ ĐÀ SƠN

11 Chemin Katimavik, Val Des Monts, Quebec. J8N 5E1 CANADA

Tel: (819) 665-0259, (514) 575-9425, (905) 712-8809

THÔNG BẠCH

VỀ VIỆC TỔ CHỨC ĐẠI HỘI GIÁO DỤC VÀ HOẰNG PHÁP NĂM 2016

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử,

Trong Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Ngày Về Nguồn lần thứ 9 được tổ chức từ ngày 13 tới 16 tháng 8 năm 2015 tại Chùa Khánh Anh, Pháp Quốc, được sự khuyến thỉnh của chư Tôn Đức Lãnh Đạo các GHPGVNTNHN Tại Úc Đại Lợi & Tân Tây Lan, GHPGVNTNHNK, GHPGVNTN Âu Châu, và GHPGVNTNHN Tại Canada, chúng con/chúng tôi gồm các Đại Diện của các Tổng Vụ Giáo Dục và Hoằng Pháp của 4 GHPGVNTN thuộc Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu đã thảo luận và quyết định tổ chức Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp nhân dịp Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Ngày Về Nguồn lần thứ 10 tại Tu Viện Phố Đà Sơn, Ottawa, Canada vào Thứ Sáu, ngày 7 tháng 10 năm 2016.

Đại Hội Giáo Dục Và Hoằng Pháp nhằm mục đích gặp gỡ và trao đổi kinh nghiệm hành đạo, thuyết trình và thảo luận về những vấn đề liên quan đến Giáo Dục Hoằng Pháp, và đề ra các Phật sự cụ thể và khả thi để góp phần vào công tác hoằng dương Chánh Pháp của Đức Phật nơi xứ người. Đại Hội sẽ bắt đầu từ sáng đến chiều Thứ Sáu, ngày 7 tháng 10 năm 2016, tức là một ngày trước Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Ngày Về Nguồn 10. Đại Hội sẽ có 2 khoảng đại chính: khoảng đại buổi sáng thuyết trình và thảo luận về Giáo Dục, khoảng đại buổi chiều thuyết trình và thảo luận về Hoằng Pháp.

Ngoài các bài thuyết trình được các diễn giả trình bày ngay trong Đại Hội, Ban Tổ Chức chúng con/chúng tôi kính xin chư tôn Thiện Đức Tăng, Ni và quý thiện hữu tri thức Phật tử tại hải ngoại có quan tâm, thao thức đến vấn đề Giáo Dục và Hoằng Pháp thì xin hoan hỷ viết tham luận và gửi về cho Ban Tổ Chức chúng con/chúng tôi ở địa chỉ: Niệm Phật Đường Fremont, 4273 Solar Way, Fremont, CA 94538, hoặc địa chỉ email: thaisieu@yahoo.com. Tất cả những bài thuyết trình, tham luận và tin tức hình ảnh của Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp sẽ được in trong Kỳ Yếu Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp sau Đại Hội này. Ban Tổ Chức chúng con/chúng tôi rất mong đón nhận và chia sẻ những kiến thức và kinh nghiệm quý báu của quý vị về giáo dục và hoằng pháp.

Nửa thế kỷ có mặt tại hải ngoại, Tăng, Ni và Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam đã nỗ lực thực thi sứ mệnh Giáo Dục Hoằng Pháp một cách uyển chuyển và thành công. Nhưng con đường hoằng dương Chánh Pháp tại hải ngoại còn dài vì vậy, cơ hội gặp gỡ, trao đổi, thảo luận và đề ra những công tác cụ thể về Giáo Dục Hoằng Pháp là quý báu và cần thiết.

Chính vì vậy, Ban Tổ Chức chúng con/chúng tôi thành kính cung thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni và kính mời quý Cư Sĩ hoan hỷ về tham dự Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp trong dịp Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Ngày Về Nguồn lần thứ 10 tại Tu Viện Phố Đà Sơn, Ottawa, Canada.

Kính chúc chư tôn đức Tăng, Ni pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ và Phật sự viên thành; đồng kính chúc quý Thiện Nam Tín Nữ Phật tử bỏ bề tâm kiên cố, thân tâm thường an lạc.

Nay kính thông bạch và cung thỉnh,

Phật Lịch 2560, Hoa Kỳ, ngày 7 tháng 5 năm 2016

Chánh Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu
Kiêm Trưởng Ban Tổ Chức Ngày Về Nguồn lần 10

HT. Thích Bồn Đạt

Đại diện các Tổng Vụ Giáo Dục và Hoằng Pháp
GHPGVNTN Các Châu và Quốc Gia

HT. Thích Thái Siêu

ĐƯỜNG ĐẾN AN BÌNH THẬT SỰ

Tác giả: Đức Đạt Lai Lạt Ma
Tuệ Uyển chuyên ngữ

Phát triển việc quan tâm cho người, nghĩ họ như một phần của chúng ta, sẽ đem đến sự tự tin, làm giảm thiểu nghi ngờ và mất niềm tin, và có thể làm cho chúng ta phát triển một tâm tĩnh lặng.

Hòa bình và hòa hiệp tôn giáo hình thành qua hành động, không chỉ đơn thuần qua cầu nguyện và mong ước cho điều tốt lành. Nhằm để tiến hành, thì nhiệt tình là rất quan trọng, và nhiệt tình đến từ việc thấy rõ mục tiêu và khả năng cho việc có thể hiện thực hoàn toàn điều ấy của chúng ta. Ở đây, chúng ta cần giáo dục giới trẻ về mục tiêu tối hậu của chúng ta, và vấn đề hoàn thành nó bằng việc trau dồi niềm hòa bình nội tại bên trong chúng như thế nào.

Tôi có hy vọng lớn lao rằng thế giới có thể trở thành một nơi tốt đẹp hơn, hòa bình hơn, công bằng hơn trong thế kỷ 21. Theo kinh nghiệm riêng của tôi, ở tuổi 16 tôi mất tự do, đến 24 tuổi tôi mất quê hương và trong hơn 50 năm qua tôi đã đối diện đủ loại rắc rối, nhưng tôi không bao giờ đánh mất hy vọng. Châm ngôn của người Tây Tạng nói rằng, "Chín lần té ngã, chín lần tự nâng ta đứng dậy."

Như những con người tất cả chúng ta giống nhau, chúng ta có sự thông minh tuyệt vời này, và đôi khi nó cũng tạo ra rắc rối cho chúng ta, nhưng khi được tác động bởi lòng nhiệt tình thì nó có thể rất tích cực. Trong phạm vi này chúng ta cần biết ơn giá trị của những nguyên tắc đạo đức.

Như những người khác, tôi cũng có tiềm năng của bạo động; tôi cũng có sự sân hận

trong tôi. Tuy nhiên, tôi cố gắng để nhớ rằng sân hận là một cảm xúc tàn phá. Tôi tự nhắc nhở tôi rằng các nhà khoa học hiện nay nói rằng sân hận là tai hại cho sức khỏe của chúng ta; nó gặm nhấm hệ thống miễn nhiễm của chúng ta. Cho nên, sân hận tàn phá sự hòa bình của tâm hồn và sức khỏe thân thể của chúng ta. Chúng ta không nên chào đón nó hay nghĩ nó tự nhiên hay như một người bạn.

Tôi muốn cảm ơn tất cả mọi người đã đến dự lễ mừng sinh nhật của tôi. Cùng lúc tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu xa của tôi đến nhiều người bạn và những người có thiện chí đã nhớ rằng đó là ngày sinh của tôi, gửi đến những thiệp chúc mừng nồng ấm; trong ấy có nhiều người bạn đến từ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Tôi cũng tình giác rằng những người dân Tây Tạng quê hương tôi sẽ nhớ tôi trong ngày này, mặc dù họ không thể tham dự vì những hoàn cảnh ngoài sự kiểm soát của họ. Tôi cũng muốn cảm ơn tất cả những người ấy, trong khi bày tỏ lòng ngưỡng mộ của tôi vì tinh thần bất khuất của người Tây Tạng, sự can đảm và quyết tâm của họ.

Tình cảm và một tâm tư tĩnh lặng rất quan trọng đối với chúng ta. Một tâm tư tĩnh lặng là tốt đối với sức khỏe thân thể, nhưng nó cũng có thể cho chúng ta sử dụng sự thông minh của chúng ta một cách thích đáng và để thấy mọi thứ một cách thực tiễn hơn. Tình cảm cũng quan trọng bởi vì nó chạm trán với sân hận, thù oán và nghi ngờ là những thứ có thể ngăn chặn tâm tư chúng ta thể hiện chức năng một cách trong sáng.

Ân cần tử tế và tâm tư thân thiện là nền tảng cho sự thành công trong kiếp sống này, tiến trình trên con đường tâm linh, và việc hoàn thành những nguyện vọng của chúng ta. Nhu cầu chúng ta cho chúng không bị giới hạn đối với bất cứ thời gian, không gian, xã hội hay nền văn hóa nào.

Thế giới chúng ta và đời sống chúng ta đã trở nên liên hệ hỗ tương với nhau, cho nên khi hàng xóm chúng ta bị tổn hại, thì nó cũng tác động đến chúng ta. Vì thế, chúng ta phải từ bỏ những khái niệm lỗi thời về "họ" và "chúng ta" và hãy nghĩ về thế giới chúng ta nhiều hơn trong hình thức của một "CHUNG TA" to lớn, một gia đình loài người lớn hơn.

Làm chủ được những xu hướng tàn phá của chúng ta, qua việc thực hành về tinh giác và kỷ luật tự giác với việc lưu tâm đến thân thể, lời nói và tâm ý chúng ta, giải thoát chúng ta khỏi rối loạn nội tại vốn sinh khởi một cách tự nhiên khi thái độ chúng ta xung đột với những ý tưởng của chúng ta. Ở nơi mà sự xung đột này đi đến quả quyết, chính trực, và chân giá trị - thì đó là những phẩm chất hào hiệp mà tất cả mọi người tự nhiên ngưỡng mộ tới.

So sánh một đời sống trong vũ trụ, thì kiếp sống một cọng người không hơn một điểm sáng bé nhỏ. Mỗi chúng ta chỉ là một người viếng thăm, một người khách, kẻ chỉ ở lại trong một thời gian giới hạn. Có gì ngu dại hơn khi chỉ dành thời gian ngăn ngủi ấy đơn độc, khổ não, hay trong xung đột với những người đồng loại của chúng ta? Chắc chắn là tốt đẹp hơn nhiều, khi dùng thời gian ngăn ngủi ấy để sống một đời sống đầy đủ ý nghĩa, được làm phong phú bởi một cảm giác nối kết giữa chúng ta và những người khác và để phục vụ tất cả.

Sự may mắn của chúng ta lệ thuộc vào sự hợp tác và đóng góp của những người khác. Mỗi khía cạnh cát tường hiện hữu của chúng ta là qua hoạt động cần mẫn của những người khác. Khi chúng ta nhìn chung quanh chúng ta vào những tòa nhà chúng ta sống và làm việc, đường xá chúng ta đi qua, áo quần chúng ta mặc, hay thực phẩm chúng ta ăn, thì chúng ta phải hiểu rằng tất cả được cung ứng bởi những người khác. Không thứ nào tồn tại cho chúng ta thụ hưởng và sử dụng mà không phải là từ sự ân cần của rất nhiều người mà chúng ta không biết.

Chúng ta, bạn có thể nói, "bị tẩy não" để nghĩ rằng tiền là nguồn gốc của hạnh phúc, trong khi những gì chúng ta thật sự cần biết là sự an lạc nội tại là điều gì đẩy đến từ bên trong.

Mỗi buổi sáng khi tôi thức dậy, tôi tự hồi hướng trong việc giúp đỡ người khác tìm sự an lạc của tâm hồn. Sau đó, khi tôi gặp gỡ mọi người, tôi nghĩ về họ như những người bạn lâu dài; tôi không xem người khác như những kẻ xa lạ.

Những nhân tố phân cách chúng ta thật sự nông cạn hơn nhiều so với những thứ chúng

ta cùng chia sẻ. Mặc dù tất cả phân biệt chúng ta — chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo, giới tính, sự thịnh vượng và v.v... nhưng tất cả là bình đẳng với căn bản loài người của chúng ta.

Rõ ràng rằng thế hệ trẻ, những người giám hộ tương lai của chúng ta, phải phát triển một sự tinh giác mạnh mẽ về sự vô nghĩa của bạo động và chiến tranh. Chúng có thể học hỏi từ Thánh Gandhi và Martin Luther King, rằng bất bạo động là cách tốt nhất để bảo đảm hòa bình dài lâu. Vì thế kỷ 20 là một thế kỷ của bạo động, cho nên chúng ta hãy làm cho thế kỷ 21 là một thế kỷ của đối thoại.

Phẩm chất của mọi thứ chúng ta làm: những hoạt động của thân thể, lời nói và ngay cả những hoạt động tinh thần của chúng ta, lệ thuộc vào động cơ của chúng ta. Đó là tại sao việc thăm tra động cơ của chúng ta thật quan trọng trong đời sống hàng ngày. Nếu chúng ta trau dồi sự tôn trọng người khác và động cơ của chúng ta là chân thành, nếu chúng ta chúng ta phát triển một sự quan tâm chân thật cho sự cát tường của người khác, thế thì tất cả mọi hành vi của chúng ta sẽ là tích cực.

Sự thực tập nhẫn nhục bảo vệ chúng ta chống lại sự đánh mất tâm hiện tại của chúng ta. Nó cho phép chúng ta duy trì sự tỉnh lặng, ngay cả khi hoàn cảnh thật là khó khăn. Cho chúng ta một khối lượng an bình nào đó tâm hồn, và vì thế nó cho phép chúng ta tự kiểm chế, cho nên chúng ta có thể lựa chọn để đáp ứng với những hoàn cảnh trong một thái độ thích đáng và từ bi, hơn là bị lôi kéo bởi những cảm xúc phiền não.

Nhiệt tình tăng cường sự tự tin—không là một sự tự tin mù quáng, nhưng là một cảm giác tự tin dựa trên lý trí. Khi chúng ta có nó thì chúng ta có thể hành động một cách minh bạch, không gì dấu diếm! Giống như thế, nếu chúng ta trung thực, cộng đồng sẽ tin tưởng chúng ta. Sự tin tưởng đem đến tình bạn, như một kết quả mà chúng ta có thể luôn luôn cảm thấy hạnh phúc. Cho dù chúng ta nhìn bên phải hay trái, chúng ta sẽ luôn luôn có thể mỉm cười.

Mỗi người chúng ta đang già đi, đây là một tiến trình tự nhiên. Thời gian chuyển dịch liên tục, từng giây từng phút. Không thứ gì có thể làm nó dừng lại, nhưng những gì chúng ta có thể làm là sử dụng thời gian của chúng ta một cách thích đáng; đó là những gì trong tâm tay chúng ta. Cho dù chúng ta có tin tưởng trong một truyền thống tâm linh hay không, thì chúng ta cũng cần sử dụng thời gian của chúng ta đầy đủ ý nghĩa. Nếu qua hàng ngày, tuần, tháng, năm, chúng ta đã sử dụng thời gian của chúng ta trong một cách đầy đủ ý nghĩa - khi ngày cuối cùng của chúng ta đến, chúng ta sẽ vui vẻ, chúng ta sẽ không có gì để hối hận.

Từ ái, bi mẫn, ân cần, và bao dung là những phẩm chất thông thường của tất cả những tôn giáo lớn, và cho dù chúng ta theo bất cứ tôn giáo nào đi nữa, thì những lợi ích

của từ ái, bi mẫn, ân cần là rõ ràng đối với tất cả mọi người.

Dưới những hoàn cảnh nào đó, quý vị cần bước đến để chạm trán với những người nào đó làm sai, nhưng tốt hơn là hành động mà không sân hận. Như vậy sẽ hiệu quả hơn, bởi vì khi tâm thức quý vị bị tràn ngập bởi một cảm xúc phiền não như sân hận, thì hành động quý vị thực hiện không thể thích đáng.

Chúng ta hãy trau dồi từ ái và bi mẫn, tất cả sẽ cho đời sống một ý nghĩa chân thật. Đây là tôn giáo mà tôi thuyết giảng. Nó đơn giản. Đền đài của nó là trái tim. Giáo lý của nó là từ ái và bi mẫn. Những giá trị đạo đức của nó là yêu thương và tôn trọng người khác, bất cứ họ là ai. Cho dù là một tu sĩ hay cư sĩ, chúng ta không có lựa chọn nào khác nếu chúng ta mong ước sống còn trong thế giới này.

Nền giáo dục hiện đại chú ý đến việc phát triển não bộ và sự thông minh, nhưng như vậy là không đủ. Chúng ta cũng cần phát triển lòng nhiệt tình trong hệ thống giáo dục của chúng ta. Điều này cần từ cấp nhà trẻ cho đến những trường đại học.

Trong sự thực tập hàng ngày, quán chiếu những lợi ích của từ ái, bi mẫn, và ân cần, rồi thì quán chiếu vào những bất lợi của sân hận. Sự quán chiếu liên tục như vậy, thì sự sâu sắc lớn mạnh của từ ái, sẽ có ảnh hưởng làm giảm thiểu xu hướng đối với thù hận và làm tăng trưởng quan tâm cho từ ái. Bằng phương tiện này ngay cả sân hận cũng có thể được làm giảm bớt.

Mọi người có thể thông hiểu từ kinh nghiệm tự nhiên và cảm nhận thông thường rằng tình cảm là thiết yếu ngay từ ngày mới sinh ra; nó là căn bản của đời sống. Chính sự sống còn của thân thể chúng ta đòi hỏi tình cảm của người khác, đến những ai khác chúng ta cũng đáp ứng bằng tình cảm. Mặc dù bị lẫn lộn với dính mắc, những tình cảm này không căn cứ trên sự hấp dẫn của thân thể hay tình dục, cho nên nó có thể được mở rộng đến tất cả mọi chúng sanh mà không có định kiến.

Mục tiêu là nuôi dưỡng trái tim của chúng ta như sự quan tâm của một bà mẹ tận tâm đối với con cái của bà ta, và rồi tập trung nó đến nhiều người hơn và những chúng sanh khác. Đây là cảm nhận chân thành, lòng yêu thương mãnh liệt. Những cảm nhận như vậy cho chúng ta một sự thông hiểu chân thật về quyền con người, nó không chỉ căn cứ trên những dạng thức công pháp quốc tế, mà có gốc rễ sâu xa từ trong trái tim.

Lòng yêu thương chúng ta cảm nhận thông thường bị thành kiến và lẫn lộn với dính mắc. Lòng bi mẫn chân thành tuôn tràn đến tất cả mọi loài chúng sanh, một cách đặc biệt cho kẻ thù của quý vị. Nếu tôi cố gắng để phát triển lòng bi mẫn đối với kẻ thù tôi, nó có thể không có lợi ích trực tiếp đối với người ấy, người ấy ngay cả không thể cảm nhận về nó. Nhưng nó sẽ lợi ích lập tức cho tôi bằng việc

làm tĩnh lặng tâm thức tôi. Trái lại, nếu tôi ôm ấp vấn đề mọi thứ tệ hại như thế nào, thì tôi lập tức đánh mất sự an tĩnh của tâm hồn tôi.

Sự tôn trọng chân thành sẽ hình thành nếu chúng ta tiếp xúc nhiều hơn với những người khác và đi đến thấu hiểu những giá trị của người khác. Đây là vấn đề chúng ta phát triển sự cảm phục và biết ơn người khác.

Cho đến khi quý vị có kỷ luật nội tại đem đến sự tĩnh lặng của tâm hồn, bằng không những tiện nghi và điều kiện ngoại tại sẽ không bao giờ đem đến sự vui sướng và hạnh phúc mà quý vị tìm cầu. Trái lại, nếu quý vị sở hữu phẩm chất nội tại này, sự tĩnh lặng của tâm hồn, một mức độ ổn định bên trong, thì ngay cả nếu quý vị thiếu nhiều nhân tố ngoại tại khác nhau mà quý vị thông thường đòi hỏi để được hạnh phúc, thì vẫn có thể sống một cuộc sống hạnh phúc và vui sướng.

Rõ ràng rằng những cảm nhận về từ ái, bi mẫn, tình cảm, gần gũi sẽ mang đến hạnh phúc. Tôi tin rằng mỗi người chúng ta có phương tiện để hạnh phúc, để thâm nhập vào những thể trạng ấm áp và yêu thương của tâm thức để đem đến hạnh phúc. Trong thực tế, một trong những niềm tin căn bản của tôi, là không chỉ chúng ta sở hữu năng lực vốn có cho yêu thương, nhưng tôi tin rằng căn bản hay tiềm tàng tự nhiên của con người là hiền lành.

Con người làm đau khổ người khác vì sự theo đuổi hạnh phúc và hài lòng ích kỷ của họ. Tuy thế, hạnh phúc chân thật đến từ một cảm nhận tình huynh đệ và từ muội. Chúng ta cần trau dồi một cảm nhận trách nhiệm toàn cầu cho mỗi người và cho hành tinh mà chúng ta chung sống.

Sân hận không thể vượt thắng bằng sân hận. Nếu người nào đó sân hận với bạn, và bạn cũng biểu lộ sân hận lại, kết quả là thảm họa. Trái lại, nếu bạn kiềm chế sự sân hận của bạn và biểu lộ sự ngược lại của nó - từ ái, bi mẫn, bao dung, và nhân nhượng - không chỉ bạn sẽ duy trì hòa mục, mà sự sân hận của người kia cũng giảm thiểu.



Một số người tự động phối hợp đạo đức và vị tha với viên tượng tôn giáo của thế giới. Nhưng tôi tin sẽ là một sai lầm để nghĩ rằng đạo đức là đóng góp riêng của tôn giáo. Chúng ta có thể tưởng tượng hai loại tâm linh: một kết hợp chặt chẽ với tôn giáo, trong khi thứ khác sinh khởi đồng thời trong trái tim con người như một biểu lộ của lòng yêu thương cho những người láng giềng của chúng ta và một khao khát làm điều tốt cho họ.

Những người ngu ngợ, ích kỷ luôn luôn nghĩ về chính họ và kết quả luôn luôn là tiêu cực. Những người thông tuệ nghĩ về người khác, giúp đỡ họ tối đa trong điều kiện sẵn có, và kết quả là hạnh phúc. Tử ái và bi mẫn lợi ích cho tự thân lẫn người khác. Qua sự ân cần của ta đến người khác, tâm hồn và trái tim ta sẽ mở rộng với bình an.

Những người bạn, những người bạn chân thành, được hấp dẫn bởi một trái tim nồng ấm, không phải tiền bạc, không phải quyền lực. Một người bạn chân thành xem ta giống như một con người khác, như một người anh chị em, và biểu lộ tình cảm trên mức độ ấy, bất chấp ta nghèo hay giàu, hay ở một vị trí cao; đó là một người bạn chân thành.

Sự viếng thăm hành tinh này của chúng ta thì ngắn ngủi, cho nên chúng ta nên sử dụng thời gian của chúng ta một cách đầy đủ ý nghĩa, để có thể giúp đỡ người khác bất cứ khi nào có thể. Và nếu chúng ta không thể giúp đỡ người khác, thì tối thiểu chúng ta không nên tạo đau đớn và khổ sở cho họ.

Khi chúng ta mong ước và tìm cách giúp đỡ người khác, thái độ của chúng ta tích cực hơn và những mối quan hệ trở thành dễ dàng hơn. Chúng ta ít sợ hãi hơn và ít bần khổ hơn. Bằng cách đi thì chúng ta vẫn hổ thẹn và do dự, và cảm thấy cần có một nghìn sự phòng ngừa trước khi tiếp cận người khác. Khi mục tiêu của chúng ta là tốt lành, thì chúng ta có sự tự tin lớn hơn và mạnh mẽ hơn. Đây là vấn đề chúng ta nghiên cứu để thông hiểu sự quý báu và giá trị của ân cần như thế nào.

Hạnh phúc thật sự đến từ việc có một cảm giác an bình và tại nguyện nội tại, điều ấy hóa ra phải được đạt đến bằng việc trau dồi lòng vị tha, tử ái và bi mẫn, và bằng việc loại trừ sân hận, vị kỷ và tham lam.

Quá nhiều thái độ vị kỷ sẽ tạo ra sự mất lòng tin và nghi ngờ người khác, và điều này sẽ đưa đến việc sợ hãi. Nhưng nếu bạn có một tâm tư cởi mở hơn, và bạn trau dồi một cảm nhận quan tâm cho sự cát tường của người khác, thế thì, bất chấp thái độ của người khác ra sao, thì bạn vẫn có thể giữ được sự an bình nội tại của bạn.

Đời sống của chúng ta lệ thuộc vào người khác thật nhiều, nó ở gốc rễ sự tồn tại của chúng ta, là một nhu cầu nền tảng cho lòng yêu thương. Đó là tại sao thật tốt lành để trau dồi một cảm nhận chân thành của trách nhiệm và quan tâm cho lợi ích của người khác.

Nếu bạn có tâm tư an bình, thì khi gặp rắc rối và khó khăn, chúng sẽ không quấy rầy sự an bình nội tại của bạn. Bạn sẽ có thể sử dụng óc thông minh nhân loại hiệu quả hơn. Nhưng nếu, tình trạng tinh thần của bạn bị quấy rầy, đầy những cảm xúc, thì thật khó để đối phó những rắc rối, vì tâm thức đầy cảm xúc bị định kiến, không thể thấy thực tại. Cho nên bất cứ việc gì bạn làm sẽ không thực tế và thất bại là tự nhiên.

Vì sự tàn phá môi trường trong quá khứ là kết quả của thiếu hiểu biết, chúng ta có thể tha thứ nó một cách dễ dàng. Ngày nay, chúng ta thông tin tốt đẹp hơn. Do thế, thật cần thiết để thực hiện một sự thẩm tra đạo đức về những gì chúng ta đã thừa hưởng, những gì chúng ta chịu trách nhiệm, và những gì chúng ta sẽ trao lại cho những thế hệ tương lai. Chúng ta rõ ràng là một thế hệ then chốt. Chúng ta có sự giao tiếp toàn cầu và tuy thế lại đối đầu thường hơn là đối thoại.

Tương lai sẽ ở trong tay những người thuộc về thế kỷ 21. Quý vị có cơ hội và trách nhiệm để xây dựng loài người tốt hơn. Điều này có nghĩa là việc phát triển sự nhiệt tình trong chính kiếp sống này, bây giờ và ở đây. Cho nên, hãy làm bất cứ điều gì quý vị muốn làm, nhưng hãy tự hỏi bây giờ và mai đây, "Tôi có thể đóng góp gì cho nhân loại được hạnh phúc hơn và hòa bình hơn?"

Chúng ta cần một cảm nhận thống nhất của 7 tỉ người ngày nay. Khi tôi gặp gỡ mọi người, tôi không nghĩ về việc là khác biệt với họ, là một người Tây Tạng, một Phật tử hay ngay cả là Đạt Lai Lạt Ma. Tôi chỉ nghĩ là một con người. Tất cả chúng ta chia sẻ khả năng cho những cảm xúc tích cực và tiêu cực, tuy thế một trong những khả năng đặc biệt là tâm thức con người của chúng ta, sự thông minh của chúng ta. Nếu chúng ta sử dụng nó tốt đẹp thì chúng ta sẽ thành công và hạnh phúc.

Nếu tâm thức chúng ta bị thống trị bởi những cảm xúc tàn phá, bởi sự vị kỷ, với chút ít quan tâm cho người khác mà thôi, thì chúng ta sẽ không hạnh phúc. Như những động vật xã hội, chúng ta cần làm việc với nhau. Với những người bạn chung quanh chúng ta, thì chúng ta cảm thấy an toàn, hạnh phúc và tâm tư chúng ta tĩnh lặng. Chúng ta cũng cảm thấy thân thể khỏe mạnh nữa. Khi chúng ta đầy sân hận, sợ hãi và chán nản, tâm tư chúng ta khó chịu và sức khỏe chúng ta suy đồi. Do thế, cội nguồn căn bản của hạnh phúc là lòng nhiệt tình.

Chúng ta là những động vật xã hội cho nên chúng ta cần bè bạn. Chúng ta cần một cộng đồng để tồn tại. Những người bạn có được trên căn bản lòng tin, và nó chỉ lớn mạnh được nếu chúng ta tử tế với mọi người. Bóc lột, lừa đảo, và bắt nạt người khác thì sẽ không có bạn. Ân cần và tử bi sẽ làm sinh trưởng sự tự tin, nó sẽ truyền năng lượng để chúng ta trung thực, chân thật, và trong sáng. Sự tự tin này

sẽ mang đến hòa bình của tâm thức, và nó cũng làm gia tăng sức khỏe.

Chúng ta cần áp dụng một sự tiếp cận thể tục với đạo đức, thể tục trong cảm nhận Ấn Độ là tôn trọng tất cả các truyền thống tôn giáo và ngay cả quan điểm của những người không tin ngưỡng trong một cách không thành kiến. Đạo đức thể tục có gốc rễ trong khám phá khoa học, kinh nghiệm thông thường và cảm nhận thông thường có thể được giới thiệu dễ dàng trong hệ thống giáo dục. Nếu chúng ta có thể làm điều ấy thì sẽ có một viễn cảnh làm cho thế kỷ 21 này là một kỷ nguyên của hòa bình và tử bi.

Mọi người muốn hạnh phúc; hạnh phúc là quyền lợi. Và trong khi trong một trình độ thứ yếu, những khác biệt tồn tại về quốc gia, tín ngưỡng, truyền thống gia đình, vị thế xã hội và v.v..., quan trọng hơn là trên trình độ nhân loại thì chúng ta là giống nhau. Không ai trong chúng ta muốn đổi diện với những rắc rối, tuy vậy chúng ta tạo ra chúng bằng việc nhấn mạnh trên những khác biệt của chúng ta. Nếu chúng ta nhìn mỗi người khác cũng giống như chúng ta, những con người thì sẽ không có cơ sở để đấu tranh hay xung đột giữa chúng ta.

Trong xã hội hiện đại của chúng ta ngày nay, mọi thứ dường như liên lũy với sự phát triển vật chất ngay cả những hệ thống giáo dục của chúng ta. Như một kết quả, chúng ta không còn chú ý đầy đủ đến những giá trị nội tại của chúng ta. Nhằm để điều chỉnh với sự mất cân bằng này, chúng ta cần chú ý hơn vào tâm thức chúng ta.

Thật quan trọng để dạy trẻ em ở học đường rằng bạo động là sự tiếp cận không hiệu quả để giải quyết những vấn nạn. Việc sử dụng bạo động và sức mạnh không tránh khỏi gây ra những hậu quả bất ngờ và hiếm khi có bất cứ giải pháp nào. Sẽ tốt hơn nhiều nếu trẻ em lớn lên được quen thuộc với ý tưởng rằng cung cách thích đáng để giải quyết mọi vấn nạn là qua đối thoại, qua việc đạt được một giải pháp đồng thuận hỗ tương.

TRỜI THÁNG BẢY

*Trời tháng Bảy muôn tâm lòng nao nức
Đi về chùa tế ơn đức tổ tiên
Suy tưởng công lao thương nhớ mẹ hiền
Dù quá vắng hay hiện tiền đậm ấm
Trời tháng bảy ngày rằm thiêng liêng lắm
Ơn Phật Đà mở lối phá tối tăm
Ơn sinh thành dưỡng dục suốt bao năm
Ơn quốc độ, ơn đàn na bá tánh
Trời tháng Bảy lễ Vu Lan báo hiếu
Mỹ tục muôn đời sẽ mãi còn nêu
Chút lòng thành dâng đến mẹ cha yêu
Đây nụ hoa con cài trên ngực áo
Trời tháng bảy mang mang miền phương ngoại
Thương nhớ mẹ cha lòng chẳng chút nguôi ngoai
Trong tâm con và sẽ là mãi mãi
Lễ tạ Phật Đà gia hộ song thân.*

TƯỢNG PHẬT NHỎ TRONG VƯỜN (II)

*Ngài ngồi đó
Mẹ thiên nhiên mệnh mang nắng gió
Vườn nhỏ
Hoa cỏ thanh thanh
Trên đầu trời xanh trùng trùng mây trắng
Một cánh hoa rơi
Hương theo gió bay muôn nơi
Ngài ngồi đó
Tôi ngày hai buổi đi về
Nhọc nhằn mưu sinh, nặng nề như voi hét
Đôi khi đến bên ngài
Tôi thấy tôi trở lại chính tôi
Lòng an lạc thanh thoi
Bao phiền muộn rụng rơi theo chiếc lá
Cảm nhận bao nhiêu năng lượng từ bi đang lan tỏa ra
Ngài ngồi đó
Thanh thản, ung dung giữa trời đất mệnh mông
An nhiên bất động
Dù mưa gió bão giông
Lòng lộng trong bình minh hay hoàng hôn rắng đỏ mây hồng
trầm mặc trong đêm trăng
Thương chúng sanh đêm trường mê muội
Lòng từ chẳng hề nguôi
Ngài ngồi đó
Tôi ngày hai buổi đi về...*



thơ ĐỒNG THIÊN
Georgia, 7/2016

LÒNG HIẾU CỦA CHIM OANH VŨ

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



Thuở xưa, ở núi Tuyết Sơn có một con chim Oanh Vũ, cha mẹ đều mù, thường đi tìm trái cây thơm chín, dâng cha mẹ dùng. Lúc bấy giờ, có vị điền chủ mới cấy lúa bên phát nguyện rằng: “Lúa tôi đây, xin nguyện cho chúng sanh ăn dùng”. Chim Oanh Vũ thấy vị điền chủ phát tâm bố thí như vậy, bèn thường bay xuống lấy lúa cúng dường cha mẹ. Người điền chủ đi xem lúa, thấy loài chim loài sùng phá hại lúa, bèn nổi giận đặt lưới bắt được chim Oanh Vũ. Chim Oanh Vũ thưa vị điền chủ rằng: “Trước đây ông có lòng tốt bố thí nên tôi mới dám lấy của ông, sao lại đặt lưới bắt tôi?”. Người điền chủ hỏi: “Người lấy lúa làm gì?”. Chim Oanh Vũ đáp: “Tôi có cha mẹ mù, nên phải lấy lúa cúng dường”. Vị điền chủ nói rằng: “Từ nay về sau,

người cứ lấy lúa mà dùng, đừng e ngại gì cả”. Loài súc sanh còn biết hiếu thuận với cha mẹ huống nữa là người.

Chim Oanh Vũ là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Người điền chủ là tiền thân ông Xá Lợi Phất.

(Trích: **Phật Pháp**)



[1] Tất cả vạn sự vật thế gian đều luôn luôn chuyển biến

không ngừng, các hiện tượng chuyển biến ấy Kinh gọi là Hành. Các pháp do nhân duyên cấu hợp, không thật thể, không khác nào hình ảnh trên màn bạc. Người phàm phu không làm sao nhìn thấy sự thật của sự vật, luôn luôn chấp cho là thật cảnh, thật ra, nên khi được thì vui mừng, mất thì sanh đau khổ. Nên biết năm ấm (Sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hòa hợp gọi là thân, song năm ấm biến chuyển không thường nên thân người thoát còn thoát mất, không có cái gì là “ta” cũng như không có cái gì là “của ta”. Chẳng qua cũng như những bóng trong màn ảnh sân khấu, những giả ảnh trong chiêm bao mà thôi. Chư Phật tỏ ngộ do đây, mà phàm phu mê muội cũng do đây vậy.

thơ HÀN LONG AN

PHẢI CHI

*Phải chi mây đã ngừng bay
Phải chi gió chỉ nhẹ lay bên thềm
Phải chi nắng hời dửng lên
Phải chi nổi nhớ đành quên một lần*

*Phải chi buồn thoáng qua nhanh
Phải chi ảo ảnh tan tành khói sương
Phải chi không giận mà thương
Phải chi ta biết vô thường chút thôi*

*Phải chi người biết yêu người
Phải chi bên cũ còn ngồi trăng khuya
Phải chi ngày ấy hôm kia
Phải chi ta gặp rồi về hư vô*

*Phải chi thôi hãy mộng mơ
Phải chi ta để câu thơ nửa chình
Phải chi ngày bỏ sau lưng
Phải chi ta hết ngập ngừng phải chi...!*





ĐẠI CƯƠNG PHẬT PHÁP

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

(Tài liệu Tu Học Huỳnh Trường, bậc Kiên)

I. DẪN NHẬP:

Sau khi thành đạo, đức Thế Tôn nhận thấy các nguồn tư tưởng cũng như sự hiện diện của các tôn giáo đương thời đã không giải quyết được gì cho con người và xã hội. Ngài muốn đem giáo pháp mà Ngài đã chứng ngộ khai thị cho chúng sanh, đưa chúng sanh thoát khỏi khổ đau, đi đến an vui hạnh phúc thật sự.

Nhưng giáo lý của Ngài quá thâm sâu, căn cơ chúng sanh cũng khó tiếp nhận, song rồi Ngài cũng quyết định hoằng hóa cứu độ chúng sanh.

Đầu tiên Ngài đến rùng Lộc Uyển thuyết pháp cho 5 anh em ông Kiều Trần Như, trước đây Ngài đã có lần cùng tu với các vị này nhưng sau đó Ngài thấy cách tu ấy không thể nào đưa đến giải thoát khổ đau. Sau khi nghe pháp 5 anh em đều Giác Ngộ. Rồi suốt 49 năm không những Ngài đi khắp các miền Aán Độ để thuyết pháp giáo hóa mà còn thuyết giảng cho hàng Chư Thiên nữa. Những lời chỉ dạy của Đức Phật đại cương như sau.

II. ĐẠI CƯƠNG PHẬT PHÁP:

Nói đến giáo lý (tức là Phật Pháp) thì rất là nhiều, đến tám vạn bốn ngàn pháp môn. Vì khi đức Phật tại thế, ngài tùy trình độ, tùy căn cơ của chúng sanh để thuyết giảng. Giáo lý ấy gồm 3 tạng kinh điển: KINH (những lời Đức Phật Thích Ca đã nói khi còn tại thế), LUẬT (những giới luật mà Đức Phật đã chế ra cho các hàng Phật tử xuất gia và tại gia tu tập), LUẬN (do các đệ tử của Phật-các vị tổ-làm ra để bàn giải rõ ràng những nghĩa lý màu nhiệm).

Ba tạng kinh điển đó lại nằm trong hai Đại tạng: Đại tạng Bắc tông (quen gọi là Đại Thừa) và Đại Tạng Nam Tông. Về sau người ta còn phân ra Đại Thừa và Tiểu Thừa. Đại Thừa có nghĩa là cỗ xe Lớn chở được nhiều người. Tiểu Thừa là cỗ xe Nhỏ chỉ chở được một người. Sở dĩ chia như vậy vì căn cơ nguyện vọng của chúng

sanh không đồng nhau. Những người nào nhận thấy mình chỉ đủ sức giải thoát riêng cho mình thì đi cỗ xe nhỏ. Những người nào nhận thấy có thể tự giải thoát cho mình mà còn có thể giải thoát khác và cố hạnh nguyện lợi tha thì dùng cỗ xe lớn.

Phật pháp tuy nhiều như vậy nhưng chủ yếu là: cho ta thấy rõ sự khổ đau của cuộc đời, nhưng không phải để bi quan chán nản, thất vọng mà để tìm cho ra nguyên nhân khổ đau.

Sau khi Phật pháp đã cho ta thấy được nguyên nhân của khổ đau thì Phật pháp lại giới thiệu cho ta cái cảnh giới an vui tự tại. Nhưng không phải để van xin sự cứu rỗi của Thượng Đế hay một vị thần linh nào cho ta tới cảnh giới an vui mà Phật pháp chỉ cho ta con đường đi đến đó. Hay nói cách khác hơn, là những biện pháp để đi đến an vui giải thoát.

Không ai cứu rỗi được chúng ta mà phải tự mình cứu lấy mình. Biện pháp chính có tám điều (sẽ học kỹ trong bài Bát Chánh Đạo):

- Thuộc về nhận thức, về trí tuệ:

1. Hiểu biết đúng đắn.
2. Suy nghĩ đúng đắn.

- Thuộc về đạo đức, luân lý, về lời nói, việc làm:

3. Nói lời đúng đắn.
4. Hành động đúng đắn.
5. Làm ăn sinh sống đúng đắn.
6. Siêng năng, phấn đấu khắc phục khó khăn một cách đúng đắn.

- Thuộc về định tâm:

7. Chú ý, chú tâm tưởng niệm đúng đắn.
8. Tập trung tư tưởng đúng đắn.

Tám cách, nói đúng hơn là con đường có tám ngành để đi đến an vui giải thoát này có thể nhóm lại thành ba nhóm:

Giới: Đạo đức, luân lý, thực hành qua lời nói, hành động

Định: Định tâm, thực hành qua phép quán tưởng thiền định.

Huệ: Nhận thức, trí tuệ.

Ba nhóm này hỗ tương lẫn nhau, có trí tuệ nhận thức đúng đắn mới thấy được Giới luật là cần thiết, mới nghiêm trì giới luật thì tâm không buông lung, việc định tâm mới dễ dàng. Có định tâm thì trí tuệ mới phát chiếu (ví dụ: khi định tâm thì học bài mau thuộc dễ nhớ, còn khi để tâm buông lung thì học bài khó nhớ, lâu thuộc).

Phật pháp còn cho ta thấy rõ sự biến đổi vô thường của vạn vật (trong đó có cả con người): Vô thường.

Đạo Phật cũng nêu rõ một vũ trụ quan "Duyên sinh": mọi sự mọi vật, mọi hiện tượng (nói rộng ra là cả vũ trụ) đều do nhiều yếu tố tương quan với nhau mà thành chứ không thể tự nhiên mà có và cũng không phải do một ai sinh ra, nếu một nhân hay một duyên nào thay đổi thì sự vật, hiện tượng đó thay đổi.

Và một nhân sinh quan "Nghiệp báo": con người không phải chết là hết mà là sự chuyển biến để rồi trở lại sống một kiếp khác. Sinh tử chỉ là những giai đoạn chuyển biến của một chuỗi dài luân hồi. Như thế, mọi hành động có ý thức (nghiệp) đều là nhân và là những gì ta nhận lấy trong kiếp sống của mình là quả và cứ thế nhân quả trùng trùng. Vậy cuộc đời chúng ta do nghiệp nhân của chúng ta tạo ra chứ không có một đấng thần linh nào ban ơn giáng họa. Muốn an vui ta không phải cầu xin mà có, mà ta phải tạo lấy những nghiệp nhân "Thiện" để hưởng quả lành. Chúng ta không bao giờ buông xuôi tay cho số phận, trái lại cuộc đời chúng ta do chúng ta quyết định (sẽ được học kỹ trong bài nhân quả Nghiệp Báo).

III. KẾT LUẬN:

Qua bài này, chúng ta đã có một cái nhìn tổng thể toàn bộ giáo lý của đạo Phật, nắm được những nét rất đại cương. Trong chương trình tu học của Huỳnh Trường, chúng ta sẽ đi sâu vào từng vấn đề một để tìm hiểu tường tận hơn.



BỒ ĐỀ TÂM

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Tuổi trẻ hôm nay không “dễ dạy” như cách đây 50 năm. Nói cách khác, các em có điều kiện, hoàn cảnh, môi trường để tìm hiểu những điều các Anh Chị Huỳnh Trưởng (bao gồm Thầy Cô giáo ở trường nữa) có dạy hay không dạy; và các em có thể đem những thắc mắc về những điều không được dạy trong chương trình Phật Pháp ra hỏi nữa—điều mà trước đây 50 năm, đoàn sinh ngành Thiếu hay cả ngành Thanh cũng không có khả năng tìm hiểu, tham khảo một cách rộng rãi như vậy.

Tuy nhiên, giáo dục Phật giáo—không phụ thuộc thời đại—là một nền giáo dục khai phóng, không nhồi nhét kiến thức, không áp đặt, không giáo điều, ví dụ không bắt buộc các em làm điều này, điều kia v.v... nhưng chỉ cho các em thể nào là thiện, thể nào là bất thiện. Giáo dục tuổi trẻ là tạo cho các em một không gian an toàn, không phải là nhốt các em vào Chùa, xa lánh các trả đình từ điểm... mà là dạy cho các em dành thì giờ, tâm trí làm việc thiện, những việc lợi ích cho tha nhân. Đối với ngành Thanh và Huỳnh trưởng thì không gian an toàn đó chính là Bồ Đề Tâm.

Đức Đạt Lai Lạt Ma 14 nói rằng: để có thể làm phát khởi Bồ đề tâm, là tâm rộng lớn, muốn bảo vệ và làm lợi ích cho chúng sanh, cởi bỏ lòng ích kỷ, chúng ta phải quán chiếu rằng: **“Thân chúng ta là thân tứ đại (đất, nước, gió, lửa), mà tính chất của bốn đại là luôn sẵn sàng cống hiến cho nòi loài chúng sanh. Không ai có quyền dành lấy về cho riêng mình.”**

Vì vậy, Tổ Long Thọ có lời nguyện rằng:

**“Như đất, nước, lửa, gió,
Được thảo hay rừng xanh,
Con nguyện luôn phụng sự
Cho hết thảy chúng sanh
Không một chút ngần ngại
Tùy hết thảy sở cầu”**

Không chỉ Tổ Long Thọ mà chư Tổ đều như vậy, vì các ngài làm theo lời đức Phật dạy, huân tập Bồ đề tâm, cái Tâm xem chúng sanh quan trọng hơn chính bản thân mình! Đây là một điều rất khó làm vì con người vốn ích kỷ, cái gì thuộc về “ta” và “của ta” thì nhất định phải ưu tiên số một. Tu Phật là làm ngược lại thói quen ích kỷ ấy, nên mới nói: “Tu là lợi ngược

dòng nước.”

Thưa Anh Chị Em,

Mặc dù khó làm nhưng chúng ta phải nỗ lực thường niệm cái Tâm rộng lớn ấy, vì mỗi khi phát khởi cái Tâm vị tha như vậy thì chúng ta đã tác động vào tâm thức một năng lực vô cùng mạnh mẽ. Chính năng lực ấy đã khiến cho thái tử Tất Đạt Đa – một con người bình phàm như chúng ta – trở nên một vị Phật, đã “thành tựu Đại Bi Tâm, đại Trí Tuệ,” đã chiến thắng tất cả 10 đạo quân của Ma vương—tức là chiến thắng chính mình. Ngài đã nuôi lớn Bồ đề tâm hay Tâm đại bi ngay từ khi còn niên thiếu, ngài biết đau cái đau của người khác, ngài quyết chí hy sinh ngại vàng, hạnh phúc cao tốt của cá nhân để đi tìm Đạo – con đường giải thoát khổ đau.

Tuổi trẻ hôm nay, nhất là tuổi trẻ ở hải ngoại, ít nhiều có thói quen theo chủ nghĩa cá nhân, sinh ra và lớn lên trong môi trường thuận lợi, đạt đến những bằng cấp cao, đủ để kiếm sống v.v... ít được tiếp xúc với những người bất hạnh sống ở những đất nước nghèo nàn, kém văn minh hơn... Các em thiếu sự đồng cảm về những khổ đau của đồng loại, từ đó thiếu cả nhận thức về thực tế cuộc sống, về khát vọng của sự sinh tồn v.v... Vì vậy, đưa đạo Phật đến với tuổi trẻ nghĩa là cho tuổi trẻ hiểu được những cảnh khổ của cuộc đời, giống như đưa Thái Tử Tất Đạt Đa ra 4 cửa thành để chứng kiến những cảnh khổ của thế gian, khác xa với cuộc sống vương giả trong cung đình. Vì vậy bài học “Lịch sử đức Phật Thích Ca” không chỉ để cho Oanh Vũ và ngành Thiếu học mà chính Huỳnh trưởng chúng ta cũng phải học, để chiêm nghiệm, trầm tư về cuộc đời của ngài, nhất là giai đoạn ngài còn sống cuộc đời của một con người bình thường, ngài cũng đã có những tư tưởng siêu phàm của một vị Thánh rồi.

Đức Đạt Lai Lạt Ma 14 dạy rằng: “Là Phật tử, chúng ta phải học theo hạnh Bồ tát của đức Phật. Ngài không mãn hưởng thụ hạnh phúc cá nhân mà chỉ một lòng nghĩ đến chúng sanh đau khổ. Ngài luôn tinh tấn làm cho Tâm vị tha phát sinh, khi đã phát sinh, thì gìn giữ và làm cho Tâm Vị tha phát triển không ngừng... Còn chúng ta từ muôn đời đến nay vẫn chỉ đeo đuổi tìm hạnh phúc cho riêng mình, tất nhiên như





vậy thì làm sao có hạnh phúc? Vì không những chúng ta tìm mọi cách để hưởng thụ mà còn bám chặt vào tư tưởng sai lầm là mọi thứ đó thật sự tồn tại lâu dài. Chính hai sự cố chấp đó đã dập tắt ước mơ truy tìm hạnh phúc của chúng ta.”

Nói tóm lại, đem Đạo vào Đời hay đem Đạo Phật đến với tuổi trẻ là làm cho tuổi trẻ biết nghĩ đến tha nhân, dạy cho tuổi trẻ biết phát khởi tâm nguyện rộng lớn (Tâm Bồ Đề) — vì dù chỉ là lời phát nguyện chưa thực hiện được, Tâm chúng ta cũng sẽ được dần dần chuyển hóa (từ vị kỷ thành vị tha) từ nhỏ hẹp thành cao thượng, từ phàm thành thánh. Và chúng ta đừng quên rằng, bản thân chúng ta phải am tường điều này, thực hành trong đời sống hằng ngày, đó chính là thân giáo — điểm then chốt của giáo dục GDPT.

Chúng ta hãy ghi nhớ lời nguyện của ngài Long Thọ, đặc biệt 4 câu cuối:

...
**Con nguyện luôn phụng sự
 Cho hết thầy chúng sanh
 Không một chút ngần ngại
 Tuy hết thầy sở cầu**

Thân kính chúc ACE chúng ta luôn tinh tấn nuôi dưỡng Bồ Đề Tâm để một mai nở ra hoa Giác Ngộ, đủ bản lĩnh để noi gương đức Phật cứu độ chúng sanh.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam

The Story of Princess Rohini (Dhammapada, Verse 221)

While residing at the Nigrodharama monastery, the Buddha uttered Verse (221) of this book, with reference to Princess Rohini, sister of Thera Anuruddha.

On one occasion, Thera Anuruddha visited Kapilavattu. While he was staying at the monastery there, all his relatives, with the exception of his sister Rohini, came to see him. On learning from them that Rohini did not come because she was suffering from eczema, he sent for her. Covering her head in shame, Rohini came when she was sent for. Thera Anuruddha told her to do some meritorious deed and he suggested that she should sell some of her clothing and jewelry; and with the money raised, to build a refectory for the Bhikkhu. Rohini agreed to do as she was told. Thera Anuruddha also asked his other relatives to help in the construction of the hall. Further, he told Rohini to sweep the floor and fill the water-pots every day even while the construction was still going on. She did as she was instructed and she began to get better.

When the hall was completed, the Buddha and his Bhikkhus were invited for alms-food. After the meal, the Buddha asked for the donor of the building and alms-food, but Rohini was not there. So the Buddha sent for her and she came. The Buddha asked her whether she knew, why she was afflicted with this dreaded disease and she answered that she did not know. So the Buddha told her that she had the dreadful disease because of an evil deed she had done out of spite and anger, in one of her past existences. As explained by the Buddha, Rohini was, at one time, the chief queen of the king of Baranasi. It so happened that the king had a favourite dancer and the chief queen was very jealous of her. So the queen wanted to punish the dancer. Thus one day, she had her attendants put some itching powder made from cow-hoof pods in the dancer's bed, her blankets, etc. Next, they called the dancer, and as though in jest, they threw some itching powder on her. The girl itched all over and was in great pain and discomfort. Thus itching unbearably, she ran to her room and her bed, which made her suffer even more.

As a result of that evil deed Rohini had severe eczema in this existence. The Buddha then exhorted the congregation not to act foolishly in anger and not to bear any ill will towards others.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

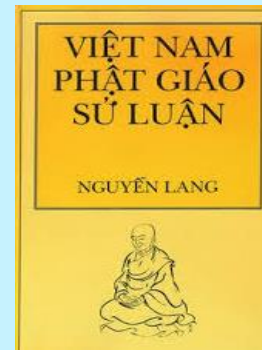
Verse 221: Give up anger, abandon conceit, overcome all fetters. Ills of life (dukkha) do not befall one who does not cling to mind and body, and is free from moral defilements, At the end of the discourse, many in the congregation attained Sotapatti Fruition. Princess Rohini also attained Sotapatti Fruition, and at the same time her skin disease disappeared, and her complexion became fair, smooth, golden and very attractive.

Translated by **Daw Mya Tin**, M.A.,
 Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

THIỆN SƯ PHÁP LOA (1248-1330)

(Chương XIII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP I)

Nguyễn Lang



CUỘC ĐỜI TU HỌC CỦA PHÁP LOA

Người chính thức nối dòng Trúc Lâm là tổ thứ hai là thiền sư Pháp Loa, tên tục là Đồng Kiên Cương. Ông sinh năm 1284. Lớn lên ông rất thông minh, nói năng hiền từ, không ăn cá thịt. Mẹ ông hồi trước đã sinh tới 8 đứa con gái; không muốn sinh thêm nữa khi có thai ông, bà đã uống thuốc phá thai. Phá tới bốn lần mà thai không hư, vì thế khi sinh, ông được đặt tên là Kiên Cương. Năm 1304, ông được 21 tuổi. Hồi ấy Trúc Lâm đang đi du hành các miền thôn quê, phá trừ dâm tử, thuyết pháp và bố thí, gặp Trúc Lâm ông xin đi xuất gia. Trúc Lâm liền gửi ông tới tham học với hòa thượng Tính Giác ở Quỳnh Quán. Hồi đó ông được Trúc Lâm đặt tên là *Thiện Lai*. Thiện Lai hỏi hòa thượng Tính Giác đủ các loại câu hỏi, nhưng hòa thượng chưa khai thị cho ông được. Ông đọc kinh *Lãng Nghiêm* đến đoạn A Nan bảy lần hỏi về vị trí của tâm và đoạn nói về khách trần, thì bỗng thấy có chỗ sở ngộ. Một hôm ông về tham yết Trúc Lâm, gặp lúc Trúc Lâm đang thẳng đường cử bài tụng *Thái Dương Ô Kê*, thì trong tâm chợt tỉnh. Trúc Lâm biết thể liền bảo đi theo bên mình. Một hôm, ông trình Trúc Lâm một bài tụng về "tam yếu" bị Trúc Lâm gạch một gạch dài từ trên xuống dưới. Bốn lần thỉnh cầu, Trúc Lâm vẫn không chỉ giáo, bảo về tự mình tham khảo. Đêm ấy, ông về phòng nỗ lực thiền quán. Quá nửa đêm, nhân thấy hoa đèn rụng, ông bèn đại ngộ. Liên đem chỗ sở ngộ ấy lên trình lên Trúc Lâm và được ấn chứng. Từ đó ông phát nguyện tu theo 12 hạnh đầu đà, bắt chước Trúc Lâm. Năm 1305, ông được Trúc Lâm cho thọ giới Tỳ Khưu và Bồ Tát, và cho hiệu là Pháp Loa. Năm 1306, ông được lập làm giảng chủ chùa Báo Ân. Năm 1307 cùng với 6 vị đệ tử khác của Trúc Lâm, ông được Trúc Lâm dạy cho bộ *Đại Tuệ Ngữ Lục* trên am Quán Trú. Tháng năm năm đó, trên am Đình



Trú, vào ngày rằm, ông được Trúc Lâm trao y bát và tâm kệ. Như vậy là ông được đặc pháp chỉ sau hơn 3 năm tu học. Mong một tết năm Mậu thân (1308) ông được chính thức làm trụ trì chùa Báo Ân ở Siêu Loại, và được giao cho chức vụ Tổ thứ hai của thiền phái Trúc Lâm. Năm đó nhà nước cúng cho chùa 100 mẫu ruộng và cấp người cày để lấy hoa lợi cho chùa.

Pháp Loa mất năm 1330, thọ 47 tuổi. Ông tu như vậy được 26 năm với 23 năm trong chức vụ lãnh đạo giáo hội. Cuộc đời hành đạo của ông cũng rất hoạt động không kém gì Trúc Lâm.

Trong thời gian Pháp Loa hành đạo, số lượng tự viện của giáo hội Trúc Lâm tăng lên rất nhiều, phong trào học Phật lan rộng, số người xuất gia và quy y cũng tăng gia rất mau chóng. Trong giới người quyền quý, cũng có nhiều người xuất gia hoặc quy y. Nhưng Phật sự đáng kể nhất trong đời Pháp Loa là sự ấn hành *Đại Tạng Kinh*.

ĐẠI TẠNG KINH TRIỀU TRẦN

Tháng hai năm Ất mùi (1295) có sứ nhà Nguyên là Tiêu Thái Đẳng sang. Khi Thái Đẳng về, vua Anh Tông cho nội viện ngoại lang là Trần Khắc Dụng và Phạm Thào cùng đi theo. Mục đích là thỉnh một ấn bản *Đại Tạng Kinh* mới nhất của Trung Hoa. Ấn bản này sau sau được cất ở phủ Thiên Trường. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* chép là "bản pho được in để lưu hành." Sách *Tam Tổ Thực Lục* nói đến năm 1311, nghĩa là ba năm sau khi Trúc Lâm tịch, Anh Tông ban chiếu *Tục San Đại Tạng Kinh*, như vậy là việc khắc bản được bắt đầu từ năm 1295 hoặc đầu năm 1296, rồi công việc bị gián đoạn vào năm 1308 khi Trúc Lâm mất, cho đến năm 1311 mới lại tiếp tục Pháp Loa đã ủy cho Bảo Sát, đệ tử đầu tay của Trúc Lâm và là sư huynh của Pháp Loa, chủ trương việc khắc bản. Ấn bản *Đại Tạng Kinh* đầu tiên được thực hiện dưới

triều Nguyên. Tiêu Thái Đẳng qua Việt Nam năm 1295, vừa lúc ấn bản này mới được thực hiện xong chừng một năm. Cổ nhiên là ông ta đã nói với vua Anh Tông về ấn bản này cho nên vua mới ủy hai người đi theo về Tàu để thỉnh cho được một bộ. Năm 1295, Trúc Lâm còn làm thái thượng hoàng, chưa xuất gia. Ta có thể nói rằng chính Trúc Lâm đã bảo vua Anh Tông làm việc ấy. *Đại Tạng Kinh* được thỉnh từ Trung Hoa năm 1295 là ấn bản nào? Đây là ấn bản thực hiện trong khoảng từ năm 1278 tới năm 1294 tại chùa Phổ Minh ở Hàng Châu, gồm có 1.422 mục, 6.010 quyển, đóng lại trong 587 tập.

Công việc khắc bản gỗ *Đại Tạng Kinh* đã tiến hành trong bao lâu? Ta chỉ thấy nói vào tháng chạp năm Kỷ mùi (1319), tăng sĩ và cư sĩ cùng hiến máu in một *Đại Tạng Kinh* trên 5.000 quyển để an trí tại chùa Quỳnh Lâm. Đây có lẽ là bản in đầu tiên để khánh thành; chính Pháp Loa đã kêu gọi việc hiến máu. Như vậy là việc khắc bản đã hoàn thành vào năm 1319; thời gian khắc bản là 24 năm, kể cả ba năm công việc bị gián đoạn. Sách *Sách Tam Tổ Thực Lục* cũng ghi năm 1329 Pháp Loa lại cho in *Đại Tạng Kinh*. Ấn bản *Đại Tạng Kinh* được thực hiện tại kinh đô Việt Nam do Bão Phác chủ trương, tương đối ngắn hơn ấn bản 1294 của nhà Nguyên. Vì Bão Phác trong khi tục san đã bỏ đi một số các kinh mục không thông dụng. Số quyển còn lại trên 5.000 quyển so với số 6.010 quyển của ấn bản chùa Phổ Minh. Sách *Tam Tổ Thực Lục* hai lần dùng từ ngữ "trên 5.000 quyển" để nói về *Đại Tạng Kinh* đời Trần mà không nói con số đích xác. Có lẽ là vì có nhiều tác phẩm tuần tự được khắc bản để thêm vào cho tạng kinh vừa được thực hiện. Sách *Tam Tổ Thực Lục* có chép rằng vua Anh Tông có viết và khắc bản các tác phẩm *Thiền Lâm Thiết Chủ Ngữ Lục*, *Trúc Lâm Hậu Lục*, *Đại Hương Hải Ấn Thi Tập*, *Thạch Thất Mị Ngữ* và *Tăng Già Toái Sự* (tất cả đều của Trúc Lâm), để vào trong *Đại Tạng Kinh* mà phát hành. Những tác phẩm của Trần Thái Tông như *Khóa Hư Lục*, *Thiền Tông Chỉ Nam*, *Kim Cương Tam Muội Kinh*, *Lục Thi Sát Hối Khoa Nghi* và của Tuệ Trung như *Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục* hồi đó chắc chắn cũng đã được đưa vào *Đại Tạng*.

Ta nên biết việc khắc bản *Đại Tạng Kinh* là một công trình vĩ đại mà không có chùa nào hồi đó đủ sức một mình tự làm. Bão Phác chắc hẳn đã thực hiện ấn bản này với sự ủng hộ tận lực của triều đình, và dưới quyền thiền sư chắc chắn có hàng trăm người viết chữ và có hàng trăm người khắc bản. Chắc rằng nếu không có sự trợ lực về tài chính và nhân công của chính quyền thì Bão Phác đã không thể nào làm được việc ấy. Hai mươi năm trời đã được đề ra để thực hiện ấn bản, thời gian này có thể gọi là ngắn ngủi. Rất tiếc ta không còn giữ lại được một bản gỗ nào hoặc một quyển kinh nào để có thể đánh giá được kỹ thuật ấn loát thời đó. Khi nhà Minh xâm chiếm Đại Việt, tướng Trương Phụ đã thu góp hết cả mọi sách cổ kim



Chùa Thanh Mai, thuộc xã Hoàng Hoa Thám, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương—nơi lưu xá lợi Đệ Nhị Tổ Pháp Loa.

chở về Kim Lăng. Mộc bản *Đại Tạng Kinh* hoặc đã bị quân minh chở đi hoặc là thiêu hủy. Những công trình xây dựng một nền văn học độc lập của nước ta đã bị Trương Phụ phá hủy quá nhiều.

NHỮNG TÁC PHẨM CỦA PHÁP LOA

Pháp Loa cũng có chú giải nhiều kinh điển, sáng tác nhiều sách giáo khoa Phật học và biên tập nhiều nghi thức. Những tác phẩm của thiền sư hẳn cũng đã được đưa vào trong *Đại Tạng* nhà Trần. Sau đây là những sách của ông làm:

- 1) *Thạch Thất Mị Ngữ Niêm Tụng*: Những lời nhận xét và những bài kệ tụng viết về tác phẩm *Thạch Thất Mị Ngữ* của Trúc Lâm.
- 2) *Tham Thiền Yếu Chỉ*: Soạn năm 1322 theo lời yêu cầu của thượng hoàng Minh tông. Sau đó Minh Tông ban hiệu cho Pháp Loa là Minh Giác.
- 3) *Kim Cương Trường Đà La Ni Kinh Khoa Chú*: Phân tích và chú giải kinh *Kim Cương Trường Đà La Ni*.
- 4) *Pháp Hoa Kinh Khoa Sớ*: Phân tích và luận giải kinh *Pháp Hoa*.
- 5) *Lăng Già Kinh Khoa Sớ*: Phân tích và luận giải kinh *Lăng Già*.
- 6) *Bát Nhã Tâm Kinh Khoa Sớ*: Phân tích và luận giải *Tâm Kinh Bát Nhã*.
- 7) *Pháp Sự Khoa Văn*: Về các nghi thức và sơ điệp dùng trong những lễ lược Phật Giáo.
- 8) *Độ Môn Trợ Thành Tập*: Các nghi thức về cúng đàn chẩn tế.
- 9) *Nhân Vương Hộ Quốc Nghi Quy*: Soạn riêng cho vua Minh Tông dùng.
- 10) *Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục*: Biên tập những thiền ngữ và thi tụng của Tuệ Trung.

Các sách khoa sớ 3, 4, 5 và 6 là những sách giáo khoa Phật học. Những tác phẩm trên đều thất lạc, duy có tác phẩm *Tham Thiền Yếu Chỉ*, chỉ được giữ lại một phần in dưới đầu đề là *Thiền Đạo Yếu Học*, thấy đặt năm sau phần lịch sử của Pháp Loa trong *Sách Tam Tổ Thực Lục*. *Sách Tam Tổ Thực Lục* cũng có nói rằng chính



thiền sư Pháp Loa đã đề lời Bạt cho *Đại Tạng Kinh* đời Trần. Bài Bạt này viết vào năm 1321. Tám tác phẩm đầu của Pháp Loa đều được khắc và in năm 1323. Riêng tác phẩm thứ 9 soạn theo lời vua Anh Tông để vua dùng hằng ngày.

PHÁT TRIỂN GIÁO HỘI

Số người xuất gia và gia nhập giáo hội Trúc Lâm càng ngày càng đông. Tháng Chín năm Quý Sửu (1313) Pháp Loa phụng chiếu đến cư trú tại chùa Vĩnh Nghiêm ở Lương Giang, đặt văn phòng trung ương của giáo hội, kiểm tra tự viện và làm sổ tăng tịch. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam tăng sĩ có hồ sơ tại Giáo Hội Trung Ương. Pháp Loa thấy số lượng tăng sĩ đông quá liền quyết định ba năm mới có một lần độ tăng. Giới đàn ba năm được tổ chức một lần và mỗi lần số người xin thụ giới bị thái ra có đến hàng nghìn người. Tính đến năm 1329, số tăng sĩ được xuất gia trong những giới đàn do giáo hội Trúc Lâm tổ chức dưới quyền lãnh đạo của Pháp Loa là trên 15.000 vị. Về tự viện, năm 1313 có tới trên 100 ngôi chùa thuộc vào giáo hội Trúc Lâm (Sách *Tam Tổ Hành Trang* của Ngô Thì Nhậm nói có hơn 800 ngôi chùa - Ngô Thì Nhậm lấy tài liệu trong *Tam Tổ Thực Lục*. Bản *Tam Tổ Thực Lục* ấn hành năm 1943 tại Hà Nội ghi "già lam, phàm bách dư sở," chữ *Phàm* có thể là chữ *Bát* viết lầm ra). Pháp Loa làm rất nhiều việc xây dựng. Tại chùa Báo Ân, năm 1314 ông đã xây dựng được 5 bảo tháp, hai cơ sở hành đạo lớn (Quỳnh Lâm và Báo Ân) và trên 200 tăng đường. Về việc đúc tượng, Pháp Loa đã đúc tới 1.300 tượng Phật lớn nhỏ bằng đồng. Vua Anh Tông nhân ngày lên làm Thái Thượng Hoàng đã cho đúc tượng đồng ba vị Phật Di Đà, Thích Ca và Di Lặc, mỗi tượng cao 17 thước ta. Có thể nói là bất động sản cúng vào cho giáo hội, phần lớn là những người có quyền thế và giàu có trong triều. Năm 1308, vua Anh Tông đã lấy 100 mẫu ruộng riêng của gia đình nhà Trần để cúng vào chùa Báo Ân. Năm 1312 Anh Tông cúng dường năm vạn quan tiền để Pháp Loa bố thí cho dân nghèo. Vua cũng dâng cúng thuyền bè và kiện phụ cho chùa dùng, nhưng Pháp Loa

từ chối không nhận. Vua lại sai lấy 500 mẫu ruộng từ Niệm Như Trang cúng vào chùa làm bất động sản. Năm 1313, Anh Tông lại theo lời di chiếu của Nhân Tông lấy những bảo vật thờ tự tạm bảo của mẹ mà cúng dường vào chùa Báo Ân, lại cúng dường vật liệu xây dựng và cung cấp thợ phụ để làm thêm chùa tháp. Cùng trong năm đó, Bảo Từ hoàng thái hậu đã quy y tại chùa này. Năm 1315, Anh Tông lấy 30 mẫu ruộng của người cung nhân cũ họ Phạm cúng vào chùa. Năm 1317 tư đồ Văn Huệ Vương cúng dường 4.000 lạng tiền, và một người tên Nguyễn Trường ở Lâm Động cúng dường 75 mẫu ruộng vào chùa Quỳnh Lâm. Năm 1318 Hoa Lưu cư sĩ họ Võ cúng dường chùa Quỳnh Lâm 20 mẫu ruộng. Năm 1324 tư đồ Văn Huệ Vương và Thượng Trần công chúa cúng dường tới 900 lạng vàng để đúc tượng Di Lặc. Con trai của Nhật Trinh công chúa là Di Loan cư sĩ cúng dường 300 mẫu ruộng tại phủ Thanh Hoa, Bảo Từ hoàng thái hậu cúng dường 222 mẫu đất ở phủ An Hoa. Sau đó, Tư Đồ Văn Huệ Vương lại cúng 300 mẫu ruộng ở Gia Lâm. Lúc này điền địa cúng vào cho riêng chùa Quỳnh Lâm đã lên tới trên 1.000 mẫu. Chùa có tới 1.000 tá điền làm ruộng. Ta không biết lợi tức của trên 1.000 mẫu ruộng này có được chi dụng vào các việc Phật sự và tăng sự ở các chùa khác trong giáo hội Trúc Lâm hay không. Sự ủng hộ thái quá đối với Phật Giáo này sẽ gây nhiều phản ứng từ phía Nho gia vốn nghĩ rằng Nho giáo đáng lý phải có địa vị của Phật Giáo lúc bấy giờ.

Ta biết rằng hồi Anh Tông thỉnh Trúc Lâm về cung để thụ Bồ Tát Tâm Giới, vương công bách quan đã xin thụ pháp quy y khá nhiều. Trong đời Pháp Loa, giới quyền quý tiếp tục xu hướng về đạo Phật. Năm 1316 Anh Tông xin được chính thức thụ Tại Gia Bồ Tát Giới (trước đây chỉ mới Tâm Giới, chưa bị ràng buộc cụ thể về phương diện hình thức vào 58 giới điều của Bồ Tát).

Năm 1319, Pháp Loa nhận lời mời của quốc phụ thượng tế Quốc Chấn vào giảng *Đại Tuệ Ngũ Lục* trong phủ An Hoa. Cũng năm ấy, ông trao giới tại gia cho Hoa Dương công chúa. Năm 1320, Tuệ Nhã đại vương xin được thụ Bồ Đề Tâm Giới. Năm 1322 nhiều người trong triều đình đóng góp vào việc cúng dường để đúc 1.000 tượng Phật, trong số đó có Bảo Từ hoàng thái hậu, Bảo Huệ Quốc mẫu, Bảo Vân công chúa, tư đồ Văn Huệ Vương, Uy Huệ Vương, Hưng Uy Hầu, Hoài Ninh Hầu, Đặng Trung Tử, Đoàn Nhữ Hải... (Tư đồ Văn Huệ Vương xuất gia vào năm này). Năm 1323, Văn Huệ Vương và Uy Huệ Vương đến chùa Báo ân xin thụ Bồ Đề Tâm Giới và pháp quán định; Bảo Vân công chúa, rồi Bảo Từ hoàng hậu và Văn Huệ Vương thỉnh Pháp Loa giảng kinh *Hoa Nghiêm*. Năm 1324 Chiêu Từ hoàng thái phi công chúa (con của Quốc Chấn) và Lệ Bảo công chúa (con Chiêu Huân Vương) xuất gia...

Về việc học Phật, tình hình cũng rất nhộn

nhịp. Sự giới tăng sĩ đông đảo mà không thể hiểu và thụ trì giới pháp, năm 1322 Pháp Loa cho khắc bản cuốn *Tứ Phần Luật* (giới luật Tỳ Khưu) để in và phổ biến cho giới tăng sĩ học tập. Ông thỉnh cầu hai vị sư huynh là Tông Cảnh và Bảo Phác về chùa Siêu Loại mở những lớp dạy về *Tứ Phần Luật* cho tăng sĩ và in 5.000 bản *Tứ Phần Luật* phát cho các học viên. Tông Cảnh và Bảo Phác lúc này đã được tôn xưng làm quốc sư: Tông Cảnh trú trì ở Tiên Du, còn Bảo Phác ở núi Vũ Ninh. Ngoài sự giảng dạy các kinh phổ thông như *Kim Cương*, *Lăng Nghiêm*, *Viên Giác* và các bộ lục như *Tuyệt Đâu Ngữ Lục*, *Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục*, *Đại Tuệ Ngữ Lục*, Pháp Loa còn phải giảng các kinh *Niết Bàn*, *Lăng Già*, *Pháp Hoa* và nhất là *Hoa Nghiêm*. Thiền học vào thời đại này đã mang nặng tính chất học hỏi và đàm thuyết. Việc học kinh *Hoa Nghiêm* đã trở nên một phong trào trong thiền giới. Pháp Loa đã giảng *Hoa Nghiêm* nhiều lần tại chùa Siêu Loại, Quỳnh Lâm, Dưỡng Phước, Xí Thịnh Quang, An Lạc Tăng Viện, thấy sức yếu, ông liền nhờ Bích Phong Trương Lão giảng tiếp. Những buổi giảng như thế rất đông người nghe. Khóa giảng năm 1322 ở chùa Báo Ân chẳng hạn, có trên 1.000 người đi nghe. Những buổi giảng mà ít người đi nghe nhất cũng có năm sáu trăm người. Nhờ có bản gỗ tàng trữ tại chùa Báo Ân nên kinh sách được ấn hành rộng rãi, cung cấp đầy đủ cho nhu yếu học Phật khắp xứ.

Pháp Loa có rất đông đệ tử. Trong số trên 15.000 người xuất gia trong các giới đàn của giáo hội Trúc Lâm tổ chức, có tới hơn 3.000 vị tới cầu pháp và đặc pháp với ông. Những vị đệ tử làm giảng sư nổi danh là Tuệ Nhiên, Tuệ Chúc, Hải Ấn, Hoằng Tế và Huyền Giác. Ngoài ra các vị đệ tử xuất sắc khác là Quế Đường, Cảnh Ngung, Cảnh Huy và Tuệ Quán. Huyền Quang là đệ tử xuất gia với Bảo Phác, có học với Trúc Lâm nhưng cũng cầu pháp với Pháp Loa. Huyền Quang là người rất giỏi về chữ nghĩa thi văn: ông có nhiệm vụ khảo duyệt và nhuận sắc mọi văn kiện quan trọng, nhất là những bản văn cần được ấn hành. Chính đoạn tiểu sử Pháp Loa trong sách *Tam Tổ Thực Lục* mà Trung Minh biên tập đã do ông hiệu khảo trước khi cho khắc bản.

(Còn tiếp)



BƯỚC CHÂN HIỀN TRIẾT

*Áo bông bành đòi du tăng khát sĩ
Mắt bình yên nhìn thế sự phù vân
Trao thực giả lời ngọc vàng minh triết
Tặng hiền nhân niềm cảm hứng nhân văn*

*Từng bước nhẹ vô danh cùng hoa cỏ
Bình bát bao dung đón nhận khen-chê
Trí siêu việt giữa tâm hồn khiêm hạ
Thấy Đạo rồi: tình thắm đượm từ bi.*

TIẾNG CHUÔNG CHÙA QUÊ TÔI

*Tôi nhớ mãi làng quê tôi thuở ấy
Có mái chùa xưa che chở tâm linh
Ngày mưa nắng bao nẻo đường cơm áo
Tiếng chuông chùa khêu sáng ánh tâm minh*

*Chúng tôi lớn khôn theo tiếng chuông chùa
Tuổi thanh xuân sống quyện hoà ánh đạo
Xoa tự ti, bỏ gian tham, kiêu ngạo
Người gặp người trong đạo lí từ bi*

*Bùng chiến tranh, làng tôi thành tang trắng
Khỏi lửa đạn bom cày nát quê hương
Kể từ ấy tiếng chuông chùa biệt xứ!...
Mấy chục năm trời nhớ thương nhớ thương*

*Ôi mơ ước tiếng chuông xưa trở lại
Thức tỉnh nguồn xuân trí tuệ-tâm linh
Để làng tôi sống mãi tình quê cũ
Để trao nhau trọn vẹn ánh thanh bình.*

TUỆ THIÊN—LÊ BÁ BÔN

MẸ

Hạnh Chi

Hai, trong hai mươi bốn chữ cái của tiếng Việt, ghép lại, thành một chữ rất ngắn: "MẸ".

Mẹ.

Ai có mặt trên cõi đời này mà không có Mẹ. Và ai được gọi là Mẹ, trên cõi đời này mà không có con. Nên Mẹ và Con là chung-sinh, là co-arising, là cùng có mặt với nhau, và cho nhau.

Được làm Mẹ cũng là được nhận cái chuỗi dài, xâu bằng những hạt của thương yêu, lo lắng, cơ cực, ưu tư, hy sinh, những bất an của hy vọng rồi tuyệt vọng, của hạnh phúc rồi khổ đau... những hạt đó luôn tiếp tục xâu vào chuỗi, cứ dài mãi, dài mãi, cho tới ngày mẹ không còn thở không khí, trong cùng một hành tinh, một khí quyển với con! Mà dầu tới trạng huống đó, tình mẹ bao la kia vẫn dưỡng như không ngôn ngữ nào diễn tả cho trọn vì tình đó thiêng liêng, mầu nhiệm, chỉ có thể lặng thinh mà cảm nhận.

Một câu chuyện cảm động về giòng sữa mẹ, từng làm giới y học ngỡ ngàng. Đó là chuyện một thiếu phụ trẻ, đang mang thai 4 tháng thì bị tai nạn xe cộ và hôn mê. Khi các bác sỹ khám nghiệm thì thấy thai nhi vẫn thở trong bụng mẹ. Dù tình trạng này chẳng có bao nhiêu cơ may nhưng y học đã thể hiện câu: "*Lương y như từ mẫu*", nên đã kiên nhẫn chăm sóc người mẹ bất động đó bằng cách truyền dinh dưỡng qua miệng, qua mũi, với hy vọng nuôi thai nhi, chờ thời gian tượng hình đủ. Đến tháng thứ 7, khi biết có thể dùng phẫu thuật cho đứa bé chào đời thì bỗng nhiên, sau nhiều tháng hôn mê, từ đôi mắt khép kín của người mẹ chợt lặn dài đôi giòng lệ nóng....

Cuộc phẫu thuật hy hữu thành công. Đứa bé được cất tiếng khóc chào đời dù người mẹ vẫn im lìm bất động. Khi y tá bế em bé đến, cúi xuống nói nhỏ với người mẹ: "*Đây là con trai của bà. Em bé khỏe mạnh và đẹp đẽ quá! Bà hãy tỏ dấu hiệu nhận biết em đi!*"

Thật mầu nhiệm, ngoài mong đợi của toán y tá, từ nhũ hoa người mẹ, hai giòng sữa ngọt lặn lẽ chảy ra... Toàn bộ các bác sỹ và y tá có mặt đều sửng sốt, vội áp miệng em bé vào bầu sữa mẹ. Bằng phản ứng tự nhiên, con nhận giòng sữa mẹ từng giọt, từng giọt no đầy... Con nào biết đâu, khi con bú vừa no thì nước mắt mẹ lại ứa ra một lần nữa, như thay tiếng nức nở nhủ "*Con ngoan và mau khôn lớn nhé! Mẹ đã cạn lực rồi. Mẹ phải đi thôi!*"

Đạo Phật thường nhắc nhở, hạnh hiếu đứng đầu trong muôn hạnh, và giai thoại về ngài Đệ Nhất Thần Thông Mục Kiên Liên xuống địa ngục cứu mẹ, có lẽ không người Phật tử nào không từng nghe, không từng biết.

Tình mẹ với con như thế, thì những người con hiếu thảo muốn trả ơn mẹ, trả bao nhiêu cho đủ? Muốn vinh danh mẹ, vinh danh bao nhiêu cho vừa?

Nhà nước CSVN khi khởi ý xây tượng Mẹ Việt Nam Anh Hùng trên đỉnh núi Cấm, thuộc tỉnh Quảng Nam, chắc là họ cũng đứng trong tư thế người con để tỏ lòng với mẹ. Họ đang đại diện những người con Việt Nam để thể hiện sự hiếu thảo và biết ơn đối với những bà Mẹ Việt Nam.

Những ý tưởng trung hậu, cao đẹp, thật đáng biểu lộ.

Nhưng biểu lộ thế nào để cả mẹ và con cùng cảm nhận được sự thanh khiết, chí thành, mẫn ái trong một lãnh vực tâm linh, mà sự truyền đạt cần quay nhìn bên trong tâm thức, bội phần nhiều hơn hình thức bên ngoài?

Thứ nhất, ai cũng biết, muốn thực hiện những công trình gọi là "vĩ đại, hoành tráng" thì với những kỹ thuật tân tiến hiện nay, chỉ cần có tiền là làm được.

Thứ hai, để kiến tạo được điều gì mà khi đặt chân lên mảnh đất ấy, khi đứng trước công trình ấy, ta cảm nhận như cánh cửa trái tim mình đang mở ra, mở rộng, rạt rào nắng gió chở đầy thương yêu, ân cao, nghĩa trọng, ngưỡng phục, cảm kích - như mục đích của công trình đó muốn truyền tới người thưởng ngoạn - thì công trình ấy mới được coi là xứng đáng.

Với hai hướng nhìn đơn giản nhất, tạm nêu trên, thì nhà nước CSVN thực sự muốn gì, khi đề nghị dự án xây dựng tượng đài mang tên "Mẹ Việt Nam Anh Hùng"? Sao không chỉ 3 chữ "Mẹ Việt Nam" thôi, là đã đẹp, quá súc tích, quá đầy đủ để nói lên ý nghĩa và tinh thần tượng đài, nếu như nhà nước thực sự muốn vinh danh "Mẹ Việt Nam"?

Dự án tượng đài cao 18 mét, dài 120 mét, khởi ý dự liệu khoảng 55 tỷ (tiền Việt Nam) nhưng trước ngày khởi công 27 tháng 7 năm 2009 thì chi phí dự trù đã được những vị chịu



trách nhiệm đồng thuận tăng lên 120 tỷ. Rồi trong khi đang thực hiện, lại được bổ sung thành 300 tỷ. Và cuối cùng, sau hơn 7 năm thi công, khi hoàn thành thì tượng đài Mẹ Việt Nam Anh Hùng đã được công bố là 411 tỷ!

411 tỷ, tương đương với hơn 20 triệu đô-la để hoàn thành một công trình "vĩ đại, hoành tráng" là số tiền rất lớn, nhưng ở hướng nhìn thứ nhất, có tiền là thực hiện được, không trở ngại gì.

Ở hướng nhìn thứ hai, không đơn giản, vì không phải phương diện vật chất, mà là tinh thần.

411 tỷ để dựng một tượng đài mang ý nghĩa vinh danh người Mẹ Việt Nam, trên một đất nước đang có khoảng 44,253 người mẹ, tuổi trên 90, sống lang thang lầy lắt hoặc ngoài đường phố, hoặc viện neo đơn. Những con số đó có là những dấu than (!!!) và dấu hỏi (???) đáng suy ngẫm không?

Con số này là thống kê chính thức của nhà nước, nên ai cũng hiểu rằng con số không được ghi vào thống kê, nó phải gặp nhiều lần hơn thế!!!

Vậy, tượng đài "hoành tráng nhất, vĩ đại nhất, tồn kém nhất" này, thực sự vinh danh ai?

Ai, trong số những người đứng chiêm ngưỡng tượng đài này - khi hàng trăm ngàn bà mẹ già nghèo khổ, cô đơn đang lang thang rách rưới khắp ba miền Bắc, Trung, Nam - mà có thể hoan hỷ, hạnh diện là tượng đài này đang vinh danh người Mẹ Việt Nam???

Hàng triệu người con đang bưng trải kiếm sống từng ngày, khi chiêm ngưỡng tượng đài này, có được niềm an ủi nào mà liên tưởng nổi rằng, mẹ mình cũng được dự phần trong khối đá vô tri kia?

Hàng trăm ngàn bà mẹ già đói khổ trên khắp quê hương, nếu có dịp lang thang đến dưới chân tượng đài, cổ ngóng cổ, ngược cặp mắt nhòa mờ nhìn lên hình tượng, có được niềm vui nào trấn an cơn đói thường xuyên cồn cào bao tử?



Du khách nước ngoài đến tham quan, đọc những hàng chữ ghi quanh tượng đài, tất hiểu ý nghĩa cao đẹp. Nhưng chỉ cần thả bộ quanh phố, đã bắt gặp bao bà Mẹ Việt Nam sống động, đang di chuyển từng bước nặng nề, với bó củi khô trên lưng, với gánh rau quả ề ề uột, hay với mẹt trầu cau lỏng chỏng... Họ có bản khoăn là những bà Mẹ Việt Nam này có liên quan gì với bà mẹ hoành tráng, vĩ đại bằng đá đang

được vinh danh kia không?

Những bà Mẹ Việt Nam đã sống đến tuổi gần đất xa trời, một đời lo trọn thiên chức làm vợ, làm mẹ, có đáng được vinh danh không? Hay chỉ những bà mẹ sanh ra những người con đi "chống Mỹ cứu nước" mới đáng được vinh danh, mới đáng là những bà Mẹ Việt Nam anh hùng?



Thiết nghĩ, không bà mẹ Việt Nam nào, dù đã mất, hay còn đây, dù được nhà nước xếp loại Mẹ-anh-hùng hay Mẹ-tâm-thường, mà có thể cảm thấy chút gần gũi mong manh nào với khối đá "hoành tráng, vĩ đại" ngạo nghễ kia.

Vì sao?

Vĩ đại đa số các bà mẹ Việt Nam hiện nay đều đang già nua, đói khổ, đang cô đơn, đang bệnh tật, đang cần chén cơm manh áo, mái lá trú nắng mưa, hơn là chiêm ngưỡng tượng đài hoành tráng - nếu còn đủ sức dắt díu nhau tới đó - mà cảm thấy no lòng ấm dạ vì thấy được mình trong khối đá vô cảm kia!

Thử làm con toán chia đơn giản, 411 tỷ đồng, chia cho một trăm ngàn mẹ già (con số thực tế phải gặp nhiều lần hơn), thì mỗi mẹ già cũng tạm được dưỡng già ít lâu, tạm không phải lặn lội vào rừng kiếm củi, tạm không phải còng lưng gánh rau gánh quả, tạm không phải lê lét đầu đường xó chợ nhật lon, lượm giấy...

Thán phục thay, những người con hiểu thảo muốn vinh danh mẹ. Tượng đài dự trù chỉ 55 tỷ, khi hoàn thành lại là 411 tỷ thì quả thật đây là những người con đại-hiếu! đại-hiếu!

Có bà Mẹ Việt Nam nào dám thắc mắc là khoảng chênh lệch 356 tỷ do đâu và hiện ở đâu không?

Trong bóng đêm vô tận của kiếp người cùng khổ, và trước tiền đồ quê hương dân tộc, thì hỡi muôn cánh chim Việt, còn đây hay đang soài cánh bay xa tận phương trời cao rộng nào, các con ơi, các con có biết:

*Mẹ chờ mòn mỏi phương Đông,
Trăm năm bạc trắng tấc lòng Âu Cơ!*

Hạnh Chi

(Mùa báo hiếu, Bính Thân niên)

thơ THANH NGUYỄN

NGÀY XƯA CÓ MẸ

Khi con biết đòi ăn
Mẹ là người mớm cho con muỗng cháo
Khi con biết đòi ngủ bằng tiệt tấu
Mẹ là người thức hát ru con
Bầu trời trong mắt con ngày một xanh
hơn
là khi tóc Mẹ ngày thêm sợi bạc
Mẹ đã thành hiền nhiên như trời đất
như cuộc đời - không thể thiếu trong con
Nếu có đi một vòng quả đất tròn
người mong con mới mòn
vẫn không ai ngoài Mẹ
Cái vòng tay mở ra từ tấm bé
cứ rộng dần theo con trẻ lớn lên
Mẹ là người đặt cho con cái tên riêng
trước cả khi con bật nên tiếng "Mẹ"

Mẹ!
Cái tiếng mà từ khi bập bẹ
đến lúc trưởng thành
con vẫn chưa hiểu hết chiều sâu

Mẹ!
Có nghĩa là bắt đầu
cho Sự Sống, Tình Yêu, Hạnh Phúc.

Mẹ!
có nghĩa là duy nhất
một bầu trời, một mặt đất, một vầng
trăng

Mẹ không sống đủ trăm năm
nhưng đã cho con dư dả nụ cười, tiếng
hát
Có một lần Mẹ không ngăn con khóc
Mẹ không thể nào lau nước mắt cho con
Là khi Mẹ không còn
Hoa hồng đỏ từ đây hóa trắng...

Rồi những đứa bé lại chào đời và lớn lên
theo năm tháng
biết bao người được làm mẹ trong ngày

Tiếng trẻ con gọi mẹ ngân nga khắp mặt
đất này
thành một thứ âm thanh không bao giờ
vắng lặng

Mẹ!
Có nghĩa là ánh sáng
một ngọn đèn thấp bằng máu con tim
Cái đóm lửa thiêng liêng
cháy trong bão bùng
cháy trong đêm tối

Mẹ!
Có nghĩa là mãi mãi
là cho-đi-không-đòi-lại-bao-giờ

Cổ tích thường bắt đầu từ:
"Ngày xưa có một vị vua...
Hay một nàng công chúa"
Nhưng cổ tích còn bắt đầu từ
"Ngày xưa có Mẹ..."



Photo by Michigon (PixaBay)

TÌNH CHA MẸ QUA THI CA BÌNH DÂN VIỆT NAM



Thích Nữ Giới Định

Trong thi ca Việt Nam có rất nhiều thơ văn, ca nhạc, tả cảnh sông núi, đất nước, thiên nhiên, con người, vạn vật, chim muông, cây cỏ... đã đi vào tâm thức, tình cảm của đa số người bình dân Việt Nam. Người ta đã khẩu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, có một số bài không biết ai là tác giả nhưng nó vẫn tồn tại lâu dài với thời gian. Nhất là những thi ca nói về tình cảm thiêng liêng trong họ tộc, gia đình, cha mẹ và con cái, mà một khi đọc đến, nghe đến không ai là không băng khuâng; trong tim dâng lên một tình cảm sâu nặng, khi nghĩ đến công ơn sanh thành dưỡng dục sâu dày của hai đấng nghiêm tử. Qua những vần thơ:

*Công nha như núi Thái sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Án của cha đối với chúng ta cao vòi vọi như núi Thái, hình ảnh ngọn núi, tượng trưng cho sự bền bỉ, rắn chắc, vững chãi trợ gan cùng tuế nguyệt. Lòng cha cũng thế dù gặp bao nhiêu đắng cay của cuộc đời, từ thời còn trai trẻ, cho đến lúc già yếu vẫn hy sinh cho con mình, không sờn phai, không tính toán. Bể khơi bao la sâu thẳm, người ta có thể dùng mọi phương tiện của nền văn minh vật chất mà đo lường được, sông này sâu bao nhiêu, biển nọ rộng chừng nào. Còn tình mẹ như nước trong nguồn chảy ra, chảy suốt ngày đêm, không ngừng nghỉ thì làm sao chúng ta lấy gì để cân đong cho được tình mẹ đây? Trong cuộc đời không có tình thương nào bằng tình cha mẹ, vợ chồng có lúc rồi cũng phải nói lời chia tay; khi giàu có thì nhiều bạn bè lui tới, gặp hoạn nạn thì ngoảnh mặt làm ngơ. Còn cha mẹ, dù chúng ta có đui què mù sứt, có hư hỏng nghèo khổ như thế nào, vẫn ôm con vào lòng vỗ về, tình thương không bao giờ đổi thay. Trong kinh Vu Lan Báo Hiếu Đức Thế Tôn đã dạy: 'Mẹ già hơn trăm tuổi, còn thương con tám mươi, ân tình có đoạn chẳng, chỉ hơi thở cuối cùng.' Bởi vì:

*Cha là bầu trời con là hạt bụi
Con lặn vào cha từ thuở bé đến bây giờ.*

Lại có người ví cha là bầu trời mệnh mông bao la với vợ, mà người con chỉ là một hạt bụi

nhỏ xíu lặn vào trong thân cha để tượng hình qua trung gian của mẹ. Thật là vi diệu, vì con với cha đã có nhân duyên tiền định, nên kiếp này con là con của cha. Chúng ta hãy nghe về mẹ:

*Hai vai mẹ gánh đầy một huyền thoại
Tình yêu thương hào phóng đến vô cùng
Hình hài con khi còn là hạt bụi
Lớn lên dần qua tim mẹ bao dung.*
(Tuấn Hải)

Mẹ hiền như một bà tiên, huyền thoại xa xưa trong chuyện cổ tích thường kể về một bà tiên, luôn hiện ra cứu giúp kẻ cơ hàn, người gặp hoạn nạn. Nhưng con đã không tìm một bà tiên ở đâu xa xôi mà mẹ chính là bà tiên của con. Mẹ thương yêu che chở, dõi mắt theo con đến trọn đời. Vì hình hài của con là một phần thân thể của mẹ, con từ lòng mẹ bước ra, công thành danh toại là niềm hạnh phúc của mẹ, nhưng trong trường đời chẳng may con thất bại thì mẹ cũng là người nâng niu vỗ về an ủi như ngày con còn thơ dại. Khi còn là hạt bụi, mẹ đã nâng niu, gìn giữ cẩn thận con chín tháng mười ngày ở trong bụng của mẹ, con lớn dần thì tóc mẹ đổi màu, thân hình không còn xinh đẹp như ngày xưa. Bao lo âu khiến mắt mẹ quầng thâm, trong những đêm dài thao thức khi con đau ốm. Ôi trái tim nhân ái một đời tận tụy cho con.

Con lớn lên muốn tìm cho mình một hướng đi chân chính, nhưng cha mẹ dạy bảo, con đâu dám sai lời.

*Tu đâu cho bằng tu nhà
Thờ cha kính mẹ mới là chân tu
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Cha mẹ là hai vị Phật hiện tiền, không cần phải tìm Phật đâu xa, nên sống cho tròn hiếu đạo thờ cha kính mẹ đó gọi là chân tu. Rồi con nghe theo tiếng gọi của con tìm theo người lạ đi xa rồi lúc hoàng hôn buông xuống:

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.*

Cha mẹ không cho con xuất gia thì con gái lớn lên phải xuất giá theo chồng, lấy chồng xa xứ con đâu còn cha mẹ để nhờ cậy khi đau ốm, khi hoạn nạn, lúc vui buồn. Nên cứ mỗi buổi chiều ra đứng ngõ sau, ngó về phương trời nơi có hai đấng nghiêm tử mà đau lòng xót ruột,

không biết nơi xa xôi cha mẹ có bình an khỏe mạnh hay không. Rồi người con gái lại mong chờ có người về quê để gửi:

Ai về tôi gửi buồng cau

Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.

Ai về tôi gửi đôi giầy

Phòng khi mưa gió để thầy mẹ đi.

Trong cuộc luân hồi sanh tử tử sanh, không một người nào thoát khỏi, rồi trong một khoảng khắc vô thường cha đã xuôi tay nhắm mắt đi vào lòng đất lạnh nghìn thu. Mới đó mà cha mất đã bốn năm rồi, trong những năm đó biết bao sóng gió đổ lên đầu con, vui dập thân con, bao đau khổ con chỉ biết cúi đầu để nước mắt dâng trào. Con thường lên chùa cầu nguyện, xin đức Phật phóng đại hào quang tiếp độ hương linh cha. Bao nhiêu công đức gia đình mình đã làm được, xin hồi hướng tất cả về cho cha. Con cũng rất hạnh phúc, khi còn sinh tiền cha đã được quy y Tam bảo làm nhiều việc thiện, cha xả bỏ báo thân được an nhàn, thanh thản. Nên nhất định cha sẽ được vãng sinh cực lạc, không còn phải đau khổ như kiếp đã qua, chốn lạc bang tịnh cảnh cha đã sớm quay về, ở đó cha có nhiều bồ tát làm bạn cùng tu tập cho đến ngày đắc thành chánh quả.

Cha đã mất bốn năm tròn quanh quế

Con cúi đầu nghe đau khổ trào dâng

Kính lạy Phật cầu cha già thoát khổ

Chốn lạc bang tịnh cảnh sớm quay về.

Sự tích Ngài Mục Kiên Liên nhờ thần lực của mười phương tăng, xuống tận địa ngục A tỳ cứu thoát mẫu thân là bà Thanh Đề ra khỏi chốn u đồ lầm than. Tuy trải qua hơn hai mươi thế kỷ, nhưng mỗi lần Vu Lan trở về người Phật tử lại được nhắc đến tấm gương hiếu hạnh như là sự việc mới xảy ra ngày hôm qua. Vu Lan mùa hiếu hạnh xin nguyện cầu cho cửu huyền thất tổ, nội ngoại tôn thân, quá khứ phụ mẫu, thất thế phụ mẫu, đa sanh phụ mẫu, hiện tiền phụ mẫu đã quá vãng đồng sanh tây phương, những người còn tại thế thân tâm an lạc, hạnh phúc bình an.

Thanh Đề khổ ách hết liền

Ngày rằm tháng bảy thành tiên về trời

Noi gương hiếu thảo đời đời

Mục Liên thuở ấy rạng ngời gương nay

Nhưng trong tâm người con, mỗi khi nhìn mưa ngâu rơi, trời se se lạnh lòng dâng lên một tình cảm khó tả:

Tiết tháng bảy mưa ngâu sục sùi nhớ thương mẹ

Hội Vu Lan hương trầm quyện tỏa niệm ân cha.

Tháng bảy mùa thu đến lá vàng rơi, báo hiệu mùa Vu Lan lại trở về. Tất cả người con Phật đều hân hoan đón mừng Đại lễ vu Lan. Dù ở bất cứ phương trời nào người con cũng dõi mắt trông về cố quận, nhớ đến cha mẹ, nhớ ông bà tổ tiên, cửu huyền thất tổ. Không phải đến ngày Vu Lan con mới nhớ, nhưng vì bận rộn theo kiếp mưu sinh, có lúc con đã quên bổn phận của mình. Hôm nay tháng bảy lại trở

về, lòng con trẻ bâng khuâng tắc dạ, tâm hồn thổn thức suốt lệ tuôn rơi, mong ước một nơi xa xôi, cha mẹ hiểu thấu cho lòng con. Con chỉ biết dùng nén hương trầm dâng lên chư Phật, xin ngài chứng minh tâm lòng hiếu thảo của con.

Có những lần trong cuộc đời vô tình hay cố ý con đã làm mẹ rơi nước mắt:

Xin mẹ nhận lạy này con bất hiếu

Đã bao lần làm mẹ khóc như mưa

Đã bao lần làm mẹ khổ ngày xưa

Bao nhiêu lạy cũng chưa vữa ân mẹ.

Trong kinh Đức Phật dạy: "Cùng tốt điều thiện không gì bằng hiếu, cùng tốt điều ác không gì hơn bất hiếu." Nhưng có những đứa con đã mang tội bất hiếu, làm cho mẹ đau lòng rơi nước mắt. Không biết bao đêm mẹ âm thầm trong đêm vắng, một mình ngậm ngấm nỗi đau khi có đứa con không hiếu thảo, đã có những hành động, lời nói hỗn hào, vô lễ. Nhưng cũng còn hạnh phúc khi con đã kịp nhận ra mình bất hiếu để sám hối tạ tội với mẹ. Cho nên dù lạy cho sỏi đá vẫn không trả nổi công lao mẫu tử. Thế rồi trong một sát na thôi, người con đã than rằng:

Hỡi trời cao xa thăm

Thấu hiểu nỗi lòng tôi

Tử trần gian cát bụi

Tôi đã mất mẹ rồi.

Nhưng một điều làm con không còn hối hận, vì con đã được mẹ tha thứ, được mẹ ôm vào lòng và nói: "Con tội ngoan quá." Mẹ đã trở về với cát bụi, từ đây vĩnh viễn mẹ không còn bằng xương bằng thịt, nhưng mẹ luôn hiện hữu trong trái tim của con. Cha đã mất nay mẹ lại ra đi, con hệt hăng chỉ biết kêu lên: "Hỡi trời cao xa thăm, thấu hiểu nỗi lòng tôi."

Nhưng không có nỗi đau khổ nào bằng:

Canh khuya một ngọn đèn mờ

Nhớ con đứng tựa bàn thờ khóc con

Gió mưa từ thưở mắng non

Bóng trăng khi lớn chưa tròn đã lu.

Dòng vô thường vẫn tuôn chảy, không phân biệt già trẻ trai gái. Khi một hơi thở ra mà





không trở lại thì đã qua một đời khác. Nhưng niềm đau khổ làm tê tái tâm hồn, đau buốt trái tim của bậc làm cha làm mẹ là con trẻ phải từ giã hồng trần trước đấng sanh thành. Cha mẹ nuôi con để mong sau này khi già cả nương cậy vào con, nhưng bây giờ cha mẹ là người đưa con vào quan tài, còn nỗi đau nào hơn? Điều này xảy ra rất nhiều vào thời chiến tranh ở Việt Nam. Có những cha mẹ phải chứng kiến hai, ba người con tới tuổi trưởng thành, theo tiếng gọi hồn thiêng sông núi. Bốn phận trai thời loạn ra đi khi đất nước đao binh, nhưng rồi những người con đó không bao giờ trở về, để lại cha mẹ già, vợ trẻ con dại. Mà cứ mỗi buổi chiều cha mẹ đứng tựa cửa trông đợi con về, mà con thì thân đã vùi sâu dưới lòng đất lạnh, ở một nơi xa xôi hẻo lánh nào đó của tổ quốc. Bây giờ cha mẹ chỉ biết đứng tựa bàn thờ, nhìn di ảnh con mà khóc, khóc hoài có khi mù cả mắt.

Rồi cũng có những đứa con làm kẻ ly hương, mấy mươi năm chưa trở lại quê nhà thăm cha mẹ:

*Từ thưở xa quê mấy độ rồi
Tấm thân phiêu bạt chịu mồôi
Quê nhà cha mẹ đang chờ đợi
Lòng dạ băng khuâng luống bồi hồi.*

Vì một hoàn cảnh nào đó con đành ly hương, ra đi lúc còn tuổi thanh niên, bây giờ tuổi đã xế chiều mà chưa một lần về lại nơi chôn nhau cắt rốn, chưa về thăm lại mồ mã cha mẹ, ông bà tổ tiên. Đó là niềm đau khổ vô bờ của những đứa con xa xứ, những đứa con ly hương. Trong sâu thẳm của tâm hồn luôn luôn mong có ngày đoàn tụ nhưng nghịch cảnh không cho phép, đành gạt lệ trong đêm thâu. Vẫn biết cha mẹ đang mong chờ những đảnh mang tội bất hiếu với song đường, với tổ tiên.

Nhưng cũng có những đứa con ở gần cha mẹ, lại làm cho người đau lòng hơn:

*Hiếu thuận sinh ra con hiếu thuận
Ngỗ nghịch nào con có khác chi!
Xem thử trước thềm mưa xối nước
Giọt sau giọt trước chẳng sai gì*

Trong kinh Vu Lan Đức Phật có dạy: "Sanh

con bất hiếu để mang tiếng đời." Đây là một bất hạnh không chi sánh bằng, rồi cha mẹ lại sợ người đời chê cười, cố gương làm vui nhưng trong lòng thì tan nát. Có những bậc quá đau khổ phải lìa đời trong âm thầm lặng lẽ. Cho nên thuyết nhân quả của Phật giáo rất chính xác không sai chạy, dù bạn có lặn xuống sông sâu hay trốn ở trời cao khi quả báo đến thì không tránh khỏi. Cho nên *Hiếu thuận sinh ra con hiếu thuận, ngỗ nghịch nào con có khác chi!* Cũng đừng có than trời trách đất, vì trước kia mình bất hiếu với cha mẹ, bây giờ nhận quả bất hiếu từ con.

Lại có những người con mang tâm sự:

*Mai sau cha mẹ yếu già
Bát cơm đôi đũa kỹ trà ai dâng?*

Không thiếu những tấm gương hiếu hạnh đáng được người đời ca tụng, hy sinh thân mình để lo cho cha mẹ. Trong lịch sử có những người con khi cha mẹ qua đời che túp lều ở bên mộ nhang khói hôm sớm, cho đến ngày mãn tang. Có người con lại đi xa, lòng băng khuâng, khi cha mẹ tuổi đã xế chiều. Không biết giờ này nơi xa xăm, có ai nấu cơm cho cha mẹ ăn, có ai pha trà cho song thân uống, luống nghĩ mà ngậm ngùi.

Khi con công thành danh toại trở lại mái nhà xưa thì mẹ đã ra người thiên cổ:

*Chiều hôm ấy trời mây giăng ảm đạm
Không gian buồn trong cảnh vắng thê lương
Khói hương ơi sao đau đớn đoạn trường
Chiều vĩnh biệt nghìn thu người hiền mẫu.*

Mặc áo thô gai đi sau quan tài mẹ, mưa rơi bên ngoài hay lòng con đang mưa. Rồi đây sân trước nhà sau cô quạnh, ra vào chỉ thấy trống vắng quạnh hiu, bóng mẹ chỉ còn trong tâm tưởng. Mẹ ơi suốt một đời hy sinh cho con, mẹ lo tất cả cho con, chỉ có một lần mẹ không còn lau nước mắt cho con được nữa, là khi nắp quan tài đã đóng kín hình hài của mẹ thân yêu. Con nghẹn ngào sùng sốt để từ đây "Vĩnh biệt nghìn thu người hiền mẫu."

*Khôn ngoan nhờ ả ông cha
Làm nên phải đỏi tổ tông phụng thờ
Đạo làm con chớ hững hờ
Phải đem kính yếu mà thờ từ nghiêm.*

Người trồng cây hạnh người chơi, ta trồng cây đức để đời cháu con. Hôm nay chúng ta thành danh với đời, tuy là từ sự nỗ lực của cá nhân, nhưng cũng nhờ phước đức ông bà ăn hiền ở lành, con cháu mới hưởng âm đức ấy, cho nên: "*Vạn cổ tình thâm ân đức, thiên thu nghĩa trọng đạo sinh thành.*" Ở làng quê Việt Nam, quý trọng tình nghĩa thân tộc, khi một gia đình có chuyện vui hay buồn làng xóm thường đến để cùng chung lo. Khi tổ chức đám cưới, chúc thọ hay ma chay, ngày giỗ chạp, cúng kỵ các bậc trưởng thượng, cao niên trong họ, trong phái, trong chi, thường được mời tới để chứng minh việc làm của con cháu. Có những dòng họ con cháu giàu có, học hành thành đạt, đó là niềm tự hào cho người trong họ. Ngược lại, có những người con bất hiếu,

làm mang tai tiếng xấu cho dòng họ thì đó là một sự sỉ nhục cho gia đình, dòng họ. Cho nên làm người phải nhớ đến công ơn của tổ tiên, ông bà, cha mẹ mà sống sao cho trọn đạo làm người. Nên người xưa có nói:

*Công đức tổ tiên ngàn năm thịnh
Hiếu hiền con cháu vạn đời vinh.*

Thật vậy, công ơn sanh thành dưỡng dục cha mẹ cao hơn Thái sơn, sâu rộng hơn biển cả. Chúng ta không biết lấy gì đền đáp cho xứng. Chỉ một điều duy nhất có thể đáp đền một phần nào công ơn trời biển đó, không gì hơn là nương theo lời chư Phật dạy thanh tịnh tu hành, trì trai giữ giới, làm việc phước thiện, hướng dẫn cha mẹ trở về với chánh đạo, quy y Tam bảo. Một việc lành dù nhỏ như hạt bụi cũng hồi hướng đến mười phương pháp giới chúng sanh. Nguyên cầu tất cả chúng sanh thân tâm thanh tịnh, xa lìa nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng ngay trong đời hiện tại. Sau khi xả bỏ báo thân đồng sanh an dưỡng quốc, thấy Phật Di Đà, chứng vô sanh pháp nhẫn.

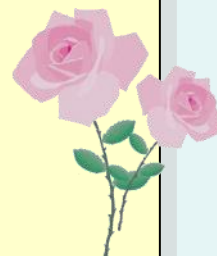
Thi ca bình dân Việt nam là một sản phẩm cao quý mà các bậc tiền nhân đã vun bồi trong đời sống thường nhật, trải qua nhiều thế kỷ. Lời thơ không trau chuốt, không màu mè, mà phát xuất từ con tim chân thành, mộc mạc khiến người đọc dễ xúc cảm, dễ hòa nhập. Truyền thống đạo lý của người Á đông, đặc biệt là người Việt Nam, yêu chuộng lối sống gia đình, bà con, dòng họ, xóm làng. Đặc biệt là tình cảm gia đình, em bé thiếu tình thương khó mà phát triển trí tuệ, thể chất được trọn vẹn, không tự tin trong cuộc sống. Người lớn tuổi thiếu tình thương của con cháu cũng khó tồn tại lâu dài. Cho nên tình cảm là một thứ vô hình nhưng tất cả con người, động vật đều rất cần để tồn tại trên cuộc đời.

Thi ca bình dân chan hòa trong đời sống thường nhật, làm cho tinh thần nhiều vui tươi, nhiều hạnh phúc hơn trong bối cảnh văn minh vật chất của xã hội ngày nay. Một ngày làm việc mệt nhọc, lo cho cơm áo gạo tiền, bạn chỉ cần ngâm một câu thơ nho nhỏ sẽ thấy lòng mình thật êm dịu, thật bình an. Bạn cứ thử làm rồi sẽ có an lạc trong giờ phút hiện tại, không cần phải tìm kiếm đâu xa. Xin kính dâng lên tất cả mọi người những đoá hoa hồng tươi thắm nhân mùa Báo Hiếu Vu Lan.

Thích Nữ Giới Định

CHA

*Cha là trong những kỳ quan
Kỳ quan trên hết kỳ quan loài người
Cha cao hơn núi non đồi
Tình duyên cho mẹ sinh người trần gian
Cha anh hay của bên nàng
Đều là cội gốc cái bang Cha mình
Cha là một đấng cứu tinh
Chăm lo cho mẹ hết mình nuôi con
Còn Cha gót đổ như sơn
Cơm no áo ấm là còn có Cha
Công Cha xây dựng cửa nhà
Đem con học chữ khuyên cho thành tài
Dạy con việc nước tương lai
Sau khi khôn lớn hai vai sơn hà
Sơn hà nghĩa vụ của Cha
Nam nhi nhập ngũ ra đi diệt thù
Gái thì xuất giá tòng phu
Nam nhi hay Gái gốc từ của Cha
Cha là Trời Đất chính là
Thân tâm kham nhẫn cho ta muôn phần
Làm con ta phải báo ân
Ân Cha không chỗ sánh hơn cho vừa
Làm người biết nghĩa Cha chưa
Cha là tối thượng hơn vua trên đời.*



BÀ MẸ VIỆT

*Mẹ Việt Nam nhưc nhối lòng
Sanh con nhiều đợt bênh bồng tâm thân
Lại còn buồn tảo bán thân
Lo toan mọi việc trăm phần vì con
Làm cho cơ thể hao mòn
Thân cò Mẹ Việt phấn son nhạt nhòa
Nhưng tâm Mẹ Việt hiền hòa
Như cây Lan trắng nở hoa bốn mùa
Mẹ ta như hạt nước mưa
Thân con tắm mát buổi trưa mùa hè
Mẹ ta là lọng dù che
Che con khỏi nắng trưa hè đi rong
Thương con canh cánh bên lòng
Đi xa mẹ thấy trong lòng nôn nao
Mẹ ta là đứ cù lao
Sanh con nuôi nắng biết bao nhọc nhằn
Làm con ta phải nhớ rằng
Đó là chữ hiếu báo ân Mẹ già.*

LÊ BẢO KỶ

CÚNG THAY CHO NGƯỜI CHẾT CHƯA SIÊU THOÁT

Nguyễn Giác

Cúng dường chư Tăng thay cho người chết chưa siêu thoát là một phương pháp do Đức Phật dạy từ Kinh Tirokudda Sutta.

Chúng ta sẽ dễ ngộ nhận về nhóm chữ “người chết chưa siêu thoát,” vì có thể liên tưởng tới một “cái tôi” nào bất biến từ người đã lìa đời. Thực sự, không hề có cái tôi nào bất biến, vì các pháp vô thường, liên tục biến diệt; nhưng rất nhiều chúng sinh vẫn chấp rằng có một “cái tôi” bất biến, và chấp này sẽ trói buộc họ. Thân này nằm xuống, là tứ đại tan rã, sắc thọ tưởng hành thức khi qua thân mới sẽ không như cũ. Và ngay trong trung ấm thân, cái lưu chuyển được Đức Phật gọi là “thức” cũng không phải như những ngày sinh tiền.

Người chết chưa siêu thoát có thể hiểu là hai dạng: thứ nhất là trung ấm thân, hay thân thức, trong bài “Đức Phật dạy cầu nguyện cho thân trung ấm” (1) đã ghi lời Đức Phật chỉ dẫn cách cầu siêu; thứ hai là thành phần chúng sinh chữ Pali gọi là **peta**, thường dịch là ma đói, cũng có nghi thức giải thoát do Đức Phật dạy qua Kinh Tirokudda Sutta.

Chữ peta thường được dịch là spirits (vong linh), the departed (người đã chết), hungry ghosts (ma đói). Quý Thầy Bắc Tông thường dù chữ nạ quỷ là tương đương.

Nói cúng đây cũng không nên hiểu là chuyện vàng mã, vì Phật giáo không có chuyện cúng với vàng mã hay tiền âm phủ. Thực ra không có gì huyền bí, vì trong Kinh này Đức Phật dạy người thân của vong linh làm lễ cúng dường chư Tăng và hồi hướng phước để vong linh được siêu thoát.

Peta là những người chết, đã sinh vào cõi ma đói, nhưng vẫn chấp là còn thân cũ và cứ tìm lẩn quẩn ở nơi người thân trong kiếp vừa qua. Họ có thể thọ khổ ở cõi ma đói nhiều

ngàn năm, thậm chí từ thời Đức Phật này tới thời Đức Phật kia, cho tới khi hết nghiệp dữ, trong đó có một loại ma đói có thể được siêu thăng khi người thân cúng dường chư Tăng nhân danh họ, và hồi hướng phước cho họ.

Theo Piya Tan, có tranh luận bộ phái từ thời xa xưa: một số thầy nói rằng oai lực người thân cúng dường chư Tăng sẽ giải thoát cho người thân thoát cõi ma đói, trong khi đó nhiều thầy khác nói rằng chính tâm hoan hỷ của ma đói khi thấy người thân nhân danh mình cúng dường chư Tăng sẽ làm nghiệp dữ tan biến. Nơi đây, bài này không đi sâu vào lý luận tranh biện, vì phức tạp và không cần thiết.

Duyên khởi của Kinh này được kể như sau. Đức Phật sau khi thành đạo, trước tiên là tới thuyết pháp cho 5 vị đầu tiên là nhóm ngài Kiều Trần Như, rồi tới gặp 3 ba giáo sĩ khổ hạnh và đồ chúng của ba vị này. Sau đó, Đức Phật đi cùng ba vị này tới gặp vua Bimbisara. Vị vua

này sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp, tức khắc chứng quả Nhập Lưu.

Sang ngày hôm sau, những thân nhân đã chết của vua Bimbisara trong cõi ma đói trước đó hy vọng rằng vua sẽ cúng dường để hồi hướng phước cho họ, nhưng vua bận tâm về việc xây một tự viện cho Đức Phật. Các vong linh thất vọng, mới quây phá, la hét suốt đêm trong cung điện vua. Hôm sau, vua Bimbisara hỏi Đức Phật về các chuyện xảy ra. Đức Phật bảo vua là chớ sợ hãi gì, vì những người thân chưa siêu thoát của vua muốn được cúng Tam Bảo để siêu thăng vào cõi lành.

Vua mới hiểu rằng vua có thể giúp người thân đang ở cõi ma đói, nên thỉnh Đức Phật tới hôm sau để cúng dường. Vừa khi vua dâng nước cúng Phật và làm nghi thức cúng dường, phát nguyện rằng lễ cúng này là cho thân nhân



quá cố của vua, các hồ sen hiện ra để các ma đói tắm và uống. Khi vua cúng dường cháo, thực phẩm mềm và đoàn thực, thức ăn này hiện ra thanh tịnh trước mặt các ma đói để họ thọ thực. Khi vua cúng dường trang phục và nơi ở, các thức này hiện ra thanh tịnh cho các ma đói. Kết thúc lễ cúng để giúp siêu thăng các ma đói, Đức Phật mới đọc lên các câu thơ, và đó là Kinh này.

Trong tác phẩm biên khảo "The Four Planes of Existence in Theravada Buddhism" của Tiến sĩ Sunthorn Na-Rangsi, dẫn theo các tích Petavatthu trong Tạng Pali, nói rằng các ma đói không có nơi đặc biệt nào để cư trú, họ sống chung thể giới với người, như ở rừng, núi, đảo, nghĩa địa, vân vân. Nhưng mắt người không thấy họ được. Người thấy được ma đói là chỉ khi ma đói muốn được thấy. Một số người tu thiền định có thể thấy được ma đói.

Sách Petavatthu trong Pali Canon có một truyện kể rằng Đại sư Sariputta (Xá Lợi Phất) gặp một nữ ma đói hiện ra trong thân gầy gò, xấu xí, trần truồng. Đại sư hỏi và nữ ma đói này kể khi mang thân người, ba mẹ và thân nhân không ai chỉ cho bà nghiệp lành như cúng dường Tam Bảo, giữ giới, vân vân. Do vậy, chết đi mới thọ sanh làm ma đói, đã đói và khát cả 500 năm rồi. Bà xin Đại sư Sariputta làm nghi thức cúng dường thay mặt bà. Ngài Sariputta ưng thuận, mới cúng một số thực phẩm, một miếng vải nhỏ và nước cho một tỳ kheo. Ngài hồi hướng phước cúng dường cho nữ ma đói kia. Lập tức, ma đói này được thọ thực, trang phục đẹp, và siêu thăng vào cõi trời, trở thành thiên nữ. Vị thiên nữ này hiện ra trước mặt Ngài Sariputta. Không nhận ra, Đại sư hỏi đó là ai vậy. thiên nữ mới kể nguyên là ma đói, vừa được ngài cứu.(2)

Sau đây sẽ dịch theo bản Anh dịch của Bhikkhu Anandajoti.

**The Beyond the Walls Discourse
They stand beyond the walls,
and at the junctions and crossroads,
they stand at the door-posts,
having come to their former homes.**

*Kinh Bên Ngoài Bức Tường
Họ đứng bên ngoài các bức tường
và nơi các điểm gặp và giao lộ,
họ đứng nơi các mép cửa,
tìm tới những căn nhà cũ của họ.*

**But when abundant food and drink,
both staple and non-staple, is prepared,
no one remembers these**



**beings, because of their
past unwholesome deeds,
Nhưng khi nhiều thức ăn và
nước uống
cả thức chính và phụ, được
dọn ra
không ai nhớ tới các chúng
sinh này
vì việc dữ họ làm thời quá khứ.**

**Thus those who are com-
passionate
give to their departed rela-
tives,
at the right time, pure, ex-
cellent,
suitable drink and food.**

*Do vậy, những người có tâm từ
bi
cúng cho các người thân quá
cổ
những thức ăn và thức uống
thích nghi
thanh tịnh, vào đúng thời.*

**Thinking: "May this go to our relatives,
may our relatives be happy!"
Those who have gathered, the departed
relatives who have assembled around the
food and drink,
respectfully offer their thanks:**

*Nghĩ rằng: "Nguyện các phẩm vật này tới
người thân của chúng tôi*

*Nguyện người thân của chúng tôi hạnh
phúc!"*

Những người tới tụ họp đây

Người thân quá cố đã tới hội họp đây

Quanh thức ăn và thức uống này

Thành kính cúng dường lời tạ ơn của họ.

**saying: " May our relatives live long!
Those to whom we owe this gain,
for we have been honoured,
those who give are not without reward!"**

*nói rằng: "Nguyện người thân của chúng
tôi trường thọ*

*Những người mà chúng tôi nợ phước lành
này*

*Vì chúng tôi đã được tôn kính trong lễ cúng
Những người cho đi sẽ được đón nhận
phước!"*

**For in that place there is no ploughing,
and cattle-rearing is not found there,
similarly there is no trading,
or buying and selling of gold.**

*Vì ở nơi này (cõi peta) không có việc cày
bừa*

Không có việc nuôi gia súc nơi đây

Tương tự, không có trao đổi

Không cả mua hay bán vàng.

**The departed in that place who have
died, have to subsist on gifts.
Just as water that rains on the highlands,
flows down to the lowlands, so too what
has been given here is of benefit to the**

departed.

Những người đã chết đang ở nơi này phải dựa vào đồ cúng cũng như nước mưa từ vùng cao, chảy xuống nơi đất thấp

Y như vậy, đồ cúng nơi đây sẽ lợi ích cho người đã chết.

Just as rivers that are full flow and fill up the ocean, so too what has been given here is of benefit to the departed.

Y như sông khi đầy sẽ chảy và tràn vào đại dương, y như vậy, những đồ cúng này sẽ làm lợi ích cho những người đã chết.

Thinking: "He gave to me, he worked for me, he was my relative, my friend, my companion,"

he should give gifts for the departed, remembering what they have done before.

Nghĩ rằng: "Y đã cho tôi, y đã làm việc cho tôi, y là người thân của tôi, là bạn tôi, là đồng hành của tôi."

Hãy nên cúng cho người đã chết nghĩ tới những gì họ đã làm trước đó [khi còn sống ở cõi người].

For no tears, or grief, or any other lamentations, are of any use to the departed, as long as their relatives continue grieving in this way.

Vì không nước mắt nào, không đau đớn nào, cũng không lời than khóc nào có lợi ích gì cho người quá cố khi người thân của họ cứ mãi đau đớn như thế.

But that gift that has been given, and well placed in the Sangha, is of benefit to them for a long time, immediately it is of benefit.

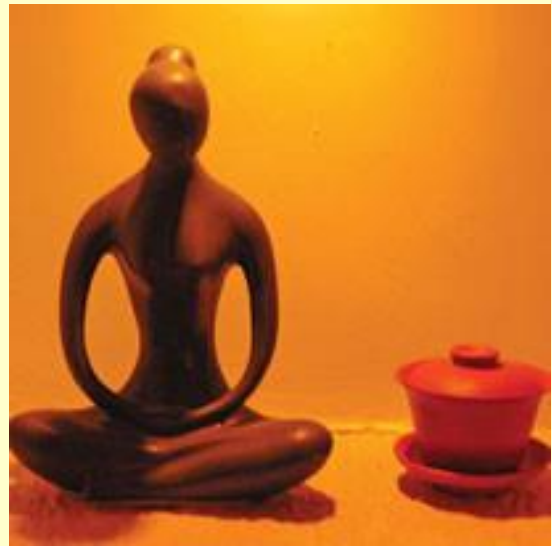
Nhưng khi phẩm vật cúng dường đưa ra và khéo dâng lên Tăng Đoàn sẽ có lợi ích lâu dài cho người chết tức khắc có lợi ích.

This then is the definition of a relative's duties— and by this great honour has been done to the departed, strength has also been given to the monks, and no little merit has been produced by you!

Đây là bốn phận của người thân và bằng cách tôn kính lớn lao này thực hiện cho người chết sức mạnh cũng được dâng lên chư Tăng phước đức lớn vô cùng đã được quý vị thực hiện.

(Hết bản Việt dịch)

Links của hai bản Anh dịch và bản Việt dịch của HT. Thích Minh Châu sẽ đặt ở (3).



TRẦM TU'

thơ

Khói bay khắc khoải sớm chiều
Nghe đời khóc gọi bóng điều đứt dây
Giọt tình khô khóc theo mây
Giọt vui tan với một ngày xót xa
Trầm tư ngoài chợ trong nhà
Đêm đông nặng nhẹ tách trà nguyệt hương
Nắng còn cháy nụ yêu đương
Mưa còn hắt hủi thơ nguồn phong lưu
Khói bay đường đã mịt mù
Bâng quơ ngòi bút đọng đưa giữa trời
Đêm về một tiếng hắt hơi
Tâm buông trút hết, nụ cười chiêm bao.

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

GHI CHÚ:

(1) Xem: <http://thuvienhoasen.org/a25024/duc-phat-day-cau-nguyen-cho-than-trung-am>

(2) Xem: <http://www.bps.lk/olib/wh/wh462-p.html>

(3) Bản của Bhikkhu Anandajoti: <https://suttacentral.net/en/kp7>

Bản của Thanissaro Bhikkhu: <http://www.accesstoinsight.org/tipitaka/kn/pv/pv.1.05.than.html>

Bản của HT Thích Minh Châu: <http://thuvienhoasen.org/p15a1271/2/kinh-tieu-tung-viet-anh>

NHÌN DA ĐOÁN BỆNH

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



1- Da đau nhói nhói kèm theo ban đỏ ở một bên mặt hoặc thân mình.

Đây là dấu hiệu của bệnh Zona thần kinh Shingles mà người mình thường gọi là bệnh "giời leo" do loại virus của bệnh Thủy đậu mà ta mắc phải trước đây.

Virus nằm tiềm ẩn ở rễ dây thần kinh cảm giác quanh cột sống chờ khi nào cơ thể suy yếu vì stress, nhiễm trùng, tuổi già là tái xuất giang hồ, gây ra bệnh shingles với các mụn đầy mủ, rất đau trên da kéo dài có khi cả năm.

Trong trường hợp này, cần đi bác sĩ ngay để điều trị tới nơi tới chốn.

Người trên 60 tuổi cũng nên hỏi bác sĩ về việc chích ngừa shingles.

2- Những vết màu nâu ở mặt trước cẳng chân

Đó là dấu hiệu ngoài da của người mắc bệnh tiểu đường, trong đó các vi huyết quản nơi chân dễ bị tổn thương do va chạm nhẹ, máu thoát ra ngoài, tạo thành các vết bầm màu nâu gỗ ghè như có vẩy.

Ngoài ra, bệnh tiểu đường cũng gây tổn thương cho các dây thần kinh ngoại vi ở bàn chân. Bệnh nhân mất các cảm giác đau, nóng, lạnh cho nên bị thương bị phỏng mà không biết, ngón chân bị nhiễm trùng loét lở, đôi khi bị hủy hoại teo chết (hoại thư), phải cắt bỏ.

3- Ung thư

Ung thư nội tạng có thể có các dấu hiệu trên da như vết đâm nhiều chất màu, vàng da và mắt, nổi ban đỏ trên da, một vùng da rất ngứa mọc lông... Các dấu hiệu này có thể xuất hiện trước, đồng thời hoặc sau khi đã tìm ra bệnh ung thư. Ở người mà ung thư đã thuyên giảm, các thay đổi trên da báo hiệu sự tái phát của bệnh.

4- Vàng da lòng tay bàn chân

Đây là dấu hiệu của tiêu thụ quá nhiều cà rốt, khoai lang ngọt hoặc dấu hiệu của bệnh nhược tuyến giáp vì quá nhiều chất beta-caroten trong máu.

Trong bệnh nhược tuyến giáp, tuyến không chuyển hóa được beta-caroten và chất này tích tụ trên da. Người bệnh thấy mệt mỏi, bái hoải, da khô lạnh và cần được điều trị. Da vàng vì ăn nhiều cà rốt sẽ hết khi ngưng

tiêu thụ rau củ này.

5- Vàng da toàn thân và mắt là dấu hiệu của suy gan kinh niên.

6- Màng vàng nhạt chung quanh mi mắt, gần mũi ở trẻ em và thiếu niên thường thường báo hiệu cho biết là lượng cholesterol trong máu lên cao.

7- Da toàn thân đậm màu

Trong bệnh suy nang thượng thận Addison, người bệnh có nước da sậm màu nhất là ở các vùng phơi ra ánh sáng, nhưng cũng có ở lòng bàn tay, bàn chân, núm vú, nách, vùng cơ quan sinh dục. Bệnh do nang thượng thận tiết ra rất ít kích thích tố steroids nhưng có thể điều trị bằng cách bổ sung kích thích tố thiếu.

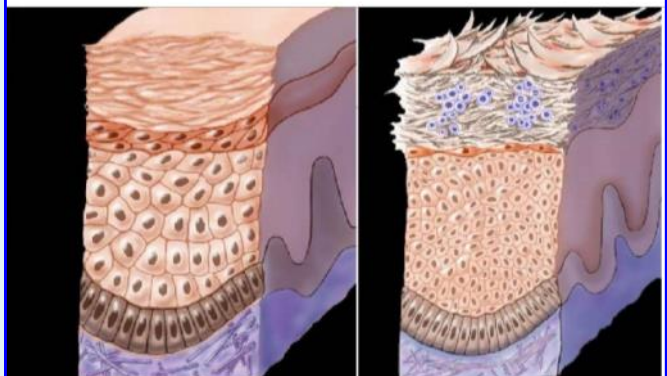
8- Các chấm màu đỏ tía trên da

Trong bệnh ban xuất huyết purpura, trên da của bệnh nhân có những vết ban mới đầu đỏ rồi chuyển sang đỏ tía trước khi mờ đi hoặc thành nâu nhạt. Đó là do các mạch máu dưới da bị suy yếu, dễ bị tổn thương, máu chảy ra ngoài và tạo ra các ban da như vậy.

Các vùng da hay bị đổi màu là cánh tay, cẳng chân, mu bàn tay.

Bệnh thường thấy ở người tuổi cao, ngoài 65, da mỏng với thời gian dễ bị ánh nắng mặt trời gây tổn thương. Dùng các loại thuốc như aspirin, thuốc loãng máu, vitamin E, rượu, steroid, Gingo Biloba cũng làm bệnh trầm trọng hơn.

Difference Between normal Skin
Psoriasis Skin



Với các dấu hiệu này, cần đi bác sĩ để khám chẩn bệnh rồi điều trị.

9- Ra nắng, quay về nhà thấy nổi ban đỏ cùng mình

Đây là trường hợp xảy ra cho một số người, mỗi khi đi ra ngoài nắng về thì thấy trên da nổi lên những nốt tròn đỏ kích thước thay đổi từ các chấm nhỏ tới từng vùng lớn rộng tới vài phân. Ban đỏ rất ngứa và thường thấy ở vùng phơi nắng như cánh tay, cổ đôi khi ở mặt, kéo dài cả mấy giờ. Đó là hiện tượng nhạy cảm với tia nắng ở một số người đang dùng một số thuốc như thuốc lợi tiểu thiazide chữa cao huyết áp; thuốc chống dị ứng, thuốc kháng sinh tetracycline, chống trầm cảm, thuốc trị trứng cá tetrinoin... Hóa chất trong các dược phẩm này tạo ra các thay đổi trong cơ thể khiến cho con người trở nên nhạy cảm với tia nắng.

Nên nói với bác sĩ coi lại các dược phẩm đang dùng và đổi thuốc, nếu có thể được.

10- Da mặt nhợt nhạt, móng tay xanh

Nhiều người, đặc biệt là quý vị cao niên thường có lớp da mặt và da lòng bàn tay bì nhợt nhạt và lớp mô bào dưới móng tay nhợt xanh. Họ ở trong tình trạng thiếu máu thường là do thiếu khoáng chất sắt hoặc xuất huyết bao tử. Môi miệng, nướu răng cũng mất màu hồng thường lệ. Ngoài ra họ cũng bị mau mệt, nhức đầu, chóng mặt, hụt hơi thở. Nên hỏi ý kiến nhà dinh dưỡng để bổ sung chất sắt cũng như gặp bác sĩ để tìm ra nguyên nhân gây ra các dấu hiệu trên da này rồi điều trị.

11- Bắp chuối nổi gân xanh loảng ngoảng

Đó là những mạch máu ở bắp chuối đã mất tính đàn hồi, giãn mở rộng ra và chứa đầy máu gọi là bệnh căng giãn tĩnh mạch varicose veins.

Bệnh thường thấy ở nữ nhiều hơn nam, cao tuổi nhiều hơn thanh niên. Phụ nữ có thai, người mập phì, người phải làm công việc cần đứng lâu thường hay bị bệnh này. Tĩnh mạch dẫn máu từ dưới chân về tim. Sức căng của bắp thịt ép vào mạch máu, sức đàn hồi của tĩnh mạch cùng những chiếc van một chiều trong tĩnh mạch giúp máu lưu thông ngược lên trên. Nếu vì lý do gì mà các thành phần hỗ trợ này suy yếu, máu tụ lại trong tĩnh mạch, giãn căng ra. Thế là ta bị varicose veins. Đi lại sẽ khó khăn và đau.

Cần đi bác sĩ để điều trị kéo biến chứng như máu cục, tắc nghẽn lưu thông máu chi dưới có thể xảy ra.

Trong khi chờ đợi, ra tiệm thuốc tây mua đôi vớ đàn hồi, ép tĩnh mạch để tránh ngưng tụ máu ở bắp chuối; tránh nâng nhắc vật nặng, tránh đứng lâu...

12- Da bị tróc

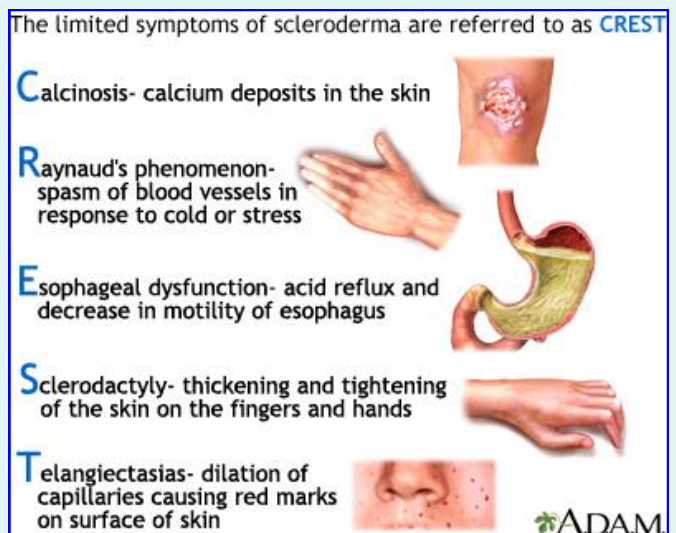
Từng mảng biểu bì bị tróc khỏi da thường xảy ra trong bệnh suy chức năng tuyến cận giáp

(hypoparathyroidism), bệnh nấm biểu bì (ringworm), bệnh vẩy nến (psoriasis).

13- Bàn chân bàn tay lạnh giá

Nhiều người than phiền sao bàn tay bàn chân giá lạnh, mất cảm giác, da đổi màu khi thời tiết lạnh hoặc khi tâm thần căng thẳng, thì được bác sĩ giải thích rằng, đây có thể là hiện tượng Raynaud, xảy ra khi máu lưu thông tới các nơi này giảm vì mạch máu co lại hoặc bị tắc nghẽn.

Bệnh thường thấy nhiều hơn ở phụ nữ và người trung niên tuổi từ 15-30 sống nơi thời tiết lạnh. Da đang màu hồng đột nhiên chuyển sang trắng bệch rồi xanh cộm thêm cảm giác tê tê kéo dài cả nửa giờ. Hiện tượng giá lạnh này cũng xảy ra ở mũi, môi, tai, núm vú. Nguyên nhân chưa biết rõ, có thể là do lupus ban đỏ, vữa xơ động mạch, thấp khớp, xơ cứng bì (scleroderma).



Cần đi bác sĩ chuyên môn để được điều trị.

Giảm thiểu rủi ro khiến bệnh xảy ra như dừng hút thuốc lá, giảm cà phê, bớt căng thẳng tinh thần, nâng vận động cơ thể, không đi chân đất, tránh thương tích cho bàn tay bàn chân; không mang tất quá chật, tạm thời tháo nhẫn. Khi lên cơn, đặt bàn tay vào nách, xả nước ấm lên bàn chân bàn tay, massage thoa bóp cho máu lưu thông.

Trên đây là mới kể sơ qua mấy biểu hiện trên da của một số bệnh nội tạng. Cho nên, nếu chỉ dành dăm mười phút quan sát da là ta đã tìm ra một vài dấu hiệu bất thường. Nhưng xin chớ tìm cách bôi che tẩy xóa nơi mỹ viện mà nên cho bác sĩ của mình hay.

Vì bất thường có thể báo động một bệnh nào đó trong cơ thể.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

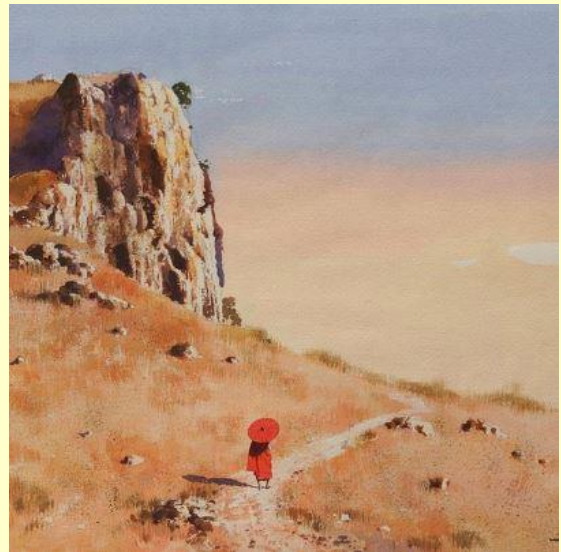
thơ TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

NẮNG MƯA LÀ BỆNH CỦA TRỜI

Bà già nghèo khổ quá trời
Cùng hai con gái sống đời khó khăn
Hai cô buôn bán kiếm ăn
Suốt ngày vất vả, quanh năm muộn phiền.
Cô con lớn bán nhang đèn
Cho người đi lễ, ở trên cửa chùa,
Cô kia lại bán ô dù
Trước trường học nọ, khách mua không nhiều,
Mẹ con quả thật gieo neo
Long đong kiếp sống, buồn thiu cõi lòng.
Lão bà lo ngại vô cùng
Rồi theo thời tiết xoay vòng đổi thay
Luôn gây ảnh hưởng không hay
Khiến bà nghĩ ngợi, lo ngày lo đêm.
Những hôm mưa gió liên miên
Cô con gái lớn nhang đèn ế ngay
Người đi lễ Phật vắng thay
Bà già rầu rĩ héo đầy ruột gan.
Những hôm nắng đẹp hanh vàng
Cô con gái nhỏ cửa hàng vắng teo
Dù kia ế ẩm. Thêm nghèo!
Bà già lo lắng đủ điều mãi thôi
Trong tâm bà lão rối bời
Nào phiền theo với chuyện trời nắng mưa.
Một ngày nọ gặp nhà sư
Bà bèn trút hết tâm tư muộn sầu
Nỗi lòng u uẩn bấy lâu,
Sư bèn khuyên nhủ đôi câu chân thành:
"Đổi thay suy nghĩ của mình
Chuyện trời mưa nắng thường tình sá chi
Cuộc đời sẽ hết sầu bi
Sẽ vui hơn nếu nghĩ suy đúng đường!
Hôm nào nắng đẹp phố phường
Trên chùa nhiều khách thập phương ra vào
Bà nên vui sướng biết bao
Nhang đèn bán hết, dạt dào niềm vui!
Hôm nào mưa gió dập vùi
Bà con ngoài phố tới lui ướt người
Hàng dù đắt tựa tôm tươi
Thì bà cũng lại sướng vui vô cùng!

Thế là nếu cứ nhìn chung
Bà còn may mắn đáng mừng hơn ai
Vì rằng mưa nắng mặc trời
Hai cô con gái kiếm lời luân phiên!"
Sư nói phải, bà lặng yên
Ngâm ra có lý bà liền theo ngay
Kể từ khi đó hàng ngày
Nghĩ suy theo cách chỉ bày của sư
Niềm vui về ngập tâm tư
Gia đình thoải mái hơn xưa bội phần
Ấm êm, hoan hỷ vô ngần
Mặc cho mưa nắng xoay vần trên người,
"Nắng mưa là bệnh của trời"
Mặc trời! Bà cứ thảnh thơi! Lo gì!
Nội tâm khi chuyển hóa đi
Nhìn đời tốt đẹp, sâu bi chẳng còn!

(phỏng theo tập truyện văn xuôi
NHỮNG HẠT ĐẬU BIẾT NHẢY
của Lâm Thanh Huyền, Phạm Huệ dịch)



MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÍ ĐỎ KHO PHỔ TAI ĐẬU ĐỎ

Đây là một món ăn thực dưỡng, không đường, không bột ngọt, rất bổ dưỡng :)



Bí kho chưa nêm Tekka hay Miso

Nguyên liệu:

Cho 1 người ăn/1 ngày (trích từ thực dưỡng-Thầy Tuệ Hải @ chualonghuongttai.com.vn):

- 1 nắm đậu đỏ, luộc sơ, chặt bỏ nước.
- 5 g phổ tai (một người chỉ được ăn từ 5-10 g phổ tai (rong biển) trong 1 ngày, tức là 100g phổ tai chia làm 10 hoặc 20 phần), P dùng rong biển khô, ngắt một khúc cỡ ngón tay cái, ngâm mềm, rửa sạch, xắt sợi hay tùy ý.
- 200 g bí đỏ, xắt cục.
- Dầu ăn, muối, tương Miso.

Cách nấu:

Đậu đỏ sau khi đã luộc sơ, cho vào nồi đất nấu với rong biển khoảng 60 phút hay khi đậu mềm là được.

Thường thì khi tắt bếp nên để đậu trong nồi đậy nắp lại từ 30 phút trở lên thì đậu mới mềm ngon. Nhưng nếu dùng đậu để nấu tiếp món khác thì không cần.

Nồi hỗn hợp đậu này nấu 1 cup đậu với 1.5 tô nước. Nấu nhiều để làm món khác nữa. Nếu nêm đường phen thì thành chè đậu đỏ rong biển, nêm muối thì thành canh, còn không nêm muối để dành nấu món bí đỏ kho và để nấu cơm lức, rất bổ.



Đậu đỏ và rong biển

Khi đậu mềm, bắc chảo lên bếp cho chút dầu vào, chờ nóng, đổ bí đỏ vào xào đến khi chảo khô thì cho lượng muối vừa đủ vào, xào cho muối rút tinh chất ngọt từ bí tươm ra ướn chảo (nếu không thì rưới chút nước đậu đỏ vào) rồi đổ hỗn hợp đậu đỏ rong biển, vào nấu với lửa nhỏ khoảng 10 phút là bí chín, đánh một ít tương miso rưới lên (coi chừng bị mặn vì đã nêm muối khi xào) và cho vài giọt dầu mè vào trộn đều, tắt bếp cho ra đĩa, rất thơm ngon, phổ tai mềm rục và không tanh mùi rong biển. Hoặc có thể cho nhiều chút nước đậu vào nấu thành món canh...

Ghi chú:

Khi sử dụng đến đậu, buộc phải nấu sôi sơ, chặt bỏ nước đầu rồi mới đổ nước lại nấu. Đậu đỏ mà không nấu với phổ tai thì đậu đỏ không bổ, vì phổ tai là âm, đậu đỏ là dương, âm dương tương tác nhau nó kích hoạt, kích thích các tinh chất từ trong phân tử của đậu đỏ ra bên ngoài. Nếu nấu đậu đỏ mà không có phổ tai thì nó không phát huy hết tất cả những chất bổ dưỡng ra bên ngoài để cơ thể chúng ta hấp thu. Vì vậy nấu có đậu đỏ là phải có phổ tai. Khi dùng dầu mè và tương Miso nêm đồ ăn, dầm tương với ít nước cho tan, cho vào đảo đều là tắt bếp ngay, không thổi sẽ hết bổ. Nếu chưa ăn liền thì khoan hãy nêm (thực dưỡng - Thầy Tuệ Hải @ chualonghuongttai.com.vn)

GIA PHƯỢNG

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.



Dấu hoa vụn cây

NGUYỄN VĂN SÂM

Tặng người khi đọc thấy mình trong này. (NVS)

1. Chiều xuống lần bằng ánh nắng hắt hiu từng phút trụi phủ dãy nhà trước mặt. Thần thờ tôi ngó băng quơ ra đường. Bỏ ăn. Ba nói kệ nó, nó làm nư đó thôi. Đói bụng thì cấm cửa cũng mò vô. Má nói tội nghiệp con, xưa ai cấm ông. Ba liếc vô chỗ tôi ngồi nói là thương con mới quyết định như vậy. Người ta nói theo sách chớ ghét bỏ gì nó sao!

Mây chiều trên cao lơ lửng u u mờ mờ như đời tôi. Không biết rồi sẽ ra sao. Có đứa sinh viên chạy xe máy ngang nhà thấy cô giáo ngồi trước cửa ừ ừ, khựng lại như muốn ghé chào, không biết nghĩ sao lại gật đầu chạy thẳng. Ngó theo mà tiếc. Nếu nó ghé lại chắc là đỡ buồn vì ba sẽ thấy con gái mình đã là người lớn, không cần phải vủ khư khư trong khạp gạo kiểu chuối non bấy lâu nay.

Tôi không thèm dò bài mặc dầu sáng mai sẽ lên lớp với 2, 3 bài giảng khác nhau, lại là loại mình không thích mấy. Chắc sẽ có vấp vấp thôi.

Con chó mực hực hực rồi chồm dậy hăm hờ chạy ra mừng. Anh ta khệ nệ ôm cái chậu hồng trên đó chỉ đơn độc một bông rục rở, mấy nhánh lá tìa coi bắt mắt theo kiểu Nhứt Bốn chưng hoa. Tôi đứng lên xớ rớ, anh đi ngang nheo mắt. Bông này tôi thích lắm, có thể nói là yêu: Cẩm Hồng, Cẩm Hồng! Làn nào có hoa hồng gấm mịn màng này trong tay lòng tôi cũng rung động. Anh nói nhỏ: Bông này

là em đó! Tôi ngó theo bộ đi cẩn thận với chậu bông mà tội nghiệp anh chàng.

Anh trịnh trọng đưa cho Ba. Cháu biểu bác. Chăm sóc cây suốt năm bông mới đẹp như vậy. *Dấu hoa vụn cây* mà bác.

Ba lờ mắt ngó. Chắc là không hiểu. Anh lờ đi, đưa tay vuốt ve từng cánh hoa rồi rút trong túi ra cái *bay* nhỏ xới xới đất. Chăm chỉ. Anh xin một chút nước rắc lên hoa còn bao nhiêu tuổi vô gốc.

Làm như vậy nghĩa là *dấu hoa vụn cây* đó bác. Miệt dưới con, trong sâu, nhiều khi người ta nói *dấu* thay vì *thương* hay *yêu*. Như ta nói yêu dấu. Vụn gốc hoa, ai thương hoa mà chẳng vậy. Anh lại ngó tôi. Tiếc mình không được như con Mực, tới quẩy đuôi chào mừng rồi cọ mình cọ mấy vô ống quần anh.

Ba chắc đã hiểu, nói rằng từ giờ cậu đừng tới thường. Để em nó ngó ngoài. Để cậu dễ chọn đường khác. Dạ, khó quên lắm bác. Con đường con đi không có ngã rẽ ngang nào. Có, con cũng lấy đá xây tường lên lấp kín. Bác là cây. Mỹ là hoa. Con kính trọng bác. Bác dạy con xin để bụng nhưng bác cho con được tới chăm sóc cái hoa này.

Anh lẻo mép thiệt tình!

Nghĩa là chúng tôi đã chặt không đứt, bứt không rời. Chỉ tội gặp phải lời nguyện của tên Tàu khựa

chết bầm nào đó cả ngàn năm trước ứng vô miệng lão thầy bói thú!

Ba kiểm chuyện bỏ vô nhà, móc thuốc hút liên tu kỳ sự. Tôi ngó anh ta cười buồn. Càng giận lão đã tin theo một cuốn sách viết đầu từ một thế giới xa xưa làm hại bao người.

2. Má biểu đi tới thầy Tám để coi tuổi hai đứa. Tôi không tin cái chuyện tuổi tác này. Âu Mỹ họ có coi bói coi ngày đầu mà lâu nay tí tí cặp sống với nhau tới 8, 9 chục, ngon ơ. Nhưng biểu đi là đi. Tôi có thể nhẹ nhàng phản ứng với ba nhưng không bao giờ làm sái ý mẹ. Trời ngoài kia sáng đẹp kinh khủng. Một anh thanh niên nhào tới chào mời mua giấy số. Má nói sáng sớm ra ngõ gặp mừng này hên! Chắc mèm là buổi bói có lợi cho hai đứa bây.

Lão thầy nghe khai tuổi Dần Thân thì xua tay nói khỏi coi nữa. Dần Thân Tỵ Hợi tứ hành xung, ở không nát chiếc chiếu thì có đứa 'ở giá'. Lão nói mà chẳng có một sát-na nào nghĩ tới tác động tai hại của nó. Má năn nỉ lão lấy sách coi thì lão giận nói sẵn mình làm thầy cả đời chẳng khi nào sai, coi ngày giờ thì có khi còn cần sách, coi tuổi thì nằm lòng. Lão nói vậy mà nghe được! Sao không coi tuổi tốt xấu cho thẳng con út để nó chạy xe lảng tránh bị đụng gãy giò đương cà nhắc với bộ mặt méo xeo ngoài sân?

Bác Tám xin coi kỹ giùm tụi con.

Kỹ là làm sao?

Giọng ông thầy lên cao, không thân thiện chút nào. Tôi *nhân ga* luôn, kể chuyện. Xưa có ông thầy thuốc lật sách để chữa bệnh cho người đau bụng. Sách viết: *Phúc thống phục mã tiền*. Ông ta cho uống *mã tiền* thì bệnh nhưn chết ngắt cù đèo. Người nhà bắt đên, ông ta nói mình trị theo sách, rồi gỡ sách ra đọc cho họ nghe, ai dè lật qua trang sau có chữ *tắc tử* ông ta giả lơ như không thấy.

Để ý khi tôi kể chuyện thì lão lật từng tờ cuốn sách bói cũ nát của mình, không biết sách viết gì trong đó.

Ba làm thình một lúc lâu kêu mẹ con tôi về. Tao không gả là không gả, không có cưới hỏi gì hết. Tao không muốn mất con hay là con tao chết chông sớm như cô Tư nó.

Ba đọc đoán, không cần biết con mình thích hay không. Nhớ lúc nhỏ bệnh ban đỏ, má mua con gà ác về nói hầm cho con Mỹ ăn bổ, lại sức. Tôi nghiệp con vật, tôi khóc đòi để đó nuôi. Bỏ nó trong cái thùng sữa, lót quần áo cũ cho ấm. Cơm trắng cho ăn, canh ngon cho uống. Mấy ngày, con vật cứ rũ rồi chết từ từ. Chắc tôi rồi cũng sẽ như con gà ác đó thôi.

Tình yêu của con, tương lai của con, con đừng lo, để ba lo giùm cho! Sao nói giống như trên đài, không khác gì trong báo! Tưởng sao! Ai ngờ ba nhờ lão già chậm chạp mắt lờ đờ kia cố vấn. Lão lại nhờ cuốn sách chết tiệt cũ ba mươi đời vương với mấy câu thiêu vớ vẩn nọ cố vấn lẫn nữa. Cuối cùng chỉ có tội nhỏ bé miệng là nát ruột tàn đời!

Mã làm thình hèn lâu mới buột miệng rầy. Con là cô giáo sao nói không ý tứ gì hết. Làm ông thầy Tám sượng trân. Tôi ngờ ra đường, biết bao nhiêu là cặp tuổi cỡ sinh viên của tôi, hay trẻ hơn nữa, ôm eo ếch nhau lượn xe trên đường như mắt cú. Chắc từ nay về sau muốn bồi đắp cho tình yêu, chúng tôi phải lén lút. Biết bao nhiêu cặp khổ vì cái câu thiêu *tứ hành xung*

kia, biết bao nhiêu con gái tuổi Dần *ông chề* vì bị cắt nghĩa mình mang cái vĩa cạp cái. Chẳng biết mấy ngàn năm trước cái ông Tàu phù thất nghiệp nào đó dựa trên thống kê gì để phán chắc như đinh đóng cột kiểu này. Coi như lời nguyên trừ éo phù thủy Tàu để hớ hênh, ông cha ngớ ngẩn của mình cũng về đặt lên tương lai con cháu! Chán chết tới không thèm mở miệng suốt đường về. Muốn nói gì đó với má cho quên chuyện trắc trở cũng không nhếch mép nổi.

Ba an ủi rằng là ba lớn ba biết, rằng là thiên hạ thiếu gì người hạp tuổi mình, rằng áo mặc không qua khỏi đầu. Rằng... rằng... thì là... Tôi bắt đầu niệm Nam Mô A Di Đà Phật ba trăm lần để tạ niệm không vô trí, để ngoài cảnh đứng bên ngoài thân tôi. Để giết âu sâu.

Và bỏ ăn luôn cả chiều hôm đó, uống chút xíu sữa trước khi ngủ, cũng không dám nghĩ tới tương lai của mình và của anh ta.

3. Sinh nhật của anh. Dắt díu nhau tới phường Tương Bình Hiệp ở ngay trong thành phố Thủ Dầu Một của tôi, viếng đình thờ tướng Tống Trấn phải chết ức oan Nguyễn Văn Thành. Chết vì dứa con làm thơ bị hiểu là xúc phạm *trên* và *cố ý* làm loạn. Gia Long cho xử tử cả nhà. Thời độc tài nào cũng vậy, xúc phạm trên hay bị quy chụp *cố ý* chống đối là tử chết tới bị thương. Huống gì cả hai!

Đình khang trang chiếm một khu đất rộng. Sự đô thị hóa chưa lấn tới đây. Khung cảnh trong ngoài đều tĩnh mịch, lá vàng phủ kín một góc sân như đếm bước chân tín khách. Những câu đối, liễn thờ đứng im lìm cũ kỹ chờ người hay chữ đọc, hiểu. Tôi lồm bồm chữ được chữ không, đọc bốn chữ *gia quan tấn tước* (加官晋爵) dán khắp đình mà ngỡ ngỡ như là chữ *tấn* (晋) dùng ở đây không đúng chỗ. Chữ Hán không



*Con cái lớn theo cha mẹ định sẵn.
Tranh Igor Morski.*

phải nghề của em! Phần khác, như có xung lực bên trong khiến bao nhiêu lần tự hứa trau dồi đều bỏ lửng... có điều là những chữ cầu danh cầu lợi như thế này không phù hợp với miếu đình. Phải là những chữ ca tụng anh hùng, nói lên sự bi uẩn vì bị oan ức hay bị hiếp đáp. Xưa triều đình phong thần nhân vật nào thường xét trên lễ đó. Thần trung chính không thời giờ đâu phù hộ cho kẻ tầm thường mong tiến chức gia quan!

Thắp nhang xong anh bước ra ngoài, cúi đầu bước từng bước một trên lá úa xào xạc. Tướng chết oan thường linh hiển, anh nói, đã cầu cho được mình miễn để đối phó với *cái truông tứ hành xung*. Lại cảm thấy hài lòng về sự cầu xin của anh. Cho được mình miễn. Tôi đề nghị đi thêm qua đình thờ văn thần Phan thanh Giản. Cụ Phan cũng là người chết oan ức. Phe vũ khí kém coi bóp bụng giao thành cho phe vũ khí tân tiến được các nước cùng nhóm yểm trợ là đương nhiên. Bên thua cuộc chẳng gì phải nhục nhã, bên thắng cuộc chẳng có gì mà vinh vang. Tướng giao thành phải chết thôi, sống làm sao được với tiếng đời. Anh chàng lừng khừng: Ba giao em cho người khác anh cũng như cụ Phan, về nhà làm thơ tuyệt mệnh.

Tôi hiểu tại sao tôi yêu anh.

Ở cả hai miếu tôi đều không cầu cho mình điều gì. Chỉ cầu cho quốc thái dân an. Chẳng ai tham những yếu sách, chẳng ai bán tương lai dân tộc bỏ túi riêng. Chẳng ai vào đồn công an tự tử. Cá chẳng chết trắng biển trải dài cả mấy trăm cây số kéo theo sự tàn rụi của đảo chim, của bãi hào, của thất nghiệp và đói kém hằng loạt. Chẳng ai bán lương tâm mình để đánh đập người khác vì đồng lương nhỏ nhoi. Tôi buột miệng: Đất nước mình ngộ lắm phải không anh? Câu thơ của cô giáo Lâm bây giờ trở thành câu kết tội. Anh chàng hướng ứng bằng nụ cười buồn: Vâng, người lớn bây giờ ngộ lắm! Độc tài vô lý! Con cái lớn chững nầy rồi mà chẳng cho nó lớn với người ta. Anh chàng ngó thẳng vô người tôi từ trên xuống dưới làm con nhỏ đó mặt quay trở lưng lại. Vẫn cảm thấy như ánh mắt anh đậu đầu đó chỗ không nên đậu.

Cha mẹ phần nhiều nuôi con trong cái lồng ý kiến quan niệm của mình, chẳng chú ý đến chuyện nó là một người riêng biệt, khác mình...Tôi đồng ý điều đó.

Một người đàn bà ồm o trong miếu cụ Phan bước ra nói một mình. Mẹ! Bán máu để sống là đi tắt vô chỗ chết còn bị trả rế mặt. Tụi nó mắc giống gì mà xúm bán nhiều quá. Tôi lắc đầu cảm nhận thương chị ta và thương cho chính mình. Chị lo miếng cơm hiện tại, tôi u buồn về tương lai. Kiểu này thì khi tụi già các con tôi còn rất nhỏ. Ế thường trực mà lý!!!

Người thủ từ đi tới nói nhỏ: Tôi biết sách những người quanh quẩn ở đây: gọi lòng thương của khách vắng lại! Ngừng lại, ngó chung quanh, nói tiếp:

Cô ta than việc bán máu để kiếm thêm chút ít. Má cô siêu lắm. Bán rau tươi bằng dầu nhớt người ta biết *mánh* không mua thì dùng chổi tàu cau quét quét vô rau để tạo dấu ủa dấu lổ như bị sâu vì trông không xị thuốc.

Trước khi đi vô phía trong

ông nói thêm. Thương thì vẫn thương nhưng giận thì giận quá đi chớ!

Bắt rùng mình. Thiên hạ ra chiều siêu thiệt tình. Người bán máu lân la tới, ông thủ từ đi vô. Đói quá. Xin chút tiền ăn cơm! Thấy chị ta xanh xao, cảm lòng không đậu bèn cho tiền đủ ăn vài bữa cơm ngon.

Đọc cho anh nghe câu thơ bán máu rầu thú vị ruột của ai đó khi anh mở máy xe. *Dòng sinh chất cha cho mẹ tạo. Bán cho người đổi lấy cháo rau.* Anh nói khoảng cách giữa giàu nghèo quá đáng không quan trọng bằng đa phần người nghèo không đủ ăn phải làm bậy để sống lây lất. Ngó theo dáng đi thất thiếu của chị ta, tôi nói hay là mình đi ra bến chành lu hóng mát, ngộp thở quá, không biết tại sao.

Chành lu với cơ man nào là lu. Giống như hình vẽ truyện Alibaba và bốn mươi tướng cướp. Tôi thích ra chỗ này ngó mông, nhiều khi đi một mình. Nó như dẫn ta vô thời gian về một hai thế kỷ trước của lò lu lò chén nổi tiếng của xứ Bình Dương cũ đang trên đà tan biến vì tình trạng đô thị hóa thiếu nghiêm cứu tận tường và đa diện.

Lu ở đây nhiều vì qui tụ được sản phẩm của các lò nhỏ trong vùng. Bến nước sâu thuận tiện chuyên chở bằng ghe chài đến miền Lục tỉnh.

Kiểm chỗ mát ít oi ở đây để tránh vùng nắng chưa liếm tới tôi tình cờ đứng kế bên hai người đàn bà đương ngồi chồm hổm dưới đất mỗi người nách một đứa con nhỏ. Họ nói cười râm ran mà mắt ngó liên hồi lên ghe lu. Tôi hỏi làm thân, sao hai chị lại ra đây. Người này ngó người kia. Một người trả lời mắt lộ một chút bên lên. Không ra đây hầu, sau khi làm hết giờ mấy chả rử rê đi nhậu nhẹt hay bày đặt Karaôkê bỏ vợ con ở nhà đói meo. Phải giữ, sung sướng gì mà chò hổ ở đây. Nặng thấy mẹ nội. Có bữa về mết chết dịch!



Tội phì cười. Anh nói nhỏ. Em sau này không cần giữ anh. Anh ngoan từ trong bụng mẹ. Tôi nói với chị ta. Thương thì bỏ qua hết, mình rán kèm họ thôi, như là ban cho họ thêm chút tình thương. Trờ giọng cô giáo ngâm nga ca dao: *Thương trò may áo cho trò. Thiếu đình, thiếu vạt, thiếu hò, thiếu bầu.* Đàn ông bây giờ thiếu chút đạo đức với gia đình cũng như học trò nghèo ngày xưa thiếu áo. Thời thế khác nhưng căn bản giống nhau. Anh ngó tôi than giọng nghe đứt ruột: Anh thiếu tình thương và sự thông cảm của ba.

Những người bàn bà lỗ tròn mắt ngó hai đứa tôi.

4. Chúng tôi hơi khộp khi bước lên chiếc King Yatch vì sự sang trọng của nó. Trước khi đi anh chàng nói là buồn quá hai đứa đi du thuyền cho biết, nghe rằng trên đó có nhiều điều đáng đồng tiền bát gạo. Cô chủ trẻ tuổi kiều diễm của du thuyền và nhân viên đứng trên cầu tàu đón chào từng du khách. Long trọng và thân mật. Khi du thuyền từ từ rời bến chúng tôi cảm thấy mình cũng đương từ từ bỏ nỗi buồn xuống dòng nước trong xanh. Tân Cảng ra xa, khu Hàng Xanh trước mặt, rồi khu Bến Bạch Đằng với những dải lâu của nhà hàng Majestic nổi tiếng cả thế kỷ nay. Sài Gòn trong bóng đèn nhìn từ trên sông mang vẻ kỳ ảo, chập chờn che lấp nỗi man mác trong lòng tôi.

Anh nói để mình hú lên một tiếng lớn trút bỏ đau thương cho cái không gian

rộng lớn mà mình chưa bao giờ được nhìn ngắm. Và anh la lên lớn thiết tình. Tiếng hú dài vọng vang trong không gian hòa với tiếng xập xình nước cuốn của chum vớt tàu. Cô chủ du thuyền nói nhiều người đã làm như vậy. Hình như trước sông nước mênh mông, mới thấy lần đầu con người có khuynh hướng la hú hay cười thiết lớn để chứng tỏ mình có mặt. Sau tiếng kêu hay giọng cười cổ tạo, nổi nặng nề trong lòng chắc chắn sẽ bay tan. Anh nói nhỏ với tôi đó là *Tiểu Liêu pháp* giúp người ta thuyền giảm cơn buồn và từ giây phút này anh không buồn vì chuyện lão thầy bói đọc lời nguyện lên hai đũa nữa, anh tranh đấu để nó không có cơ phát tán.

Gió thổi lạnh khi đứng lâu trên boong. Chúng tôi vào phòng ăn. Người nghệ sĩ chuyên những ngón đàn đàn tộc miền Thượng biểu diễn nhiều thứ đàn độc đáo làm anh chú ý nhưng tôi vẫn còn trầm tư trong thắc mắc rồi đây anh sẽ làm gì. *Dấu hoa vụn cây*. Chắc chắn không chống chọi dữ dằn với ba nhưng làm gì để có kết quả? Năm cánh tay anh bóp mạnh tôi ngó như thăm nói, đừng làm gì thất thổ nha anh. Anh cười.

Người nghệ sĩ của đàn đá, đàn tre, đàn không cần dụng tới nhạc khí, xong buổi biểu diễn độc đáo, chào khách, nói vài câu cảm ơn trước khi rút lui. Cô chủ họ Lưu xin giúp vui khách Việt hôm nay bài vọng cổ không cần đàn đệm cũng chẳng cần loa phách.

Tôi mê đờn ca tài tử từ nhỏ. Vọng cổ đi vào máu huyết nên tôi sửa lại thể ngồi, hình như cũng vánh tai để nghe. Tiếng ca cuốn hút tôi vào tình trạng nhớ da diết sinh hoạt trên sông nước của cô gái suốt tuổi thơ theo cha sống trên ghe, bây giờ có chồng, sống trên đất liền mà hồn mơ về những lúc ghe bập bênh ngày cũ.

Hỏi bản gì mà buồn rười rượi vậy, nghe mường tượng như trần trở triển miên của người con gái mất quê hương

và tuổi thơ kỷ niệm. Anh nhắc đó là bản *Nhớ Sông* nhạc sĩ *Trúc Linh* phổ theo ý trong truyện cùng tên của cô nhà văn nổi tiếng của một tỉnh ở cuối miền đất nước. Tôi nói tổ sư sáng tác Viễn Châu vừa năm xuống, ông Trúc Linh này mới vô nghề không lâu mà bài bản nghe cũng tới quá.

Hai người chủ khách của tàu trao đổi nhau về văn chương, về cổ nhạc, tôi ngồi đó vẫn còn mê man với làn hơi vọng cổ như còn phảng phất trong gió đâu đây... Nhớ tới sự man mác nao lòng khi nghe người bạn tài danh dạy cùng trường cất tiếng hát bài *Sài Gòn niềm nhớ không tên* của một ông nhạc sĩ nào đó ở hải ngoại.

Lạ quá khi lằng lằng buồn thì người ta càng dễ thả hồn đắm chìm theo giọng ca tiếng nhạc. Tiếng nhạc cả trong hiện tại và trong quá khứ.

Trên đường về anh quả quyết rằng mình đã có cách hóa giải sự quyết liệt của ba: nhẹ nhàng, từ từ từng ngày một, nói những điều thấm vào lòng người như bài ca vọng cổ khi này.

Tôi ôm anh sát hơn, nghe hơi ấm thiết nhiều. Sự thành công nào cũng cần thời gian và kế hoạch. Mong cho kế hoạch anh đúng...

Về tới nhà sau một ngày dài lên lớp tôi ngạc nhiên thấy anh và ba chụm đầu trước những bức tranh lớn. Hai người coi bộ tâm đắc, bàn bạc về kỹ thuật bộ tranh vẽ bằng bút lông núi non, mây nước, có những ông già ngồi ngóng trời hay theo dõi một cánh chim xa. Hình như những gì thuộc về văn hóa Trung quốc ba đều ưa thích. Rửa mặt xong định ra góp chuyện thì nghe tiếng ba lên giọng rầy rà. Cậu đừng dạy đời tôi. Tôi có cách dạy con để bảo vệ nó. Anh lượm tập ảnh ba liêng đưa cho tôi mà mặt buồn hiu. Tôi trao cho mẹ. Tranh vừa vẽ vừa chụp mang ý nghĩa của người họa sĩ tài hoa và triết lý Igor Mor-

ski. Bức con người đứng trước tương lai vô định, bức con người chất chứa những điều có hại trong lòng mình, bức đứa con hướng về mẹ, bức con cái bị lớn lên theo khuôn cha mẹ định hình. Tôi biết ba nổi giận vì tấm ảnh này. Mặt ba đỏ bừng, tay run run đốt thuốc. Im lặng là thua sạch túi, cất đầu không lên, anh phản ứng theo cách thế của mình. Gián tiếp.

Khi thấy ba đưa bàn tay lòn vô áo chỗ trái tim, mẹ nói có gì ông cũng từ từ, giận có hại cho tim. *Người thông tim nên để cái tâm mình thiết thoát, thiết hư tâm*. Chúng tôi ngó mẹ cảm ơn. Chưa thấy lời can gián nào hay ho bằng.

Tôi nói thưa ba tối nay cho con đi nội chuyện với giao sư hướng dẫn luận án. Thầy nói tháng này chỉ còn hôm nay thầy ở Bình Dương thôi. Tháng tới phải đi Cần Thơ, tháng sau đi Long Xuyên...

Cha chưa có phải ứng thì mẹ biểu đi mau mau về. Để *thằng* đưa con đi.

Tôi kéo anh ra, và nói nhỏ. Mình đi nhà nghỉ. Xã hội bây giờ lạ quá. Ai cũng nhứt quyết và cố chấp trong việc định hình tương lai giùm cho người khác.

Anh nói âm dương chạm nhau xẹt lửa nha em. Tôi cười, lửa gần rơm không cháy không nám mới chì.

Đây sẽ là lần đầu tiên tôi đi vô chỗ cấm. Không biết rồi đây người ta sẽ *dấu hoa* như thế nào!

Chuyện của tôi chắc làm bạn khó chịu quá phải không?

Nguyễn Văn Sâm

Tháng Tư 2016,
Việt Nam-Mỹ quốc.

(Cảm hứng từ một câu trong sách "Tục ngữ, Cổ ngữ, Gia ngôn" của Paulus Huỳnh Tịnh, 1897)



thở

TẬP THỞ

*Phút giây một hơi thở vào
Như đang lắng xuống xôn xao những lời
Lặng thinh thở ra một hơi
Bước đi nhẹ với mặt trời đang đi.*

HÔM NAY

*Hôm qua hạt lệ thấu canh
Sáng nay đọng lại trên cành, hạt sương
Mắc cỡ vì sao đã buồn...*

*Hôm qua, lắm mộng đêm trường
Hôm nay ngỡ ngác bên đường, bình minh
Hoá ra còn có bóng mình...*

*Hôm qua ngó lên trời xanh
Sợ cái mênh mông làm thành cỏ mộ
Hôm nay nhìn lên lần nữa
Màu xanh ơi để lộng gió lòng tôi*

Ấn thua là ở nụ cười...

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

LEARNING TO BREATHE

The moment I breathe in
the wavering words seemingly sink
Quietly I breathe out
and walk along with the moving sun

TODAY

The sleepless tears last night
become the morning dew drops on leaves
shying away for the past sadness...

After so many dreams last night
I stand coyly at dawn on the roadside
still seeing my shadow...

Gazing up at the blue sky yesterday
I feared the vastness that would become my
tomb grass
Gazing up again today
I see the blue soar high with my windy soul

A smile that counts...

PHAN TẤN HẢI dịch



Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



SAO LẠI LÀ TÔI

Chùa cổ quận vào ngày hội lớn. Khách dập dìu, triều đình cử đại quan về dự. Tăng, tục tranh nhau xin chụp hình và ai ai cũng thấy thế là vinh dự lắm. Thầy ngồi yên bất động; ông ấy ngứa mắt, sanh tâm đổ kỵ:

- Ai cũng đến chụp hình với bốn quan, cơ sao ông ngồi yên?

Thầy cười bảo:

- Sao lại là tôi? phải là ông mới đúng. Quan chụp hình với dân được tiếng thân dân. Tăng tôi chụp với hình với ông thì có ích gì đâu?

Đại quan gục gặc đầu.

GÀN

Chàng trai mặc xà lố, ngực phanh áo đi vào chùa. Thầy tri khách nói:

- Xin quý Phật Tử ăn mặc đàng hoàng trước khi vào chánh điện.

Anh ta lý luận:

- Xưa Nề Hành trần truồng đánh trống mà Tào Tháo còn không bắt tội.

Thầy nghiêm nghị:

- Chẳng ai bắt tội anh, có chăng chỉ là tổn phước của anh thôi! Nề Hành gàn nhưng nếu anh đủ bản lĩnh thì cứ làm theo y.

Anh ta hoàn toàn bị khuất phục, xin lỗi rồi sửa y phục vào chánh điện.

HAI CỬA CÙNG MỞ

Vốn sinh trong gia đình nghèo nhưng nàng lại cao ráo và xinh đẹp, lọt vào mắt ông bầu nổi tiếng; ông ấy lăng-xê nàng và nàng nổi tiếng từ ấy. Những tưởng cửa thiên đàng mở ra cho nàng nào ngờ cửa địa ngục cũng mở theo.

Nàng cặp đại gia, ăn chơi, hút xách, truy hoan quá độ... Chẳng mười năm sau thì suy tàn lại còn mang theo căn bệnh AIDS. Năm chờ chết nàng tâm sự với báo chí:

- Hãy cảnh báo với các bạn trẻ, đừng theo vết xe đổ kéo rồi bị cô phụ, năm cô đơn trong căn phòng cô liêu chờ chết cô quạnh như tôi!

NÓI VẬY CHỨ KHÔNG PHẢI VẬY

Lão tự phụ mình làm đến Tam Công trong triều; biệt thự to nhất vùng, của chìm, của nổi vô số. Để thêm phần uy lực lão cho lột ghế bằng da cộp, chưng ngà voi... Thấy thế giới lên tiếng kêu gọi bảo vệ động vật hoang dã, lão lên tivi hô hào:

- Chúng ta phải bảo vệ, kéo chúng tuyệt chủng. Triều đình luôn quan tâm sâu sát!

Nào ngờ có tay nhà báo đăng hình phòng khách nhà lão, lão điên tiết kêu cấm vệ quân:

- Bắt lấy nó, thẳng phản động dám làm lộ bí mật quốc gia!

QUỲ DẠ XOA

Không biết vì sao đi lạc lên nhân gian, nó chạy quanh quần khắp nơi. Mờ sáng nó vào một lò mổ thấy máu, thịt khắp nơi, tiếng kêu bi thương... nó bỏ chạy ra. Giắc trưa nó vào một ngục thất bí bưng thấy những hình nhân gãy gò, ghê lở... Đến chiều nó đi lạc và kẹt vào giữa một trận chiến đầy bom đạn, mảnh xác người văng tứ tung... Nó tìm đường thoát ra vừa chạy vừa than vãn:

- Những tướng địa ngục

dưới âm phủ, nào ngờ nhân gian cũng có mà còn kinh khủng như thế này!

Những oan hồn người, vật bám theo nó kêu gào:

- Chưa hết đâu, ông nán lại mà xem thêm!

PHƯỚC BÁO NHÃN TIỀN

Nhà nó xào xáo dữ dội. Có khách xa giàu có, nghĩa hiệp thấy vậy cho người vào can thiệp. Người của khách đa tình lấy luôn người nhà nó sanh ra những đứa trẻ hai dòng máu. Sau khi yên chuyện, nhà nó ngược đãi, bạo hành, đuổi những đứa trẻ vô tội kia đi.

- Đồ con ngoại chủng.

Có vài người hảo tâm nhận chúng về nuôi. Ngày kia người khách xa hồi tâm đến rước những đứa trẻ về đồng thời đưa luôn những nhà đã cứu mang chúng về miền đất hứa. Thiên hạ cứ bàn tán hoài:

- Thật đúng là phước báo nhãn tiền.

CÁI NÀO LỢI HƠN

Nhóm thanh niên nhậu nhẹt âm ỉ bên vỉa hè thấy cụ già chạy bộ bên mìa mai:

- Ông già ham sống, tập có ích gì, sao hồng hường thụ đi rồi chết?

Cụ già đứng lại ôn tồn:

- Các cậu nhậu hoài tổn tiền, sanh bệnh, già sinh phiền não. Tôi tập thể thao để khoẻ chứ không phải ham sống lâu, sống sao cho có ích mới là quan trọng.

Nhóm thanh niên nín bật, mặt đỏ gay không biết vì rượu hay vì xấu hổ. Một anh đứng dậy thưa:

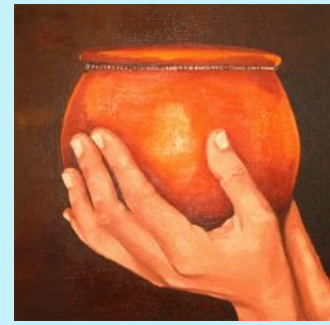
- Chúng cháu xin lỗi cụ.

STEVEN N

Atlanta, 7/2016

PHỤC VỤ NGƯỜI BỆNH - HUẤN CHỈ CỦA NHƯ LAI

Pháp Hỷ



"Vị nào muốn phục vụ Như Lai, vị ấy nên phục vụ những người bệnh."

Chúng ta quen nhìn thấy hình tượng Đức Phật trang nghiêm và ngồi yên vị trên bệ thờ để cho các tín đồ lễ lạy thờ cúng, xin xỏ, nguyện cầu, v.v... Có bao giờ chúng ta cảm nhận rằng Đức Phật của chúng ta thật gần gũi, rất "người," là Bắc Đạo Sư sống giữa đời thường mà chúng ta có thể bắt gặp bất cứ nơi đâu? Hãy đọc Tạng Luật – chúng ta sẽ thấy một vị Thầy bình dị, một người Cha Lành rất thật, rất quen, vẫn luôn ở đâu đây trong thế giới này.

Một thời thể Tôn ở Savatthi, tại Tịnh Xá Kỳ Viên (Jetavana). Một hôm Thế Tôn đi dạo trong tịnh xá cùng với thị giả là đại đức Ananda, ngài thấy một Tỷ kheo già bị bệnh nằm đau đớn trên chính phân và nước tiểu đã bài tiết của mình. Thế Tôn ân cần đến bên người bệnh hỏi thăm bệnh tình và được biết vị Tỷ kheo này đau ốm mà không có người chăm sóc phục vụ. Thế Tôn bảo đại đức Ananda mang nước ấm đến, và bậc Đại Bi đã tự tay tắm rửa cho vị Tỷ kheo bị bệnh, nâng vị đó đặt lên giường và lau khô mình cho người bệnh với sự trợ giúp của đại đức Ananda.

Xong việc, Thế Tôn đã cho triệu tập các Tỷ kheu và sadi trong trú xứ để giáo huấn về trách nhiệm và các phẩm chất cần có để chăm sóc người bệnh.

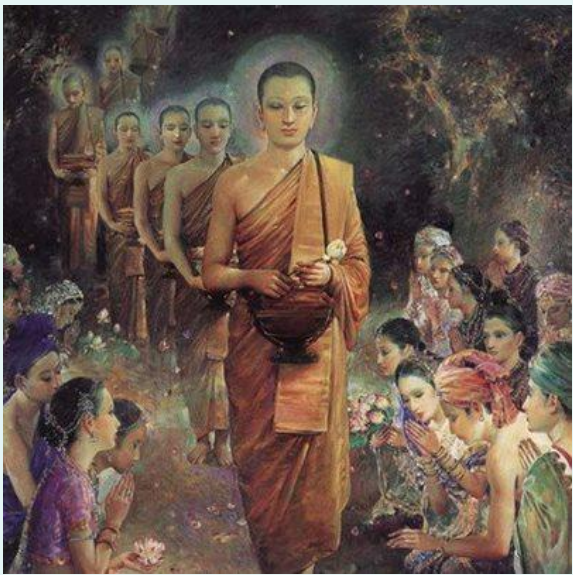
"Này các tỷ kheu, các người không có mẹ, không có cha (hay anh chị em) là những người có thể phục vụ các người. Này các tỷ kheu, nếu các người không phục vụ lẫn nhau thì khi ấy lấy ai sẽ phục vụ đây? **Này các tỷ kheu, vị nào có thể phục vụ ta, vị ấy nên phục vụ những người bệnh.** Nếu có thầy tế độ, thầy tế độ nên phục vụ đến hết đời hoặc nên chờ đợi

vị ấy được hồi phục. Nếu có thầy dạy học, thầy dạy học nên phục vụ... Nếu có đệ tử, người đệ tử nên phục vụ... Nếu có học trò, người học trò nên phục vụ... Nếu có vị đồng thầy tế độ, vị đồng thầy tế độ nên phục vụ... Nếu có vị đồng thầy dạy học, vị đồng thầy dạy học nên phục vụ ... Nếu không có thầy tế độ, hoặc thầy dạy học, hoặc người đệ tử, hoặc người học trò, hoặc vị đồng thầy tế độ, hoặc vị đồng thầy dạy học, hội chúng nên phục vụ; nếu không phục vụ thì phạm tội *dukkata* (tác ác).

Này các tỷ kheu, vị bị bệnh là khó phục vụ khi hội đủ năm điều: Là vị không làm việc cần làm; là vị không biết sự vừa phải trong việc cần làm; là vị không quen dùng dược phẩm; là vị không giải thích cho người phục vụ bệnh nhân – người luôn muốn điều tốt đẹp cho vị ấy, một cách rõ ràng, đúng theo thực trạng như (bệnh) đã tăng thêm là "(Bệnh) đã tăng thêm," (bệnh) đã giảm là: "(Bệnh) đã giảm," (bệnh) ổn định là: "(Bệnh) ổn định"; là loại người không chịu đựng được các cảm thọ khổ trên thân, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, có cảm giác như sắp chết. Này các tỷ kheu, người bệnh hội đủ năm điều này là khó phục vụ.

Này các tỷ kheu, vị bị bệnh là dễ phục vụ khi hội đủ năm điều: Là vị làm việc cần làm; là vị biết sự vừa phải trong việc cần làm; là vị quen dùng dược phẩm; là vị giải thích cho người phục vụ bệnh nhân – người luôn muốn điều tốt đẹp cho vị ấy - một cách rõ ràng, đúng theo thực trạng như (bệnh) đã tăng thêm là "(Bệnh) đã tăng thêm," (bệnh) đã giảm là: "(Bệnh) đã giảm," (bệnh) ổn định là: "(Bệnh) ổn định"; là loại người chịu đựng được các cảm thọ khổ trên thân vốn khốc liệt, sắc bén, gay





gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người. Nay các tỳ khưu, người bệnh hội đủ năm điều này là để phục vụ.

Nay các tỳ khưu, người không thích hợp để phục vụ bệnh nhân là vị hội đủ năm điều: Là vị không có khả năng để phân phát thuốc men; không biết điều gì cần làm và điều gì không cần làm, làm điều không cần thiết và không làm điều cần thiết; phục vụ người bệnh vì mục đích tài vật và không có tâm từ; ghê tởm việc dọn dẹp nước tiểu, phân, nước giải, vật nôn mửa; không có khả năng để chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho người bệnh bằng bài Pháp thoại tùy lúc tùy thời. Nay các tỳ khưu, người phục vụ bệnh nhân hội đủ năm điều này là không thích hợp để phục vụ người bệnh.

Nay các tỳ khưu, người thích hợp để phục vụ bệnh nhân là vị hội đủ năm điều: Là vị có khả năng để phân phát thuốc men; biết điều gì cần làm và điều gì không cần làm, không làm điều không cần thiết và làm điều cần thiết; có tâm từ và phục vụ người bệnh không vì mục đích tài vật; không ghê tởm việc dọn dẹp nước tiểu, phân, nước giải, vật nôn mửa; có khả năng để chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho người bệnh bằng bài Pháp thoại tùy lúc tùy thời. Nay các tỳ khưu, người thích hợp để phục vụ bệnh nhân hội đủ năm điều này."

(Vinaya Pitaka, Mahavagga II - Tạng Luật, Đại Phẩm quyển II, dựa vào bản dịch của Tỳ khưu Indacanda, NXB Tôn giáo 2014; Thông điệp tương tự cũng xuất hiện trong Chinese Dharmaguptaka Khandhaka T22 no. 1428 p. 849b11-T22 no. 1428 p. 866b23).

Tỳ khưu ni Pháp Hỷ - Dhammananda

Viết tại Khemarama, Châu Đức, Bà Rịa
PL 2560 (25/06/2016)

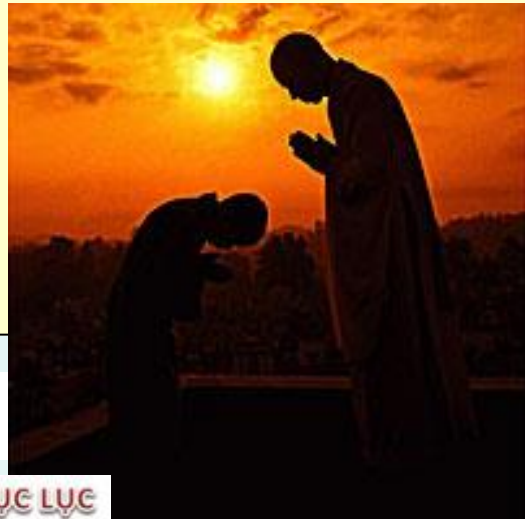
KHÔNG ĐỀ

(Kính tặng chư vị đạo hữu
độc giả báo Chánh Pháp)

*Từ khi tiễn bước người về,
Tụng kinh siêu độ mà tê tái lòng.
Ta-bà người đã hoàn Không!
Sao ta chấp Có, trăm luân tự mình!
Đạo đấng nổi bậc hành trình
Một giây xao động dặm nghìn thân xa!
Người đi để lại cho ta
Pháp luân gãy trục, đạo xa thế trần!
Đưa tay cô niu Kim Thân
Rưng rưng nước mắt, bụi hồng đã vương.
Hành trang Tứ Lượng lên đường
Trăm trang Bát-nhã, tình thương vào đời...*

*Từ bi chưa dụng đã rơi!
Chân tâm mới chớm cũng rời từ ta!
Chấp tay nguyện Đức Di Đà
Cầu xin quang chiếu Ta-bà sáng lên
Ôi Ánh Đạo hai nghìn năm
Ai đem phụng cúng xa xăm đỉnh đồi!?
Ở đây sanh chúng chơi vơi
Đâu chơn, đâu giả? Đâu người, đâu ta?
Rủ nhau ôm góc liên tòa
Tuông an phàm tánh, tìm ta chơn thân!
Tình, mê chơi với Có-Không
Bỏ đề hạ rụng Chủ Ông xa mình.
Trở về ngôi tụng Chân Kinh
Bồng ta liễu ngộ... hành trình quê cha
Cội nguồn mây dặm sơn hà
Bước chân khắp khênh chiều tà đang dâng...
Cô đơn một bóng đường trần
Lần theo tiếng vọng trong tâm tìm về...*

thơ LÝ LÃO NHÂN



LÀM MẸ VỚI TÂM LÒNG CỦA PHẬT

Buddha Mom / Être une "Maman Buddha"

Jacqueline Kramer - Sanitsuda Ekachai

Hoang Phong chuyển ngữ



Jacqueline Kramer (một người mẹ)
Sanitsuda Ekachai (Biên tập viên báo Bangkok Post)



LÀM MẸ VỚI TÂM LÒNG CỦA PHẬT Buddha Mom Jaqueline Kramer- Sanitsuda Ekachai Hoang Phong chuyển ngữ

Nuôi nấng một đứa con là cả một sự hy sinh thiêng liêng, một tấm gương phản ánh lòng vị tha. "Hãy làm cho hạt giống nở hoa tại nơi mà mình gieo xuống", đây là câu châm ngôn của bà Jacqueline Kramer. Bà luôn tin rằng bất cứ một người mẹ nào cũng có thể đạt được giác ngộ trong gian bếp của mình, dù phải nấu ăn hay rửa bát.

Bà là tác giả của quyển sách "Buddha Mom" (Người mẹ Phật) nêu lên việc tu tập tâm linh và nuôi nấng con cái. Bà đọc được câu châm ngôn trên đây từ một tấm bích chương trong khi tham dự một khóa ẩn cư cách nay đã nhiều năm.

"Tôi nghĩ rằng chẳng cần đi đâu xa, cũng chẳng cần phải theo học các khóa luyện tập với các kỹ thuật kỳ quái và lạ lùng, tôi cũng có thể đạt được giác ngộ nơi mà tôi đang hiện hữu, ngay trong lúc này, bằng cách cứ đảm đương vai trò làm mẹ và quán xuyến công việc nội trợ trong gia đình."

Tình mẫu tử thường được mọi người đề cao chẳng qua cũng chỉ là để che đậy các ước vọng riêng tư của người phụ nữ mà thôi. Quán xuyến gia đình và dọn dẹp nhà cửa thường được xem là các công việc tầm thường, phản ánh sự từng phục và yếu kém của người phụ nữ. Thế nhưng đối với bà J. Kramer thì việc nuôi nấng con cái là cả một sự tu tập tâm linh thật tuyệt vời.

Bà cho biết: "Tình mẫu tử cũng có thể ví như một chiếc bình tuyệt đẹp chứa đựng đạo đức mà tất cả chúng ta đều cần đến trong việc tu tập tâm linh của mình. Nếu các nam và nữ tu sĩ thuộc các tín ngưỡng khác nhau dốc lòng phát huy tình thương yêu vô điều kiện, tham gia vào các công tác bất vụ lợi, khơi động lòng nhiệt huyết, niềm hân hoan vì hạnh phúc của kẻ khác, cũng như khả năng buông xả của mình, thì trên thực tế cũng chẳng khác gì như một người mẹ thực thi bổn phận mình trong cuộc sống thường nhật".

Nếu một người mẹ, dù phải xả thân nuôi nấng con cái, nhưng đồng thời biết phát huy

Lời giới thiệu của người dịch

Dưới đây là phần chuyển ngữ bài báo của một nữ ký giả và biên tập viên người Thái Sanitsuda Ekachai trên báo Bangkok Post về một phụ nữ Mỹ thật phi thường là bà Jacqueline Kramer. Bà từng là một ca sĩ có tiếng, từng đọc diễn trên các sân khấu ở San Francisco, nhưng đã hy sinh tất cả để nuôi con nhờ vào tâm Phật bên trong lòng bà. Bà tin rằng một phụ nữ nuôi nấng con cái, làm bếp, dọn dẹp nhà cửa cũng có thể đạt được giác ngộ.

Bài báo của nữ biên tập viên Bangkok Post với tựa *Spiritual Mothering*, chủ yếu được dựa vào một quyển sách nổi tiếng là *Buddha Mom* của bà Jacqueline Kramer. Bài báo cũng đã được dịch sang tiếng Pháp với tựa *Être une maman Bouddha* và đã được đăng tải trên nhiều trang mạng. Bài chuyển ngữ dưới đây được dựa vào cả hai bản tiếng Anh và tiếng Pháp và cũng là bài thứ 6 thuộc loạt bài "Phật giáo và người Phụ nữ":

Bài 1: **Phật giáo và người phụ nữ: một sự nghịch lý hay mâu thuẫn** (Philippe Cornu)

Bài 2: **Phụ nữ và nữ tính trong Phật giáo** (Dominique Trotignon)

Bài 3: **Con đường của sự quyết tâm** (Ilan Dubosc)

Bài 4: **Tenzin Palmo: Một nữ du-già nơi xứ tuyết** (Dominique Dutet)

Bài 5: **Phụ nữ và Phật giáo** (Gabriela Frey)

Bài 6: **Làm mẹ với tâm lòng của Phật** (Jaqueline Kramer- Sanitsuda Ekachai)

một tâm linh tinh thức (*pleine conscience/ mindfulness/chánh niệm*) - có nghĩa là thường xuyên quán thấy được tất cả mọi sự vật đều hiện ra và biến đi một cách thật tự nhiên, và không để mình bị lôi cuốn bởi sự trôi sụp của xúc cảm - thì nhất định sẽ thực hiện được nhiều thăng tiến trên đường tu tập tâm linh của mình.

Bà J. Kramer là một người mẹ độc thân, tác giả quyển sách "*Buddha Mom: The path of Mindful Mothering*" (*Làm mẹ với tấm lòng của Phật: Nuôi con bằng Con đường Tâm linh tinh thức*) dựa vào các kinh nghiệm của chính mình và đã giúp được nhiều người mẹ khác biết áp dụng việc tu tập tâm linh vào cuộc sống của họ.

Gần đây bà J. Kramer đã được trao tặng giải thưởng "Những người phụ nữ Phật giáo phi thường" (Outstanding Buddhist Women), và bà cũng đã thiết lập được trên mạng các chương trình giảng dạy miễn phí dành cho những người mẹ mong muốn được tu tập tâm linh và tìm hiểu sâu xa hơn về Giáo Huấn Phật giáo, và cùng chia sẻ kinh nghiệm với nhau, tùy khả năng và thời giờ của mình.

Với mái tóc bạch kim và chiếc áo giản dị màu hồng nhạt trên người, bà J.Kramer qua đôi mắt lấp lánh phản ánh một niềm hân hoan thật tươi mát, đã thuật lại trường hợp nào đã giúp bà đến với Phật giáo và ý thức được tầm quan của thể dạng tâm linh tinh thức đối với một người mẹ phải nuôi con.

Bà J. Kramer cho biết mình sinh ra trong một gia đình Do Thái giáo và được may mắn có một người mẹ thật hiểu biết, cho phép mình và cả anh trai mình được tự do tìm hiểu về các vấn đề tâm linh. Chính người anh của bà là người đầu tiên giúp bà quán thấy được sức mạnh mang lại từ phép luyện tập tâm linh tinh thức: "Tôi nhận thấy anh tôi sau một khóa ẩn cư, đã trở về nhà với một gương mặt rạng rỡ và thanh thản. Do đó tôi cũng muốn thử xem sao. Thế rồi một sự an bình đã hiện ra với tôi khiến tôi vô cùng kinh ngạc".

Bà J. Kramer bắt đầu học hỏi giáo huấn Phật giáo, và nhờ đó bà ý thức được rằng thiền định không phải chỉ là một phép luyện tập nhằm mang lại sự thư giãn mà là cả một phương pháp tu tập tâm linh giúp quán triệt được quy luật vô thường của thiên nhiên hầu giúp mình vượt lên trên sự quán thấy sai lầm về ý nghĩa của cái tôi và cái của tôi. Sự quán thấy ấy mạnh đến độ khiến bà chỉ muốn xuất gia, thế nhưng vị thầy chỉ dạy bà về thiền định khuyên bà nên nêu cao tấm gương cho những người phụ nữ thế tục chủ gia đình khác trông vào, và lý tưởng đó cũng đã trở thành sứ mạng của cả đời bà.

Bà lập gia đình rồi mang thai, và lúc đó thì bà cũng đã luyện tập phép thiền định về tâm linh tinh thức được ba năm. Giữ tâm mình luôn trong thể dạng tinh thức trong từng giây phút của hiện tại là một cách giúp người phụ nữ loại



bỏ được mọi sự sợ hãi và lo âu trong khi thai nghén. Dịp quan trọng nhất cho thấy hiệu quả của phép luyện tập tâm linh tinh thức này là lúc bà được đưa vào phòng sinh, khi các cơn đau xảy ra dồn dập và tiếp nối nhau.

Bà thuật lại rằng: "Tôi nhất thiết chỉ quan sát sự đau đớn, ý thức từng giây phút một nhưng không suy nghĩ gì cả. Tôi chỉ đơn giản cảm nhận sự đau đớn đó và chấp nhận nó. Đến lúc sinh thì một sự thư giãn và êm ái bỗng hiện ra với tôi và tôi cảm thấy rất hạnh phúc trong những giây phút của hiện tại đó". Bà cho biết thêm: "Điều này đã giúp tôi hiểu rằng không sao tránh khỏi được sự đau đớn, thế nhưng sự khổ đau thì lại khác là một thứ gì đó thuộc vào quyền lựa chọn của chính mình".

Phép luyện tập tâm linh tinh thức đã giúp bà ý thức được rằng hạnh phúc hay không đều là do mình quyết định.

Bà cho biết thêm: "Mỗi khi rơi vào tình trạng hoang mang và bất an thì phải chấp nhận tình trạng đó. Nhìn thẳng vào nó, quan sát nó, nhưng không gây chiến với nó. Hãy chấp nhận nó, theo dõi nó, nhưng không lên án nó, thì các cảm tính (*hoang mang và bất an*) sẽ tự động lắng xuống và tan biến hết một cách kỳ diệu".

Nếu giữ được sự an trú trong từng giây phút của hiện tại trong khi đang làm bất cứ việc gì, dù là đang lật rau hay rửa bát, thì thể dạng tâm linh tinh thức đó sẽ tạo được một lớp không gian tách mình ra khỏi mọi sự khó khăn. Bà cho biết: "Lớp không gian đó sẽ giúp chúng ta nhìn vào mọi sự vật một cách thoải mái hơn, và từ đó các giải pháp sẽ hiện ra với mình."

Bà quả quyết rằng việc nuôi nấng con cái phản ảnh tất cả các khía cạnh của metta (lòng thương yêu, tình nhân ái), karuna (lòng từ bi, sự từ tâm), mudita (niềm hân hoan, phúc hạnh) và upekkha (sự thanh thản, buông xả). Bà cho biết: "Nuôi nấng con cái sẽ tạo ra trong lòng mình một thứ tình thương yêu bất vụ lợi. Và đây cũng là một cách làm gia tăng khả năng yêu thương của chính mình, giúp mình biết mở rộng lòng thương cảm trước những kẻ đang

gặp phải khó khăn.

Ngoài ra, niềm hân hoan mang lại khi trông thấy một đứa bé học nói, tập đi hay dần dần lớn khôn theo từng lớp tuổi - là cả một cách giúp mình ý thức được *mudita (tình thương yêu, lòng nhân ái)* là gì - hầu giúp mình hiểu được những nỗi nhọc nhằn của người mẹ trong lúc phải nuôi con từng ngày là những gì có thể chấp nhận được.

Upekkha (equanimity/thanh thản, buông xả) tức là cách nhìn mọi sự vật bằng sự thanh thản, sẽ mang lại cho mình khả năng đối phó với mọi sự tranh đấu, niềm hân hoan và tất cả các thể dạng tâm thần khác với sự buông xả rộng lớn và tình thương yêu". Bà nói rằng: "Upekkha (thanh thản, buông xả) sẽ phát sinh khi quán nhận được sự đau đớn cũng chỉ là thành phần bất khả phân của sự tăng trưởng (*lớn khôn*) và thân phận con người (human condition). Đấy chính là sự can đảm dám nhìn vào những gì mà mình không thể thay đổi được với tất cả tình thương yêu của chính mình. Sự can đảm đó là cách cứ để cho con cái mình được là như thể đúng với chúng, và chấp nhận mình không thể làm gì khác hơn được. Chúng ta chỉ có thể tạo ra một số ảnh hưởng nào đó mà thôi" (*không thể thay đổi nghiệp của con cái mà chỉ có thể tạo ra điều kiện thuận lợi giúp cho chúng tự biến cải nghiệp của chúng. Chẳng hạn bậc cha mẹ phải làm gương cho con cái nhìn vào. Nếu chính chúng ta bất hiếu, rượu chè, cờ bạc, bàn thảo với nhau những chuyện gian trá và mưu mô, nhưng khi quay sang con cái thì lại dạy chúng phải có hiếu, lương thiện, yêu thương và giúp đỡ mọi người... thì đấy chỉ là cách tạo ra thêm hoang mang, khổ đau cho chúng mà thôi*).

Quá trình buông xả đó là một khía cạnh tu tập thật quan trọng trong Phật giáo. Bà J.Kramer khẳng định rằng: "Chính vì thế nên việc sinh con đẻ cái là một cách trực tiếp bước vào con đường tâm linh". Sự thanh thản (Upekkha) cũng nói lên một sự can đảm dám chấp nhận một thứ "tình thương thật khó" (amour dur/tough love) (*một thứ tình thương thật nặng nề, đòi hỏi phải có một sự cố gắng và quyết tâm*) mỗi khi cần đến.

Bà cho biết rằng: "Thứ tình thương rất khó đó đòi hỏi chúng ta phải biết đứng ra ngoài và cứ để cho con cái phải chịu đựng các hậu quả mà chúng phải nhận lãnh, và mình thì không nên tham gia vào đấy, dù tận đáy tim mình vẫn xao xuyến một tình thương sâu xa". Dầu đấy có nghĩa là một sự hy sinh hay là thứ tình thương thật khó trên đây, thì đây cũng là cách mà một người mẹ tu hành nói lên các kinh nghiệm từng trải của riêng mình qua cuộc sống đích thật của chính mình.

Bà J. Kramer trở thành một người mẹ độc thân khi con gái bà là Nicole vừa được ba tuổi. Chỉ vì muốn có thêm thì giờ chăm sóc cho con mà bà đành phải chấp nhận thay đổi cả nghề ca sĩ chuyên nghiệp của mình, thường xuyên

bắt mình phải xa nhà vì phải theo các đoàn trình diễn. Nay bà chỉ là ca sĩ nghiệp dư và làm công việc giữ trẻ để sinh sống. Thế nhưng đấy cũng là một cách giúp bà hiểu được thế nào là tình thương yêu vô điều kiện đối với con gái mình, và đồng thời cũng giúp bà, qua những nụ cười và những dòng nước mắt, hiểu được là mình cũng phải cần đến một chút tình thương yêu đối với bản thân mình, đấy là cách giúp mình biết tha thứ cho chính mình mỗi khi có những ý nghĩ tiêu cực và những xúc cảm tràn ngập con tim mình (*giận con không nghe lời chẳng hạn*).

Những giây phút sai lầm đó rất thường xảy ra. Và nếu không biết tha thứ cho mình, thì rất có thể là mình sẽ không thể nào còn tiếp tục cố gắng gỡ bỏ các thói quen đã bắt rễ từ lâu, xui đực mình phát ra những ngôn từ và hành động thương tổn và đáng tiếc (*chửi mắng và đánh đập con cái*).

Vậy phải làm thế nào khi con cái bướng bỉnh? Bà J. Kramer khuyên chúng ta như sau: "Luôn phải ý thức, và hãy xử dụng sự giận dữ như là một đối tượng thiền định". Dựa vào giáo huấn của Thiền học Zen, bà giải thích thêm: "Bất cứ gì xảy ra với mình đều có thể xử dụng nó như một cánh cửa mở vào giác ngộ".

Bà giải thích rằng: "Mỗi khi cơn giận bùng lên, thì cứ biến nó trở thành một cánh cửa. Không nên cưỡng lại sự giận dữ, không nên nghĩ rằng mình hay là các xúc cảm của mình là những gì không tốt đẹp, cứ để cho cơn giận diễn tiến đúng như thế, quan sát nó nhưng không phát lộ một cảm tính căng thẳng hay sợ hãi nào cả, chung quanh xúc cảm bao giờ cũng còn lại một khoảng không gian (*giúp mình đứng ra ngoài*). Và nhất là không nên phản ứng theo cách mà mình đã quen làm từ trước".

"Không cưỡng lại nó, thì tất nó sẽ biến mất. Không đặt vào tay sự giận dữ bất cứ một quyền hạn nào cả thì tất nó sẽ giảm xuống ngay. Quả hết sức ngoạn mục. Gian hạ mình (*có nghĩa là bên trong tâm thức mình*) bỗng trở nên an bình một cách lạ thường".

Dầu sao thì sự giận dữ cũng không biến mất được sau một đêm ngồi thiền. Dù các thứ chuyện khiến mình phải khổ sở vẫn còn tiếp tục quấy rầy mình, thế nhưng không còn quá nặng nề như trước nữa, và cũng chính vì thế nên việc tu tập là cả một sự cần thiết. Bà J. Kramer luôn xem các công việc thường nhật như là một cách giúp mình luyện tập tâm linh tinh thức. Bà cho biết rằng: "Chẳng hạn như khi lật rau thì tôi ý thức được là tôi đang chạm vào nó, khi cắt rau, thì tôi cảm thấy lưỡi dao đang cắt từng cọng một. Khi tôi quán nhìn vào tư duy, xúc cảm, ngôn từ của mình, thì cũng thế. Nếu bạn đang trong thể dạng tâm linh tinh thức, và dù cho cuộc sống của mình đang như thế nào đi nữa, thì những gì đang chờ đợi mình đều luôn tươi mát và mới mẻ".

Ngoài việc luyện tập hằng ngày, bà J. Kramer còn tham dự thêm mỗi năm một khóa ẩn



cự, nhằm giúp mình khởi động một thể dạng vắng lặng sâu xa hơn nữa trong tâm thức mình, hầu giúp mình sẵn sàng đối đầu với những thử thách và những sự bất định hàng ngày. Bà hiểu rằng mình hoàn toàn có quyền lựa chọn giữa hạnh phúc và khổ đau. Bà nói rằng: "Đối với bất cứ một sự vật nào cũng thế, luôn có một khía cạnh tốt và một khía cạnh xấu. Chúng ta hoàn toàn có quyền tự do chọn cho mình một thứ gì đó để mà chú tâm vào đấy. Và chính đấy cũng là quyền hạn to lớn nhất mà chúng ta chưa bao giờ biết nắm lấy nó".

Bà luôn an trú trong những phút giây hiện tại và cũng nhờ đó mà bà không còn trách cứ kẻ khác là đã gây ra khó khăn cho mình: "Tôi quán nhận được một điều quan trọng là hạnh phúc của tôi không hề lệ thuộc vào bối cảnh bên ngoài. Nó là một thứ gì đó mà tôi mang bên trong con người tôi, và đấy cũng có nghĩa là tôi phải chịu trách nhiệm về hạnh phúc của chính mình.

Đồng thời bà cũng khám phá ra rằng dù cuộc sống lúc nào cũng bận rộn, phải chăm lo công việc trong nhà và cả ở nhà giữ trẻ, thế nhưng điều đó không hề gây ra một trở ngại nào trong việc tu tập của mình: "Tôi hiểu được là luôn phải khắc phục cái tôi trước khi bắt tay vào một công việc bất vụ lợi". Thực hiện được điều đó sẽ giúp cho sự rộng lượng bùng lên: "Làm việc trong sự vui vẻ sẽ kết nối mình với mọi người chung quanh".

Nếu biết quan tâm giúp đỡ kẻ khác thì cũng là một cách gỡ bỏ các khó khăn đè nặng trong nội tâm mình. "Mỗi khi cắt đứt được các tư duy tiêu cực trong tâm thức, thì tôi cũng chuyển hướng được dòng tư tưởng của tôi, từ thể dạng tàn phá sang những gì xây dựng hơn".

Dù cho việc chăm sóc con cái là cả một niềm vui đi nữa thế nhưng đối với bà thì làm bậc cha mẹ không phải là một việc đơn giản. Bà nhắc lại: "Lúc con gái tôi là Nicole được 14 tuổi thì thật là khó bảo". Dù tình thương con không hề "lay chuyển", thế nhưng bà cũng đành phải gửi con theo một khóa học để sửa đổi tính tình. Bà khuyên rằng: "Vì tình thương, bạn phải làm những gì cần phải làm hầu áp đặt

một kỷ luật cứng rắn, nhưng cũng nên kèm theo một sự khích lệ với thật nhiều tình thương. Nếu việc tu tập tâm linh có thể giúp một người mẹ hành động một cách trầm tĩnh trước những nỗi lo âu của những đứa trẻ ở lứa tuổi vị thành niên, thì các môn thể thao, âm nhạc hoặc bất cứ một sự say mê nào khác cũng có thể mang lại một hình thức kỷ luật nào đó giúp cho đứa trẻ lớn lên và bước vào tuổi trưởng thành, mà không bị chi phối bởi các thái độ tiêu cực của bạn bè đồng lứa và các ảnh hưởng của giới truyền thông" (*tạp chí, sách đọc và truyền hình dành cho lứa tuổi vị thành niên không phải lúc nào cũng là bổ ích*).

"Không nên quên rằng một đứa bé luôn nhìn vào mình và bắt chước mình. Thế nhưng tất cả sẽ đổi thay khi đứa bé bước vào tuổi vị thành niên. Tuy nhiên điều đó cũng không bắt buộc là lúc nào cũng rập khuôn như thế". Với vẻ mặt đầy hân hoan bà cho biết thêm: "Ngay cả trường hợp đứa trẻ vị thành niên tỏ ra thật "khuấy động", thế nhưng những lúc khó khăn đó rồi cũng sẽ qua đi, đứa con sẽ quay về với mình". Con bà ngày nay đã 26 tuổi và đã làm mẹ, hai mẹ con khăng khít hơn bao giờ hết.

Ngày nay đối với bà là lúc phải chia sẻ, là thời điểm phải hồi đáp lại tình mẫu tử bằng sự quý trọng của chính mình (*tình mẫu tử đã từng giúp mình biết thương yêu và tu tập, thì nay mình phải hồi đáp lại món nợ đó*). [Hơn nữa còn phải trả món nợ cho cả] xã hội đã cung phụng vật chất cho mình, và cho cả bầu không gian mệnh mông của Đạo Pháp [đã ban cho mình sự hiểu biết]. Dù bị xã hội khinh thường, thế nhưng ngược lại thì người phụ nữ lại tìm thấy hạnh phúc khi chăm lo cho gia đình và tập thể xã hội. Họ không được mọi người kính trọng đúng với giá trị của mình, và thường là bị đánh giá thấp và tiền lương trả kém.

Thật vậy bà J. Kramer cũng đã nhận thấy dễ dàng điều đó. Mỗi khi bà cho biết mình là một người nội trợ thì mọi người đều nhìn bà với đôi mắt không mấy kính phục: "Thật thế khi biết tôi làm nghề giữ trẻ thì mọi người đối xử với tôi như hạng người kém cỏi". Thế nhưng theo bà J. Kramer thì việc chăm sóc cho kẻ khác lại là khía cạnh chủ yếu nhất của bản tính người phụ nữ và cũng là một phẩm tính tốt trong lãnh vực tâm linh (*lòng từ bi*). Điều đó đòi hỏi phải có một tấm lòng rộng lượng, sức chịu đựng và tình nhân ái - đây là các phẩm tính quan trọng nhất mà tất cả các tín ngưỡng đều xem là tối cần giúp cho xã hội được hạnh phúc hơn. Bà nói thêm: "Chúng ta cần một sự thăng bằng giữa "âm" và "dương" (*trong nguyên bản là tiếng Hán: Yin và Yang*) giữa nữ tính và nam tính hầu tạo ra một xã hội hạnh phúc".

Các hình thức tranh đấu và chinh phục - thường được xem là thuộc lãnh vực của nam giới - ngày nay đã trở thành cả một sự ám ảnh toàn cầu, sự mất thăng bằng [gây ra bởi tình trạng đó] đã đưa đến bạo lực trong gia đình và

cả ngoài xã hội. Theo bà J. Kramer thì giai đoạn đầu tiên giúp tái lập sự thăng bằng cần thiết là phải nêu cao giá trị của sự phục vụ và cả người phục vụ.

Với tư cách là một người nữ Phật tử tại gia, bà J. Kramer cho rằng mình phải có trọng trách làm gương cho mọi người trông thấy là một người phụ nữ chủ gia đình cũng có thể đạt được sự giác ngộ không khác gì như nam giới. Dù đến nay bà chưa tra tìm được các chứng tích trong kinh sách xưa, thế nhưng không phải vì thế mà trong quá khứ đã không từng có những người phụ nữ như thế.

Bà thường thắc mắc: "Tại sao các câu chuyện về cuộc đời của những người phụ nữ đó lại không được lưu truyền đến nay?". "Phải chăng là vì họ không được đi học, hoặc là quá sức bận rộn không còn thì giờ nào để viết, hoặc không được luyện tập gì về thiền định? (một người tu tập không thiền định thì không bao giờ quán thấy được bản chất của mình và thế giới tức là cách mang lại sự giác ngộ cho mình). Dù vì lý do nào đi nữa thì ngày nay cũng là lúc phải gom góp các câu chuyện giác ngộ của những người phụ nữ làm mẹ, hầu lưu lại cho những đứa con, cả gái lẫn trai, của chúng ta sau này" (trong hai bài thứ 2 và thứ 5 trong loạt bài "Phật giáo và người Phụ nữ", hai tác giả Dominique Trotignon và Gabriela Frey có nêu lên trường hợp của nhiều người mẹ đạt được giác ngộ trong tập kinh Therigatha).

Đây không phải là vì kiêu hãnh, mà là một sự cố gắng giúp cho người phụ nữ nhận thấy là họ có thể mang lại lợi ích khi ý thức được bản chất và thân phận mình, hầu giúp mình tu tập bằng các khả năng cảm nhận đặc thù của riêng mình.

Làm mẹ tức là phải ý thức được rằng việc chăm lo cho con cái là một bổn phận thiêng liêng, và việc sinh con đẻ cái cũng là cả một tấm gương phục vụ vô điều kiện. Người mẹ phải hiểu rằng mình đang bước vào con đường tâm linh một cách thật sự, mình phải biến ngôi nhà mình thành một cảnh chùa, biết lợi dụng các thủ pháp hằng ngày để phát huy một tâm linh tinh thức và tình nhân ái (metta), xem con cái mình như là những vị thầy giảng dạy mình về vô thường, sự chấp nhận và buông xả.

Con cái lớn khôn. Chúng thay đổi từng phút một. Và rồi vào một ngày đẹp trời nào đó chúng sẽ bỏ mình đi xa. Con cái mình nào có phải là của mình mãi mãi đâu. Không có ai là của mình cả. Chúng chỉ nhờ vào sự che chở của mình một lúc nào đó trong cuộc đời chúng mà thôi.

"Mọi sự vật biến đổi không ngừng. Một khi đã ý thức được là hoàn cảnh của chính tôi cũng sẽ đổi thay, thì tôi cũng sẽ hiểu được ý nghĩa của sự khô hài là gì (bám víu một cách vô vọng vào vô thường chẳng phải là một chuyện ngu xuẩn và khô hài hay sao?). Tôi sẽ hít một hơi thật dài và thầm đếm từ 1 đến 10 (để nhận thấy mình đang bước từng bước một theo dấu

chân của vô thường. Hít một hơi thật dài để cùng vui thú với từng bước chân đó của đời mình).

Nhờ đó tất cả những gì tỏ ra không sao chịu đựng nổi sẽ trở nên thật trong sáng. Sự giác ngộ phải trải qua thật nhiều kiếp sống còn xa tít trong tương lai, thế nhưng làm mẹ với tấm lòng của Phật - mà bà J. Kramer đã làm tròn bổn phận mình - sẽ mang lại sự hân hoan cho cuộc hành trình thật dài đó, ngay tại chính nơi này và trong những giây phút hiện tại này.

Vài lời ghi chú của người dịch

Bài viết với những lời văn thật giản dị và chân thật, nhưng không kém phần trong sáng và sâu sắc, đã giúp chúng ta cảm nhận được những xúc cảm thật sâu, chân thật và cảm động trong tâm hồn của một người phụ nữ làm mẹ với tấm lòng của Phật. Người chuyển ngữ không còn một lời nào để thêm vào, nếu không thì đây cũng chỉ là cách làm vỡ tan sự tinh khiết của xúc cảm trong tâm hồn bà, hoặc cũng có thể làm nhòe đi giọt nước mắt thật trong và thật mặn trong khoé mắt của bà mà thôi. Thật vậy chúng ta chỉ còn biết cầu mong tất cả những người phụ nữ làm mẹ cũng tự tin và bước theo con đường của bà, nhìn vào con cái mình với tấm lòng của Phật, giúp mình chẳng khác gì như bà, sẽ hoàn tất được cuộc hành trình thật dài đó của mình với sự hân hoan trong từng giây phút một của hiện tại này. Chẳng phải đây là cách mang lại hạnh phúc cho gia đình, yên vui cho xã hội và an bình trên hành tinh này hay sao?

Bures-sur-Yvette, 19.02.16
Hoang Phong chuyển ngữ

Nguồn: Báo Bangkok Post

Bản gốc tiếng Anh:

<http://www.buddhachannel.tv/portail/spip.php?article2275>

Bản dịch tiếng Pháp;

<http://bouddhisme-au-feminin.blogspot.fr/2015/02/jacqueline-kramer-etre-une-maman-bouddha.html>

<http://www.buddhachannel.tv/portail/spip.php?article2277>

Độc giả có thể xem quyển sách *Buddha Mom* của bà Jacqueline Kramer:

Nhà xuất bản: TarcherPerigee (ISBN-10: 1585422940 ; ISBN-13: 978-1585422944

(Được Amazon xếp vào danh sách 100 quyển sách bán chạy nhất)



Nhận lầm con

Soạn giả: **MINH CHIÊU**
(trích *Truyện Cổ Phật Giáo*)

Có một chàng ngu kia sinh được đứa con trai, chăm chút thương yêu như ngọc như ngà. Một buổi sáng anh chàng đi ra chợ sớm, ở nhà lửa bốc cháy nhà và người ta bỗng đứa con anh chạy mất, lúc trở về thấy nhà cháy, anh không tiếc, anh chỉ cuống cuống lên khi không thấy con. Một người láng giềng ước đoán chỉ vào thân của một kẻ bất hạnh đã cháy thành than và bảo: "Con anh chết cháy đây rồi." Thế là anh chàng tin ngay là thật, khóc than kể lể khôn xiết, rồi may một cái túi vải vuông bỏ năm tro tàn vào đó mang luôn bên mình không lúc nào rời. Rồi cứ đinh ninh rằng con mình đã chết cháy, và năm tro bên mình là xác con, không biết con mình hiện giờ đang còn sống.

Một buổi kia được thả, đứa con về gõ cửa

kêu cha. Anh chàng buồn quá đóng cửa ngồi trong nhà, nghe gõ cửa hỏi vọng ra:

- Ai gọi đó?

- Con đây.

- Con, tôi đâu dám! Con tôi chết đã ba tháng rồi.

- Không, con còn sống đây mà, mở cửa cho con vào!

- Lão, rút đi! Con tao đã chết, mày là ai, đến đây nhận hảo thế? Cha con gì?

Đứa con năn nỉ ngoài cửa mãi, người cha ngồi trong nhất định không mở cửa. Cuối cùng nó đành khắc khoải ra đi.

Thương hại cho anh chàng! Cha con không nhận, lại nhận bị xương khô!

- Người ngu tự biết mình ngu, nên biết người ấy có trí;

- Người có trí tự cho là có trí, nên biết người ấy ngu nhất trên đời.

- Người ngu cố chấp sự hiểu biết của mình là đúng, nên không bao giờ chịu thừa nhận những điều hiểu biết của kẻ khác. Vì thế, không bao giờ họ đạt đến được chân lý.



Giọt sương đầu cỏ

HUỆ TRẦN

Từng thiền hành một mình trong nhiều buổi sáng mờ sương, nhưng chưa bao giờ tôi thực sự cảm nhận sương rơi, cho đến sáng hôm nay!

Tôi đang nghe sương rơi từng giọt, thánh thót từng giọt trong lòng tôi, và mỗi giọt rơi xuống, tan ra, đều để lại cái buốt lạnh lan tỏa khắp châu thân.

Giọt sương đọng trên lá, mang cái đẹp long lanh của hạt kim cương, biểu hiện sự thanh khiết, mát tươi nơi những ánh mắt quán chiếu sự có mặt của vạn hữu. Tùy theo mức độ quán chiếu sâu hay cạn thế nào, bản chất đích thực của hạt sương sẽ hiển lộ thế đó.

Nếu hành giả không thể chối bỏ sự có mặt của một hạt bụi thì chỉ một giọt sương thôi, cũng là một bài pháp.

Hạt sương đang rơi trong lòng tôi mang tinh thần bài giảng đầu tiên của Đức Thế Tôn ban cho năm anh em ngài Kiều Trần Như. Đó là bài pháp Tứ Diệu Đế, mà điều quan trọng đầu tiên phải chấp nhận là sự có mặt của khổ đau.

Khổ đau là một thực thể của kiếp nhân sinh. Vừa lọt lòng mẹ, ta đã cất tiếng khóc! Có em bé nào cười vang khi ra khỏi bụng mẹ đâu. Tiếng khóc đầu đời đó là báo hiệu khổ đau đã có mặt, ngay cùng lúc với sự hiện hữu của hình hài.

Cưỡng rốn vừa cắt, tách rời con dứt khỏi nguồn nuôi dưỡng của mẹ, nhưng con không hề rời mẹ. Vì con đã mang dòng máu của cha, thịt da của mẹ, tâm linh của ông bà tổ tiên từ nhiều đời nhiều kiếp. Cha mẹ, ông bà, tổ tiên

đã đến rồi đi, đã nhận sự khổ đau, đã chuyển hóa, đã có mặt trong vạn hữu này dưới mọi dạng thức mà ngay phút này con chưa thể nhận thấy được.

Như dòng sông trôi chảy không ngừng, nhưng mỗi bên bờ vẫn là mỗi đổi mới. Sự khổ đau có mặt ở ngay những phút giây ta tưởng là hạnh phúc. Ranh giới này quá mơ hồ, quá mong manh, khiến ta dễ lầm lẫn, nếu thiếu tinh tấn tu trì, hướng thượng thân tâm tới những điềm lành, ý thiện.

Cơ duyên có Kinh Pháp Cú Thí Dụ, phẩm Cát Tường đã nói tới điều này. Theo lời dẫn kinh thì đó là thời gian Đức Thế Tôn đang diễn bày pháp Tam Thừa tại địa danh La Duyệt Kỳ, trên núi Kỳ Xà Quật.

Khi đó, các đệ tử của một vị đạo sĩ Bà La Môn đang ngồi bên bờ sông, gần khu rừng khi xưa Đức Phật đã đắc đạo. Họ cùng bàn bạc với nhau, thế nào là những điềm lành lớn.

Không thể có được câu trả lời trọn vẹn, họ đi tìm vị đạo sĩ Bà La Môn là thầy của họ mà hỏi. Nhưng vị đạo sĩ học rộng hiểu nhiều cũng không thể giải đáp chính xác, vì mỗi địa phương, mỗi dân tộc có cái nhìn về điềm lành khác nhau. Vậy, làm sao giúp nhân loại có cái nhìn chung về những điềm lành để cùng nhau đạt được hạnh phúc?

Ông bèn dẫn cả năm trăm đệ tử của mình đi tìm Đức Thế Tôn để hỏi.

Toàn bộ 16 bài kệ trong phẩm Cát Tường mà Đức Thế

Tôn giảng giải cho vị đạo sĩ Bà La Môn và năm trăm đệ tử của ông ta, không điều nào nói rằng tiền bạc, của cải, danh vọng là hạnh phúc cả. Trái lại, chính những thứ đó là nguyên nhân xa gần đưa tới khổ đau và tan vỡ! Những móc xích bất hạnh này luôn khởi từ ba độ tổ tham, sân, si, dưới những hình thức khác nhau, ở mọi lãnh vực tình, tiền, quyền uy...

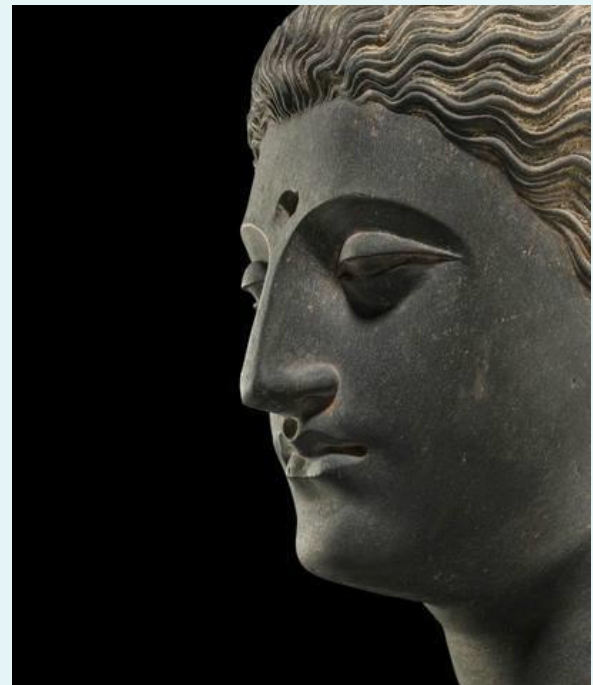
Được học 16 bài kệ trong Kinh Pháp Cú, phẩm Cát Tường, tuy chưa đủ căn trí liễu ngộ trọn, nhưng tạm hiểu phần nào cũng khiến tâm còn sơ cơ như tôi, hoan hỷ trước những điềm lành từ kim khẩu Đức Thế Tôn chỉ dạy. Thí dụ, như bài kệ số 4:

*"Hữu hiền trạch thiện cư
Thường tiên vi phúc đức
Sắc thân thừa trinh chính
Thị vi tối cát tường"*

Tôi tạm hiểu "Có được môi trường tốt và những bạn tốt. Lại gặp cơ duyên tạo tác được phước đức. Cần trọng làm đẹp tự thân bằng sự giữ gìn thân tâm trong sạch và chân chính. Đó là điềm lành lớn nhất"

Hoặc như bài kệ số 12:

*"Đẳng tâm hành bố thí
Phụng chư đắc đạo giả"*



*Diệp kính chư thiên nhân
Thị vi tối cát tường”*

Tôi tạm hiểu: “Thực hành hạnh bố thí với tâm bình đẳng. Được phụng sự những bậc chân tu đạo cao đức trọng. Biết tôn kính chư vị đáng tôn kính trong hàng trời, người. Đó là điềm lành lớn nhất”

Rồi ở bài kệ chót, số 16, Đức Thế Tôn dạy rằng:

*“Trí giả cư thế gian
Thường tập cát-tường-
hạnh*

*Tự trí thành tuệ kiến
Thị vi tối cát tường”*

Tôi tạm hiểu: “Là bậc trí giả trong cõi đời này. Thường tập các công hạnh tạo tác điều lành thiện. Sẽ đạt tới thành tựu trí tuệ thâm sâu. Đó là điềm lành lớn nhất”

Chỉ với 16 bài kệ, tiêu biểu về những điềm lành lớn, nếu được cùng nhau khai triển sâu sa, hành trì nghiêm chỉnh, thì có lẽ chiến tranh và hận thù đã không có mặt.

Đáng thương thay, vẫn minh nhân loại lại tỷ lệ thuận với mức độ chiến tranh và thù hận. Càng văn minh, nhân loại càng tìm ra những phương cách tinh vi và tàn độc hơn để tiêu diệt nhau, vì tưởng rằng tiêu diệt kẻ khác thì mình sẽ có nhiều hơn.

Chúng sinh thường quên rằng, khởi lòng tham thì lòng tham sẽ vô đáy! Mà dừng lại để biết đủ thì cái đang có mới tràn đầy.

Giọt sương đầu ngọn cỏ sẽ tan nhanh dưới ánh mặt trời, nhưng sát na nào hiện hữu thì giọt sương vẫn mang trọn vẹn cái đẹp của sự chuyển hóa.

Hỡi những giọt sương đang quần quanh huyền mộng, hãy dừng lại những lo sợ, hãy thở nhẹ và sâu, em sẽ thấy ánh nắng này không đến để tiêu diệt em đâu. Trái lại, nắng sẽ đưa em đi xa, lên cao. Em sẽ không còn ướt át lạnh lẽo mà em sẽ vàng óng, ráo khô. Vì em sẽ là nắng. Vì em sẽ chuyển hóa, sẽ thăng



hoa, bởi em đã làm tròn nhiệm vụ của giọt sương, của hạt mưa, của làn gió.

Những giọt sương không thể mãi mãi gần nhau để cùng chuyển hóa sẽ là mây xám, là mưa tuôn. Như chúng ta cũng không thể mãi mãi có nhau để tiếp tục tạo tác hạnh phúc và đau khổ cho nhau.

Chúng ta vụng về quá, vụng về như giọt sương sáng nay, đã để lòng lo sợ ánh nắng sẽ tan biến mình, mà quên mất hạnh phúc của phút giây hiện tại, đang được là giọt sương tươi mát ban mai! Vì thế mà chúng ta thường thất lạc nhau trong những sát na vụng về!

Giọt sương buốt lạnh sáng nay vừa thức tỉnh hồn tôi, khi bông hoa đại dưới bước chân thiền hành chợt lay động. Bông hoa nở nụ cười tinh khôi nhắc tôi trở về hơi thở chánh niệm.

Ngay lập tức, tôi cảm nhận tôi đang bước cho bạn. Bạn gần và bạn xa. Bạn dưới phố thị và bạn trên non cao. Bạn trong đạo tràng ấm áp và bạn nơi bệnh viện cô đơn.... Và tôi nghe tôi thầm hát bài thiền ca: *“My darling, I am here for you. I am in you. And you are in me”*(*)

Ngay trong âm thanh đó, bất ngờ, tôi đã nhanh chóng thăng được sự hoang mang, sợ hãi, để mỉm cười với

những gì tưởng là khổ đau, là bất hạnh, đang chơi trò đi trốn đi tìm, trong bạn, trong tôi. Chúng luôn ẩn hiện, dẫn ta trong ảo giác, khi tưởng có, lại là không, lúc ngỡ khỏe, lại là bệnh!

Hóa ra, nếu ta tập chấp nhận chúng, thì khổ đau hay hạnh phúc chỉ là những trò chơi thôi bạn ạ.

Chúng đến, mang theo những thông điệp của cảnh giác và dọa nạt, nhưng nếu ta không sợ hãi, lại dạy chúng cùng biết cười, biết hát, thì chúng sẽ trở thành bạn đồng hành.

Trên con đường này, tất cả nhân loại đều đang có đồng hành như vậy. Già thế nào, bệnh thế nào, vui thế nào, buồn thế nào, tên gọi có khác nhau nhưng không thể chối bỏ Sinh, Lão, Bệnh, Tử, không lúc nào không có mặt cùng ta.

Nhận diện nhau và chấp nhận nhau để cùng cất bước, con đường sẽ giảm thiểu nhiều chông gai, như cảm nhận sâu sa qua lời hát:

“... Please call me by my true names, so I can hear all my cries and laughter at once.

So I can see that my joy and my pain are once.

Please call me by my true names, so I can wake-up,

And the door of my heart will be left open ...”(*)

Huệ Trân

(Tào-Khê tịnh thất, Hạ chí, Bính Thân niên, Những ngày nhập thất dưỡng bệnh)

(*) Thiền ca Làng Mai



Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Mười (kỳ 2, tiếp theo)

Hồ sơ học bạ của lớp tôi được ghép chung với học bạ của lớp Sơ đẳng Phật học tại Phật học viện Linh Sơn. Danh sách những chú tiểu sẽ lên đường đi Quảng Nam là mười hai người. Tôi ngỡ là toàn bộ lớp tôi sẽ chuyển đi Quảng Nam để học lớp Trung đẳng Phật học ngoài ấy. Nhưng không phải vậy. Lớp tôi chỉ có năm người. Số còn lại hoặc chuyển đến một trường khác có trình độ cao hơn như trường hợp chú Tâm; hoặc chuyển đến một trường Trung đẳng Chuyên khoa Phật học thay vì Trung đẳng Phổ thông như trường hợp chú Thân, chú Đạo; hoặc không muốn đi xa như chú Dũng, chú Kính; hoặc chưa đủ tiêu chuẩn để được chuyển đi như các chú Hải và Thông. Các chú ở Phật học viện Sơ đẳng Linh Sơn cũng chỉ được tuyển đi bảy chú trong số gần cả trăm chú của Phật học viện. Nhiều chú ở Phật học viện Linh Sơn không muốn đi học xa không phải vì chưa hội đủ điều kiện nhập học mà vì các chú không muốn xa gia đình.

Riêng tôi, đi xa là điều rất hấp dẫn. Tôi mê cái đẹp của bãi biển Nha Trang với nước biển trời cao ôm ấp bờ cát

trắng, của ngọn đồi Trại Thủy với Hải Đức thơ mộng nép mình giữa cây cỏ xanh um, nhưng điều đó không ngăn cản được ước muốn đi xa, tìm đến những vòm trời mới lạ. Tôi mập mờ cảm thấy vòm trời mới lạ ấy dường như không phải là vòm trời bên ngoài, ở Nha Trang hay ở Quảng Nam, mà ở trong tôi, nhưng nó có vẻ như chỉ muốn được phơi bày từ sự phản ánh của một không gian mệnh mông bát ngát. Cho nên, khi loay hoay thu xếp hành lý cá nhân, tôi có thể lắng nghe được một nỗi rộn rã kỳ thú đang rung chuyển trong tận cùng tâm thức mình.

Tháng cuối cùng tôi sắp rời Nha Trang, thầy Thông Chánh đề nghị thầy tôi cho tôi được trở về lại viện Hải Đức. Thầy tôi đồng ý. Có lẽ thầy Thông Chánh muốn tôi được gần gũi thầy tôi để thu thập thêm kinh nghiệm, hiểu biết và nhất là tâm lượng khoáng đạt-cái mà thầy Trùng Hùng không thể dạy được-để làm món hành trang cần thiết cho tâm tư tôi trước khi lên đường.

Khi tôi chào thầy Trùng Hùng để về viện, thầy ấy không muốn nhìn mặt tôi. Cũng may có thầy Thông Chánh nói mấy lời, thầy ấy mới vui vẻ chúc mừng tôi

được đi học xa. Tôi đi thì chùa cũng không vắng thiếu gì. Đã có thêm hai chú mới vào. Một chú tên Lâm, ngang tuổi chú Thiệt, một chú tên Đạo, nhỏ hơn tôi hai tuổi. Các chú đưa tôi ra cổng tam quan. Chú Thiệt nói nay mai chú cũng sẽ về lại viện chờ ngày rời Nha Trang.

Cùng thầy Thông Chánh xách hành lý xuống núi, trong tôi bỗng dưng nảy sinh một mối tri ân sâu đậm đối với ngôi chùa cổ bỏ lại sau lưng. Vâng, dù thế nào đi nữa, tôi cũng không thể phủ nhận được rằng, gần sáu tháng sống ở đây, tôi cũng đã học được khá nhiều điều hay mà nếu cứ ở viện tôi sẽ không bao giờ có được: tôi đã biết nấu cơm và một vài món ăn đơn giản; ngoài ra, tôi còn học được cách chịu đựng những bất bình trong cuộc sống. Như vậy, tôi không trở về viện với hai tay không, mà trở về như kẻ tốt nghiệp một lớp huấn nhục cơ bản nào đó. Tôi quay mặt nhìn ngôi cổ tự Linh Phong với một thoáng biết ơn.

Những ngày sắp đi, bọn tiểu chúng tôi thật rộn ràng, lo sắp đặt, mơ tưởng đủ thứ, mà bàn tán về nơi sắp đến cũng nhiều. Thầy Thông Chánh quê ở Đại Lộc, Quảng Nam nên thầy biết rõ về cảnh sống ngoài ấy. Thầy kể sơ tôi nghe

về những thắng cảnh của Quảng Nam, đặc biệt là Ngũ Hành Sơn ở Non Nước. Nghe thầy kể, tôi mê lắm. Ngũ Hành Sơn là năm ngọn núi nằm sát bờ biển. Nội nghe chừng ấy tôi đã thấy trong lòng xao xuyến, bồi hồi. Nhưng một thầy học tăng khác cũng quê Quảng Nam, biết rõ nơi tôi sắp đến, đã nói rằng:

"Ồi chà, cái xứ đó các chú đến thì chỉ bốc cát mà ăn thôi. Đất đai cằn cỗi, cỏ mọc không lên. Khổ tới nơi rồi các chú ơi! Ai lại chọn sa mạc mà làm Phật học viện bao giờ!"

Thầy Thông Chánh cười nói:

"Thầy nói phóng đại quá làm các chú sợ. Hồi xưa khác, bây giờ khác chú! Có chỗ học được là tốt rồi, phải không?"

Tôi không trả lời các thầy. Nhưng trong lòng tôi quả nhiên là không sợ hãi sự khổ nhọc. Đường như sự khổ nhọc khó khăn ở một mặt nào đó cũng có dáng vẻ lôi cuốn mê hoặc của nó. Chẳng biết tôi cảm nhận được điều đó từ lúc nào. Phải chăng từ mấy tháng sống ở chùa Linh Phong? Chẳng rõ. Chỉ thấy rằng tôi rất tự tin khi hướng về vùng đất mà người ta mô tả là cằn khô, hiu quạnh đó.

Ngày cuối cùng ở Nha Trang, tôi về thăm gia đình. Tôi ở lại ăn cơm chay với ba mẹ tôi hôm ấy. Mẹ tôi đã mua sắm thứ này thứ nọ cho tôi mang theo ra xứ Quảng. Nhưng tôi chỉ muốn mang theo một va-li hành lý thật gọn nên đã bỏ lại bớt những vật dụng mẹ tôi sắm. Mẹ còn

dúi tôi một phong bì đựng tiền nữa. Tôi không nhận. Lâu nay tôi vẫn khư khư cho rằng đã xuất gia rồi thì không những không phụ thuộc gia đình về mặt tình cảm mà cũng không làm phiền gia đình về mặt tài chánh nữa. Huống chi đã gần hai năm quen với nếp sống vốn không có nhiều nhu cầu trong cửa chùa, tôi không thấy cần thiết phải có tiền mang theo. Tôi cũng nghĩ rằng nếu mẹ giữ lại số tiền ấy thì cũng đỡ nhọc cho mẹ, cho gia đình phần nào hay phần nấy. Tôi nhét cái phong bì lại trên tay mẹ. Mẹ tôi nói:

"Sao vậy? Con mang theo để lỡ có khi cần mua sách hay thứ gì cần thiết chứ?"

"Con đã sắm đầy đủ hết rồi. Tiền này mẹ cất đi. Viện cũng có cho tiền túi con đó mẹ."

Tôi nói vậy thôi chứ viện đâu có cho tiền bạc gì. Mẹ tôi cầm cái phong bì trên tay mà mặt buồn rười rượi. Lúc ấy tôi chưa hiểu được nỗi buồn đó của mẹ. Tôi cứ nghĩ tôi không nhận tiền thì mẹ đỡ tốn, mẹ phải vui. Vậy mà mẹ lại buồn. Đến khi từ giã gia đình để trở về viện, mẹ tôi đưa tôi cái túi xách nhỏ có đựng vài món của mẹ mua cho tôi mang theo; tôi nhìn lại thấy chẳng có gì nhiều, vì tôi đã bỏ lại hơn một nửa. Gói đồ quá ít cho một đứa con đi xa, có lẽ đã làm mẹ áy náy, không yên lòng. Ba tôi ôm hôn tôi, rồi nấn nần đôi vai tôi như ông vẫn thường làm vậy với các con. Mấy đứa em tôi cũng chạy đến nắm tay tôi lắc lắc. Một đứa nhón lên hôn má tôi. Riêng mẹ, từ lúc tôi vào chùa rồi, bà không còn biểu lộ tình mẫu tử của bà theo cung cách xúc chạm như thế nữa. Mẹ chỉ bước theo tôi, đưa tôi ra cửa. Ngay lúc đó tôi mới giật mình biết rằng kể từ khi tôi xuất gia, mẹ đã mất cơ hội để chăm sóc tôi tận tình như đã chăm sóc anh chị em tôi ở nhà. Bây giờ tôi lại đi xa, mẹ còn khó có cơ hội ấy hơn. Thực ra, nuôi con thì phải tốn kém vì con. Đứa con mà

không bao giờ xin tiền, làm nũng, hay đòi hỏi mẹ chăm sóc, thì không phải là đứa con ngoan. Đó là đứa con bất bình thường, chặn đứng nguồn thương yêu đang tuôn chảy bất tận từ mẹ. Sự thương yêu của mẹ là phải có chăm sóc, tương tu, cho quà, hao tổn. Mẹ cho con được cái chi mẹ sung sướng lắm, dù sự cho đó làm tổn kém túi tiền của mẹ. Hơn cả năm nay, mẹ tôi đâu mua sắm được gì cho tôi, vì ở chùa đã lo hết rồi, mà cũng vì tôi không bao giờ chịu đòi quà hay xin xỏ gì nơi mẹ cả. Bây giờ tôi đi xa, mẹ tùm vén một ít tiền cho tôi, tôi cũng từ chối luôn. Vậy là tôi chẳng thương, chẳng hiểu mẹ rồi. Mẹ muốn được tổn kém chút gì đó cho tôi mà. Tôi đến ngang cửa rồi thì quay lại, nói nhỏ với mẹ:

"Mẹ cho con tiền đi. Chắc có khi con cần tới."

"Phải rồi, con nên đem theo tiền. Dù viện cho rồi con cũng nên mang thêm để rùi khi bệnh hoạn đau ốm nữa, đâu có mẹ hay có thầy bên cạnh để lo cho con."

Mẹ tôi vui mừng đưa ngay cái phong bì đựng tiền cho tôi. Tôi thấy rõ là mẹ sung sướng hơn lúc này nhiều. Thấy mẹ sung sướng đưa tiền cho mình, tôi ứa nước mắt. Nếu không nhận số tiền đó của mẹ, chắc là một ngày nào đó, tôi sẽ ân hận, đau khổ vì đã không chịu làm nũng, vùi quà để chứng tỏ mình là một đứa con của mẹ.

Tôi về đến viện vào giờ cơm. Tính xuống bếp lấy phần cơm của mình thì thầy Thông Chánh đến kéo tôi đi, nói rằng:

"Để bụng đói đi, đừng ăn. Tối nay mình ăn món đặc biệt để đãi chú mi lên đường."

Rồi tôi theo thầy ấy đi dạo núi, qua Kim Thân Phật Tổ để ngắm biển và phố Nha Trang lúc hoàng hôn. Biển Nha Trang nhìn xa chỉ thấy một vệt xanh dài bất động và tĩnh lặng. Âm thanh của sóng nước không vọng đến nơi chúng tôi ngồi được, nhưng gió biển thì lồng lộng thốc đến từng cơn. Từ đôi cao này, chúng tôi cũng chỉ thấy những dãy phố, những tòa nhà cao vươn lên trong im



lặng. Bao náo nhiệt của phố thị đều bị bỏ lại bên dưới. Người ta đã nhìn ngắm Nha Trang trong vẻ động, ít có ai ngắm được vẻ tĩnh của nó như chúng tôi trên đỉnh đồi này. Trong tĩnh lặng, không gian trở nên mênh mông hơn. Trong mênh mông, cái đẹp trở nên tuyệt hảo hơn. Nhưng dù nhìn từ xa hay gần, dù trong vẻ tĩnh hay vẻ động, cái bao la bát ngát của biển cũng luôn cuốn hút hay kích động con người lao vào cuộc tìm hiểu cái vô tận của vũ trụ hay cái sâu thẳm của thế giới tâm linh. Cứ nhìn biển, nhìn trời là lòng tôi xao động, muốn phóng lên, muốn lao vào đến chỗ tận cùng bờ mé của chúng.

Trời chưa tắt nắng hẳn các thuyền chài đã lo thắp đèn lên. Những con thuyền nhấp nhô theo sóng nước khiến cho các ngọn đèn lúc ẩn lúc hiện, lúc sáng lúc nhòa, như những vì sao rơi xuống mặt biển. Trời càng tối, đèn thắp lên càng nhiều, cơ hồ giăng khắp mặt nước, kéo một vạch ngang vàng chói phân chia góc biển với chân trời. Nếu không có chuỗi đèn chài đó, hẳn người ta sẽ không phân định được đâu là ranh giới của biển và trời trong màn đêm dày đặc kia.

Rời Kim Thân về viện, lòng tôi nôn nả đánh nhịp theo bước chân. Tôi biết mình sắp rời khung cảnh nên thơ này rồi. Vừa tiếc nuối, vừa hăm hở muốn đi xa, tim tôi như bấn loạn từng lúc. Tôi biết sẽ lâu lắm tôi mới có thể tìm lại được những giây phút êm đềm thú vị như hôm nay. Ở Hội An cũng có biển, cửa Đại, thầy Thông Chánh cho tôi biết như vậy; nhưng chắc chắn Phật học viện Quảng Nam không nằm ở trên núi như viện Hải Đức và Kim Thân Phật Tổ.

Hôm qua đã có một tiệc nhỏ để tiễn đưa chúng tôi lên đường, do các chú trong lớp học tổ chức. Hôm nay, thầy Thông Chánh đãi tôi. Tôi khá đói bụng sau khi qua Kim Thân Phật Tổ để ngắm biển với thầy. Về tới viện, thầy bảo tôi ngồi chờ nơi tháp chuông cũ để thầy xuống bếp lấy thức ăn. Nơi đây, hai năm trước, vào ngày



đầu tiên xuất gia, tôi và hai chú Dũng, Sung, hái trộm thanh long... Tôi ngồi yên một lúc, bỗng thấy trong lòng quặn lên một mối thương tâm đối với Sung và Dũng. Sung bây giờ không còn ở chùa nữa, còn Dũng thì không được thầy quản chúng cho phép đi học xa. Các chú đều xuất gia trước tôi nhưng chú nào cũng thiệt thòi hơn tôi cả. Vậy ra, trong chuyện xuất gia, cũng có sự may mắn và bất hạnh nữa.

Đầu chừng mười phút sau, thầy Thông Chánh trở lại với một giỏ xách nhỏ. Không cần bàn ghế hay chén bát gì, chúng tôi ngồi ăn tại tháp chuông cho mát. Thức ăn đơn giản nhưng khá ngon miệng: bánh mì nhét đậu hủ kho. Tôi hỏi ở đâu thầy có món đậu kho ngon vậy. Thầy nói thầy đã gửi tiền nhờ dì Bảy dưới bếp mua đậu để làm món đó, còn bánh mì thì mua ở lò bánh Tân An gần Ty Thông Tin nên bánh giòn thơm, ăn rất ngon. Thầy một ổ lớn, tôi một ổ lớn, xé ổ bánh bằng tay rồi cũng bằng tay, bốc đậu hủ bỏ vào, tiện lợi, khỏi cần muỗng đũa chi cho mệt. Hai thầy trò vừa ăn vừa trò chuyện dưới bóng trăng mờ. Nước uống thì có một ca nước đậu xanh nấu để bên cạnh. Món này không kể đến trong thực đơn mà thầy ấy đãi tôi, vì từ lúc về viện, tối nào tôi

và thầy Thông Chánh cũng uống nước đậu xanh này cho giải nhiệt. Xong món bánh mì thì tới món kẹo mè xừng. Tôi ăn bánh mì rất ngon miệng nhưng tới món kẹo đáng ra là phải ngọt ngào trơn tuột này thì tôi đâm ghen nực cỡ hòng. Tôi biết thầy Thông Chánh không có tiền để đãi tôi thịnh soạn hơn. Những món thầy đãi chắc là cũng cố gắng lắm mới có được. Làm học tăng ở viện Hải Đức, ngoài ba bữa cơm hàng ngày, mỗi năm được phân phát một ít tiền vào dịp lễ Vu Lan, dịp Tết, còn ngoài ra đều tự túc. Có người được gia đình tiếp tế thêm mới đủ tiền mua sách vở. Gia đình thầy Thông Chánh ở tận Quảng Nam, thầy lại không thích nhờ vả đến. Như vậy, bữa ăn đơn sơ cuối cùng thầy đãi tôi, chắc cũng dốc gần hết túi tiền của thầy rồi. Thương quý và xúc động trước tấm chân tình của thầy, tôi ứa lệ. Trong bóng tối dật dờ của mảnh trăng non, thầy ấy không biết tôi khóc. Thầy vẫn cười nói. Chưa bao giờ tôi thấy thầy ấy buồn, ngay cả vào lúc sắp chia tay như bây giờ.

Trước khi chia tay ai về phòng nấy, thầy Thông Chánh nhắc tôi xuống lạy thầy bốn sư trước giờ tọa thiền và chỉ tịnh vì sáng mai tôi phải lên đường sớm, có thể không có cơ hội để nghe thầy bốn sư chỉ dạy lần chót. Tôi xuống

phòng mặc áo tràng vào, rồi đến gõ cửa phòng thầy. Thầy tôi đang ngồi ở bàn viết. Tôi vào lạy rồi chấp tay thưa:

“Bach thầy, ngày mai con đi học xa, xin thầy chỉ bảo con.”

Tôi chỉ nói được mấy lời ngắn ngủi như vậy. Thầy tôi gật gù nói:

“Thượng Tọa Chơn Phát, Giám viện Phật học viện Quảng Nam khi xưa là bạn học của thầy. Thầy ấy rất giỏi, giỏi luật nghiêm minh, xứng đáng là minh sư cho đồ chúng noi theo mà tu học. Xa thầy, con phải biết nương học thầy ấy thì hạnh kiểm mới toàn vẹn, học lực mới tiến xa. Xem thầy ấy như thầy của con vậy. Nhớ chưa? Còn nữa, mấy anh em cùng đi với nhau, phải giúp đỡ đùm bọc nhau, nhắc nhở nhau tu học...”

Tôi vâng dạ rồi đánh lễ thầy ba lạy. Khi tôi lui ra đến cửa, thầy gọi lại, nói:

“Chuyện tu tập cũng giống như học hành, không tiến tức là lùi.”

Tôi lại vâng dạ rồi xá thầy, lui ra, nhưng thầy đứng dậy, bước theo tôi đến cửa phòng, xoa đầu tôi, nói:

“Phải tiến thẳng về phía trước, đừng quay lại. Quanh quẩn mãi bên thầy thì không bao giờ sáng mắt ra được.”

Tối đó ngủ chung phòng với các chú tiểu, tôi chợp mắt không được, cứ nhớ mãi những lời thầy dặn dò. Chú Sáng cũng không ngủ được, thức đêm trò chuyện với thầy Thông Nghĩa ở hiện chánh điện. Thầy Thông Nghĩa là huynh đệ đồng sư của thầy Thông Chánh, thương và kèm dạy cho Sáng y như thầy Thông Chánh đã kèm dạy tôi. Chú Sướng, chú Thiệt thì ngủ ngon lành, vô tư như chẳng gì xảy đến.

Tôi nằm trăn trở mãi đến ba giờ rưỡi khuya, khi tiếng keng báo chúng gõ vang từ lối trai đường. Sau ba câu niệm Phật lớn tiếng cùng cả trăm người trên viện, tôi rời giường đi rửa mặt rồi vào mặc áo, chuẩn bị lên đường. Thầy

Thông Chánh có mặt ngay khi tôi đang xách va-li tiến về hướng Tổ đường. Thầy xách va-li cho tôi, bảo tôi vào phòng thầy bốn sư chào từ giã. Các chú Sáng, Sướng, Thiệt vẫn còn lằng xằng thu xếp đồ đạc trong phòng. Tôi vào một mình. Thầy tôi vừa tọa thiền xong, đang ngồi ở bàn viết. Tôi vào thì thầy trao cho một phong bì, nói:

“Thầy cho con để mua sách vở học. Khi nào cần gì thì viết thư về để thầy gửi thêm. Nhớ lời thầy dặn, dù ở đâu cũng phải nương những vị minh sư mà tu học, không theo tà sư hay bạn bè xấu.”

Tôi xúc động nhưng kèm chế, không dám biểu lộ. Thầy tôi không thích con trai mà ủy mị. Đã có lần thầy trách tôi mềm yếu như con gái, chọ là tôi bị ảnh hưởng từ các tiểu ni hay các sư cô trong thời gian theo học kinh và tụng kinh ở chùa sư nữ. Lạy thầy xong là tôi lui ra ngay. Thầy bước theo, đưa tôi ra ngoài phòng khách, nơi đó có thầy Thông Chánh đứng chờ.

Viện thuê bao nguyên một chiếc xe đồ chở chúng tôi đi từ Nha Trang ra tận Phật học viện. Nhưng xe vào đến viện Hải Đức rất bất tiện, vì vậy địa điểm được chọn để chúng tôi tập trung là chùa Tỉnh Hội. Bảy chú tử Phật học viện Linh Sơn cũng đi xe lam từ Cầu Dứa xuống. Lốp tôi thì

bốn người ở viện Hải Đức, một người ở chùa Phước Điền cùng đi bộ đến chùa Tỉnh Hội. Mạnh ai nấy đi, miễn sao đến trước 6 giờ sáng là được. Thầy Thông Chánh xách hành lý đưa tôi đi bằng con đường Hoàng hôn quen thuộc. Thầy đưa tôi đến tận xe, leo lên ngồi với tôi một lúc.

Trên xe cũng náo nhiệt lắm, có mười hai chú tiểu cùng một số người thân đưa đón thôi mà ồn như cái chợ. Thân nhân các chú đến đó, dặn dò, khuyên nhủ, khóc lóc cũng có. Tôi chỉ có thầy Thông Chánh như là người thân vào giây phút chia tay đó. Thầy cứ ngồi cười, lâu lâu nắm tay tôi lắc lắc. Thầy vẫn vậy, không biết buồn là gì.

Đến giờ xe sắp chạy bỗng thấy mẹ tôi xuất hiện. Tôi không kịp nói gì với mẹ, chỉ ngồi trên xe, nhìn bà từ khung cửa sổ. Thầy Thông Chánh chạy đến bắt tay tôi lần cuối trước khi xe chạy. Rồi thầy đứng lại gần chỗ mẹ tôi và những bà mẹ của những chú tiểu khác. Tình huynh đệ giữa tôi và thầy ấy đã được biểu lộ bằng một cái xiết tay. Nhưng tình mẫu tử thì không. Mẹ tôi chỉ đứng nhìn theo, rồi đưa một tay lên vẫy. Tôi đưa tay vẫy lại. Bóng mẹ và những người đưa tiễn nhòa dần trong màn sương sớm.

(mời đọc tiếp Chương 11)

Vĩnh Hào

